

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

**CÔNG SUẤT: SẢN XUẤT, GIA CÔNG SẢN XUẤT GIƯỜNG, TỦ BÀN
GHẾ BẰNG GỖ VÀ KIM LOẠI CÔNG SUẤT 50.000 SẢN PHẨM/NĂM**

*Địa điểm: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE



YANG YOU PING

Đồng Phú, tháng 01 năm 2026



MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH ẢNH	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	16
5. Các thông tin khác của cơ sở.....	21
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	24
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	25
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	31
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	34
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải chất thải nguy hại	35
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	37
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	39
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	43
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	43
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	44
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	45
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	48
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	48

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	48
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2025	48
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)..	49
5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)	49
6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	49
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	49
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	50
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	50
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	51
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	52
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	53

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BQLKKT	Ban quản lý khu kinh tế
BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVTV	Bảo vệ thực vật
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
L	Lít
GPMT	Giấy phép môi trường
KCN	Khu công nghiệp
HC	Hóa chất
HT	Hệ thống
NĐ	Nghị định
NT	Nước thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
STT	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TQ	Trung Quốc
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
VN	Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của cơ sở	7
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng cho sản xuất	17
Bảng 1.3. Thành phần, tính chất hóa học nhiên liệu, hóa chất sử dụng	18
Bảng 1.4. Thông kê lượng điện tiêu thụ năm 2025	19
Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	19
Bảng 1.6. Thông kê nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải thực tế	20
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất	21
Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở.....	22
Bảng 1.9. Hạng mục các công trình của cơ sở	22
Bảng 3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước của cơ sở	26
Bảng 3.2. Lưu lượng nước thải phát sinh	27
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của danh mục thiết bị hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m ³ /giờ	32
Bảng 3.4. Khối lượng CTR CNTT dự kiến sẽ phát sinh tại cơ sở	34
Bảng 3.5. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở năm 2025	35
Bảng 4.1. Tổng hợp nguồn thải, dòng khí thải, lưu lượng thải và vị trí, phương thức xả khí thải của cơ sở	44
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của dòng khí thải.....	44
Bảng 5.1. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh	48
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025	49
Bảng 6.1. Phân bố thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	50
Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	50

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí của cơ sở.....	7
Hình 1.2. Nhà xưởng hiện hữu tại cơ sở	8
Hình 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở.....	10
Hình 1.4. Nguyên liệu đầu vào	11
Hình 1.5. Khu vực máy cắt và đường ống thu gom bụi	11
Hình 1.6. Cắt giấy dán bề mặt	12
Hình 1.7. Khu vực ép ván và máy ép ván	12
Hình 1.8. Máy khoan đục mộng	13
Hình 1.9. Công đoạn chà nhám các chi tiết.....	13
Hình 1.10. Công đoạn phong biên.....	14
Hình 1.11. Khu vực để ngũ kim, phụ liệu hoàn thiện sản phẩm	15
Hình 1.12. Khu vực lắp ráp	15
Hình 1.13. Khu vực đóng gói	16
Hình 1.14. Sản phẩm minh họa của cơ sở.....	16
Hình 1.15. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở.....	20
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở	26
Hình 3.2. Hồ ga đầu nối nước mưa KCN	27
Hình 3.3. Hồ ga thoát nước thải	28
Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	29
Hình 3.5. Minh họa cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn	30
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m ³ /giờ.....	31
Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m ³ /giờ.....	32
Hình 3.8. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.....	35
Hình 3.9. Kho chứa chất thải nguy hại	36

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở đầu tư: Công ty TNHH FC Furniture

- Địa chỉ văn phòng: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (Địa chỉ cũ Lô F1, F3 khu B, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông YANG YOUPING ; Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913664441 ; Email: Ctyfcfurniture@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3801311186 đăng ký lần đầu ngày 16/1/2025 được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7621353864 chứng nhận lần đầu ngày 8/1/2025 được cấp bởi BQL khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

- Mã số thuế: 3801311186.

2. Tên cơ sở

“Công ty TNHH FC Furniture”

*Công suất: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại
công suất 50.000 sản phẩm/năm.*

- Địa điểm thực hiện cơ sở đầu tư: thuê nhà xưởng của Công ty TNHH một thành viên Sâm Bác tại Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (Địa chỉ cũ Lô F1, F3 khu B, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

- Quy mô của cơ sở đầu tư theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Cơ sở nhóm B (Nhà máy sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại có tổng vốn đầu tư 128.639.999.700 thuộc cơ sở công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại.

- Phân nhóm cơ sở: Cơ sở thuộc nhóm III (Mục II.2, Phụ lục V, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 28 Luật BVMT số 72/2020/QH14.

- Cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép môi trường: Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2.1. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm thực hiện cơ sở: thuê nhà xưởng của Công ty TNHH một thành viên Sâm Bắc tại Lô F1, F3 khu B, KCN Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích 16.544 m² (diện tích mặt đất).

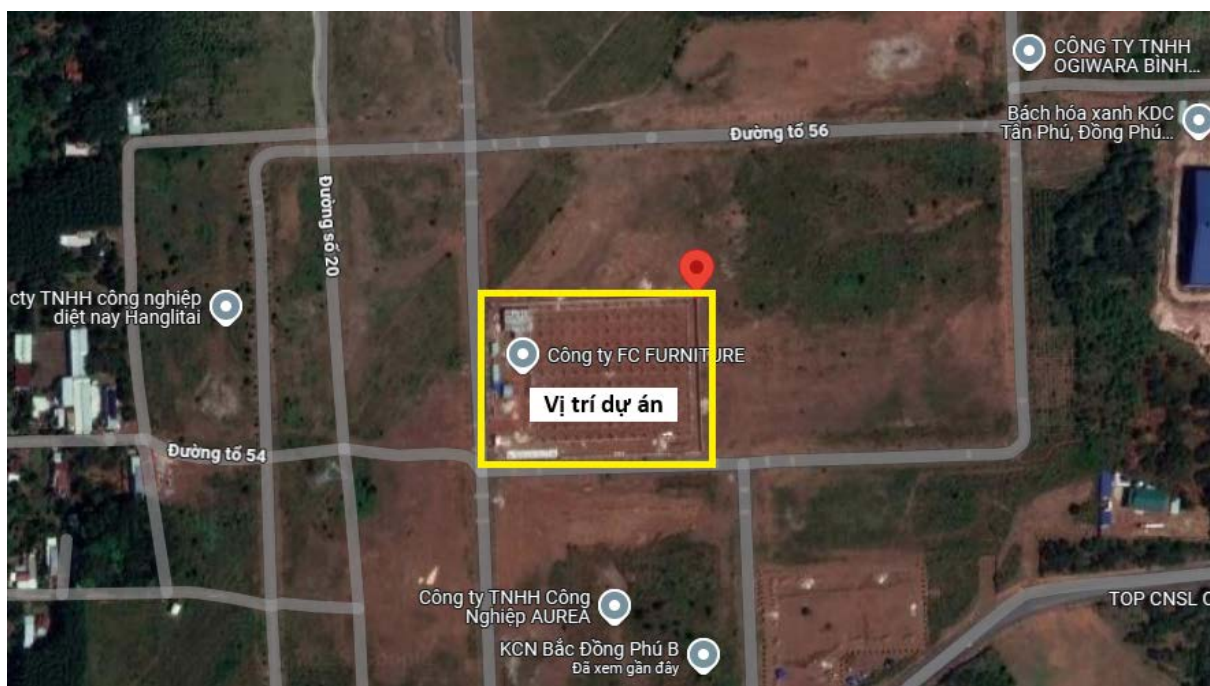
- Ranh giới cụ thể được xác định như sau:
- + Phía Đông & Bắc: giáp đất trống KCN.
- + Phía Tây & Nam: giáp đường nội bộ KCN.

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí của cơ sở

Tên điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1268204,07	569660,12
2	1268201,61	569596,17
3	1268198,38	569512,23
4	1268094,46	569516,23
5	1268086,77	569524,53
6	1268092,15	569664,43

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở: cơ sở thuê nhà xưởng của Công ty TNHH một thành viên Sâm Bắc đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là BQL KKT tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy phép xây dựng số 25/GPXD ngày 27/12/2022.



Hình 1.1. Vị trí của cơ sở

*) Hiện trạng khu đất của cơ sở

Cơ sở nằm trong lô đất KCN Bắc Đồng Phú và Chủ cơ sở đã có Hợp đồng thuê

nhà xưởng số 01072024/PC/HĐTX ngày 01/07/2024 với tổng diện tích đất là 16.544m².

Hiện trạng nhà xưởng đã xây dựng hoàn thiện kèm các công trình phụ trợ cơ bản như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước thải,... Vì vậy, cơ sở không thực hiện hoạt động thi công, xây dựng; chỉ tiến hành cải tạo, lắp đặt các thiết bị, máy móc sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phù hợp với hoạt động phát thải để đảm bảo yêu cầu về môi trường.



Hình 1.2. Nhà xưởng hiện hữu tại cơ sở

2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép đến môi trường, phê duyệt cơ sở

Công ty thuê nhà xưởng của Công ty TNHH một thành viên Sâm Bắc đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy phép xây dựng số 25/GPXD ngày 27/12/2022.

2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Quy mô của cơ sở: Cơ sở nhóm B (Nhà máy sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại có tổng vốn đầu tư 128.639.999.700 thuộc cơ sở công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP:

+ Cơ sở nằm trong KCN Bắc Đồng Phú đã hoàn thiện mặt bằng nên không có hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa; không sử dụng đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; không di dân tái định cư. Trên khu đất thực hiện của cơ sở không có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

+ Nước thải từ hoạt động của cơ sở được xả vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của KCN Bắc Đồng Phú, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

Như vậy, cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại.

- Cơ sở có phát sinh nước thải khoảng 24 m³/ngày.đêm; bụi, khí thải có hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m³/giờ.

- Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

- Phân nhóm cơ sở: Cơ sở thuộc nhóm III (Mục II.2, Phụ lục V, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

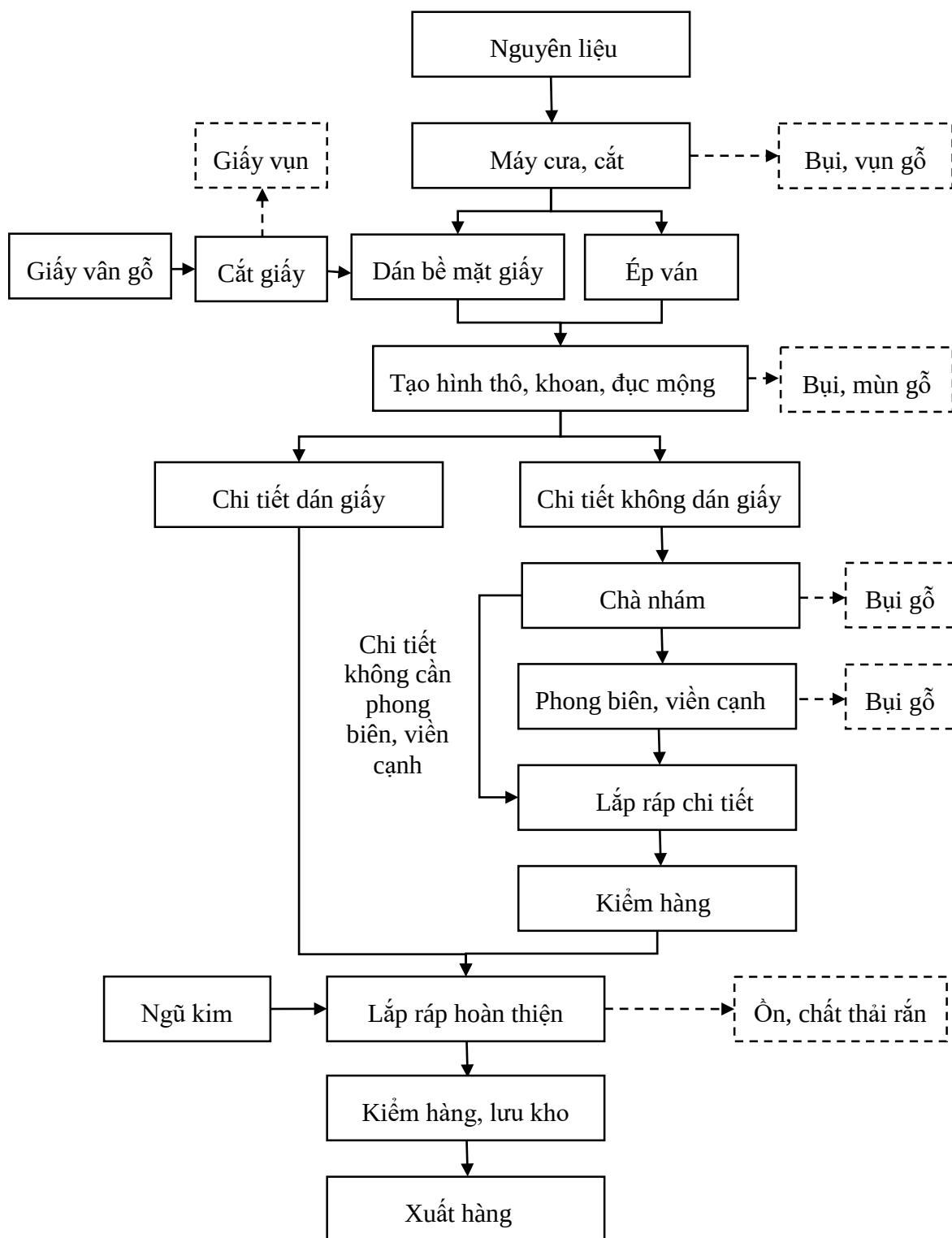
- Thẩm quyền cấp GPMT: Căn cứ theo Điều 39, khoản 2, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 26, khoản 1, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp GPMT của Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất thiết kế: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại: 50.000 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1.3. Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính của cơ sở là ván ép, MDF hoặc PB, có nguồn gốc trong nước và nhập khẩu, ván ép, MDF, PB nhận về nhà máy theo nhiều qui cách khác và kích

thước khác nhau 2440x1220x12mm, 2440x1220x18mm, 2440x1220x4,75mm,và được lưu chứa trong nhà máy trên những pallet gỗ giúp hạn chế độ ẩm, ván ép từ khu vực lưu trữ để di chuyển đến công đoạn cưa, cắt để chuẩn bị cho quá trình sản xuất.



Hình 1.4. Nguyên liệu đầu vào

- **Công đoạn cưa, cắt:** Nguyên vật liệu ván ép sẽ được chuyển đến máy cưa, cắt. Tại đây, ván ép sẽ được cưa, cắt thành những thanh ván ép có kích thước khác nhau theo yêu cầu đặt hàng, quá trình cưa, cắt ván ép được thực hiện tự động, hờ, chủ yếu phát sinh bụi và chất thải rắn, chủ đầu tư sẽ bố trí hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh.



Hình 1.5. Khu vực máy cắt và đường ống thu gom bụi

- **Công đoạn dán bề mặt:** Đối với các thanh ván ép làm khung giường, bàn ghế và tủ sẽ được di chuyển qua khu vực dán giấy vân gỗ, giấy vân gỗ được nhập từ các nhà cung cấp theo dạng cuộn. Tại đây, giấy được cắt theo kích thước đã được lập trình sẵn trong máy cắt giấy. Quá trình cắt giấy được thực hiện tự động và hờ chủ yếu chỉ phát sinh giấy vụn, thừa. Chủ đầu tư sẽ bố trí công nhân vệ sinh, quét dọn khu vực làm việc và thiết kế nhà xưởng thông thoáng khu vực sản xuất.



Hình 1.6. Cắt giấy dán bề mặt

Sau đó thanh gỗ ép sẽ được đưa vào máy dán để dán lại bằng giấy vân gỗ. Tại máy dán, keo sẽ được bơm vào máy, máy sẽ làm nóng chảy keo, các con lăn trong máy sẽ cán keo đều trên gỗ, nhằm dính chặt giấy vào gỗ, keo sử dụng là loại keo sữa, trong quá trình sử dụng không cần pha thêm dung môi và được để khô trong nhiệt độ môi trường tự nhiên. Quá trình dán giấy được thực hiện tự động và hở.

- **Công đoạn ép ván:** Đối với các thanh ván ép làm mặt giường, tủ bàn ghế sẽ được chuyển qua khu vực ép ván. Trước tiên, từng tấm ván ép mỏng sẽ được lăn keo bằng trục lăn để phủ một lớp keo lên bề mặt, sau đó từng tấm ván ép sẽ được công nhân bố trí chồng lên nhau tạo đồ gài phù hợp theo yêu cầu. Khi độ dày phù hợp sẽ cho vào máy ép. Ván ép cho vào máy, máy sẽ tự động làm việc từ máy ép tấm ván theo khuôn, máy ép dùng sóng cao tần, không dùng nhiệt nên không gây ô nhiễm. Sau một thời gian ngắn, keo khô tự nhiên và tấm ép ván được tháo ra khỏi khuôn có độ dày, kích thước tấm ván theo yêu cầu.



Hình 1.7. Khu vực ép ván và máy ép ván

- **Công đoạn tạo hình thô, khoan và đục mộng:** Toàn bộ các chi tiết sau khi dán giấy và ép ván đều được đưa đến công đoạn tạo hình thô. Tại đây, các chi tiết sẽ được chuyển qua khu vực khoan, đục mộng theo quy chuẩn thiết kế của từng loại sản phẩm. Các công đoạn tại khu vực tạo hình thô (khoan và đục mộng) được thực hiện bán

tự động, công đoạn hờ và có phát sinh bụi và mùn cưa. Tại mỗi máy khoan và máy làm mộng chủ đầu tư sẽ bố trí các hệ thống để thu gom và xử lý bụi phát sinh. Các chi tiết sau khi được tạo hình sẽ chia làm 2 loại: Chi tiết dán giấy vân gỗ và chi tiết không dán giấy vân gỗ. Đối với các chi tiết dán giấy vân gỗ sẽ được chuyển qua công đoạn lắp ráp thành phẩm cùng với các chi tiết bề mặt và các ngàm kim khác. Đối với chi tiết không dán giấy vân gỗ sẽ được chuyển qua công đoạn chà nhám, để tiếp tục quy trình sản xuất.



Hình 1.8. Máy khoan đục mộng

- **Công đoạn chà nhám:** Các chi tiết không dán giấy vân gỗ được chuyển sang khu vực chà nhám nhằm đảm bảo bề mặt ván lạng mịn theo yêu cầu. Quá trình chà nhám được thực hiện bán tự động, công đoạn hờ và tại khu vực chà nhám sẽ phát sinh bụi gỗ có kích thước nhỏ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý để thu hồi bụi mịn, mặt cưa nhỏ nhằm đảm bảo không khí bên trong khu vực sản xuất được sạch sẽ. Sau công đoạn chà nhám, các chi tiết được chia làm 2 loại: Chi tiết phong biên và chi tiết không phong biên. Đối với chi tiết không phong biên sẽ được chuyển đến công đoạn như: Lắp ráp chi tiết, sau đó lắp ráp hoàn thiện.



Hình 1.9. Công đoạn chà nhám các chi tiết

- **Công đoạn phong biên:** Các chi tiết sau khi chà nhám được chuyển qua công đoạn phong biên, viền cạnh. Quá trình phong biên, viền cạnh, được thực hiện tự động và bán khép kín. Sử dụng chỉ, dây biên và keo dán cho quá trình phong biên. Máy phong

biên được thiết kế có chứa keo để kết dính dây biên và chi tiết ván ép. Tại công đoạn này có sử dụng keo nhưng loại keo chuyên dụng, đồng thời keo được máy châm tự động, một khối lượng ít vừa đủ dùng và khu vực keo được thiết kế kín trong máy. Vì vậy, lượng keo phát sinh trong công đoạn này không đáng kể, đồng thời công đoạn phong biên có quá trình cắt 2 đầu ván, bo cạnh nên sẽ phát sinh bụi, chủ đầu tư sẽ bố trí hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh, nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí bên trong khu vực xưởng sản xuất.



Khu vực dán biên



Kệ dây biên



Máy dán biên

Hình 1.10. Công đoạn phong biên

- **Công đoạn lắp ráp chi tiết:** Đối với các chi tiết phong biên và không phong biên đều được chuyển sang công đoạn lắp ráp. Tại công đoạn này, các chi tiết nhỏ được lắp ráp lại với nhau thông qua các mộng và đinh bắn. Các chi tiết sau đó được kiểm tra, ván ép bị khuyết bề mặt được chuyển đến công đoạn chỉnh sửa. Ván ép được tram bột trét nhằm tạo độ trơn che khuyết điểm cho sản phẩm, khắc phục các lỗi bề mặt. Sau khi lắp ráp các chi tiết được vận chuyển đến.

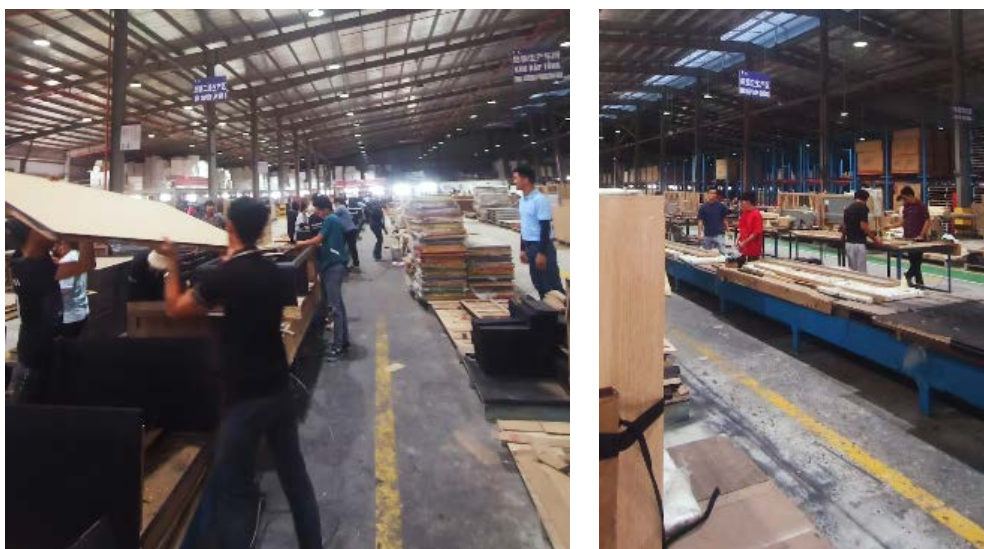
- Công đoạn lắp ráp hoàn thiện:

+ Đối với các sản phẩm làm giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ: các chi tiết khung ván ép và bề mặt giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ ép sẽ được chuyển đến công đoạn lắp ráp hoàn thiện sản phẩm bằng ngũ kim (các loại ngũ kim như đinh, tán, bản lề, chốt cửa, tay nắm được chủ cơ sở mua từ bên ngoài). Công đoạn này được thực hiện bán tự động và hờ, quá trình chủ yếu sẽ phát sinh tiếng ồn và chất thải rắn. Chủ đầu tư sẽ bố trí thu gom, xử lý chất thải phát sinh theo quy định và thực hiện thông thoáng nhà xưởng.

+ Đối với các sản phẩm là giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ có khung sắt: các chi tiết bề mặt giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ ván ép sẽ được chuyển đến công đoạn lắp ráp hoàn thiện sản phẩm bằng ngũ kim (các ngũ kim như đinh, tán, bản lề, chốt cửa, tay nắm được chủ cơ sở mua từ bên ngoài), cùng với các khung sắt (các khung sắt để lắp ráp là khung sắt thành phẩm được công ty đặt gia công bên ngoài sau đó vận chuyển về nhà xưởng) để lắp ráp hoàn thiện sản phẩm. Mỗi sản phẩm sẽ được bố trí khu vực lắp ráp riêng. Trong quá trình chủ yếu sẽ phát sinh tiếng ồn và chất thải rắn, chủ đầu tư sẽ bố trí thu gom, xử lý chất thải phát sinh theo quy định và thực hiện thông thoáng nhà xưởng.



Hình 1.11. Khu vực để ngũ kim, phụ liệu hoàn thiện sản phẩm



Hình 1.12. Khu vực lắp ráp

- Công đoạn kiểm tra và đóng gói: Sau khi lắp ráp xong, các sản phẩm này được đưa qua công đoạn kiểm tra sản phẩm, những sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đưa qua các công đoạn đóng gói thành phẩm và lưu kho, chờ xuất xưởng.



Hình 1.13. Khu vực đóng gói

❖ **Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở**

Cơ sở “Công ty TNHH FC Furniture” của Công ty TNHH FC Furniture là công nghệ bán tự động, kết hợp giữa máy móc và nhân công lao động, hỗ trợ phần lớn công việc của công nhân, đồng thời đẩy nhanh thời gian hình thành sản phẩm. Các hạng mục công trình nhà xưởng được xây dựng thông thoáng, đảm bảo thoáng khí cho khu vực làm việc.

Việc chủ cơ sở lựa chọn khu vực thực hiện cơ sở là KCN Bắc Đồng Phú – một KCN có nhiều năm hoạt động và là nơi tập trung chuyên thu hút đầu tư các lĩnh vực đầu tư chính là: Cơ khí chế tạo máy; Điện, điện tử, công nghệ thông tin; Hóa dược; Dệt may; Vật liệu xây dựng; Công nghiệp tiêu dùng..., đã có sẵn các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình BVMT phù hợp cho ngành nghề sản xuất của cơ sở.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại: 50.000 sản phẩm/năm.



Hình 1.14. Sản phẩm minh họa của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên phụ liệu phục vụ cơ sở

Tổng hợp nhu cầu nguyên, vật liệu, hoá chất:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng cho sản xuất

TT	Tên nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng tháng 02/2025-10/2025	Khối lượng khi đạt công suất tối đa	Xuất xứ
I	Nguyên, vật liệu				
1	Gỗ nguyên liệu đã qua xử lý	m ³ /năm	95	200	Việt Nam/Trung Quốc
2	Ván ép các loại	Tấn/ năm	70	140	Việt Nam/Trung Quốc
3	Linh kiện, phụ kiện ngũ kim (đỉnh, tán, chốt kim loại, tay nắm...)	Tấn/ năm	6.5	15	Việt Nam/Trung Quốc
4	Giấy dán	m ³ /năm	700	1.200	Việt Nam/Trung Quốc
5	Bao bì Nilon	Tấn/ năm	12	25	Việt Nam
6	Khung sắt	Tấn/ năm	75	100	Việt Nam
7	Giấy chà nhám	Tấn/ năm	1	4	Việt Nam
8	Dây biên PVC	Tấn/ năm	25	45	Việt Nam/Trung Quốc
II	Hoá chất				
1	Keo dán	Tấn/ năm	16	25	Việt Nam/Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

Đặc tính nguyên liệu và hóa chất sử dụng:

Bảng 1.3. Thành phần, tính chất hóa học nhiên liệu, hóa chất sử dụng

STT	Tên thương mại/thường gọi	Thành phần chính	Đặc tính	Khả năng gây hại
1	Keo sữa	Polyvinyl alcohol; Resin PVA; Kaolinit, Calcium carbonate ; deionized water	- Vật thể: dạng kem - Màu sắc: màu trắng sữa - Mùi vị: có mùi chua - Độ pH: 4-6 - Nhiệt độ sôi: 100°C, - Tỉ trọng: 1.11-1.15 - Độ dính: 13000-18000cps - Tan chảy trong nước	- Phân hủy nhiệt : nếu sử dụng đúng , sẽ không phân hủy - Chất phân hủy nguy hiểm: nếu sử dụng đúng ,sẽ không phân hủy - Chất cấm: không sút ăn mòn (ví dụ axit sulfuric, axit photphoric) 'ăn da, chất oxi hóa mạnh (ví dụ hydrogen peroxide, thuốc tím). - Độc tính cấp tính: Độc tính cấp tính của các chất tương tự là rất thấp
2	Keo vàng	Polyvinyl alcohol solution; Polyvinyl acetate polymer; Filler; Deionized water; color powder	- Vật thể: dạng kem - Màu sắc: màu ngả vàng - Mùi vị: có mùi chua - Độ pH: 5-7 - Nhiệt Độ sôi: 100°C - Tỉ trọng: 1.05-1.1 - Độ dính: 13000-17000cps - Tan chảy trong nước	- Tính phân hủy không phân hủy trong môi trường tự nhiên. - Tính độc hại không gây hại. - Cái khác không có tác dụng ngăn chặn vi khuẩn trong hệ thống xử lý nước thải. - Không thể thải ra nguồn nước thải, môi trường đất cát.
3	Keo nhũ tương EVA	Nhựa vinyl axetat etylen/ EVA; Nước / H ₂ O; Toluene	- Trạng thái vật lý: Dạng nước - Màu sắc: Trắng sữa - Mùi vị: Không - Độ pH : 4.0-6.0 - Nhiệt độ làm mềm : Khoảng 100 độ c - Điểm chớp nháy : Không - Giới hạn cháy nổ : Không - Mật độ tương đối : Không - Áp suất hơi : Không	- Tính ổn định : Ổn định - Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: nhiệt phân ở nhiệt độ cao (200°C) - Các chất cần tránh: Tương kỵ: Tránh xa các loại thực phẩm, axit và kiềm - Các điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ trên 40°C và dưới 0°C - Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: CO và CO₂

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cấp điện cho máy móc, thiết bị trong giai đoạn vận hành được lấy từ hệ thống cấp điện của KCN Bắc Đồng Phú.

- Nhu cầu sử dụng: khoảng 165.040 kWh/tháng.

Lượng điện chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng cho các xưởng, văn phòng, sử dụng cho các thiết bị sản xuất khoảng 165.040 Kwh/tháng (theo hóa đơn tiền điện từ tháng 02 đến tháng 10).

Bảng 1.4. Thống kê lượng điện tiêu thụ năm 2025

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (Kwh)
1	Tháng 02	111.500
2	Tháng 03	170.800
3	Tháng 04	148.700
4	Tháng 05	197.700
5	Tháng 06	195.200
6	Tháng 07	186.600
7	Tháng 08	214.200
8	Tháng 09	200.200
9	Tháng 10	225.500
Tổng		1.650.400
Trung bình tháng (Kwh/tháng)		165.040
Trung bình ngày (Kwh/ngày)		6.347,69

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

4.3. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung nước

- Nguồn cấp: từ nhà máy cấp nước sạch của KCN Bắc Đồng Phú.

- Nhu cầu sử dụng:

+ Nước cấp sinh hoạt: Số lượng CBCNV dự kiến khoảng 300 người, không bố trí hoạt động nấu ăn, ở lại. Định mức cấp nước sinh hoạt (theo QCVN 01:2021/BXD) là 100 lít/người/ngày. Lượng cấp nước tối cho sinh hoạt giai đoạn vận hành là:

$$300 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} / 1.000 = 30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ Nước tưới cây, rửa đường.

+ Nước phòng cháy chữa cháy.

+ Do đặc thù sản xuất của cơ sở không có nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày tại Bảng sau:

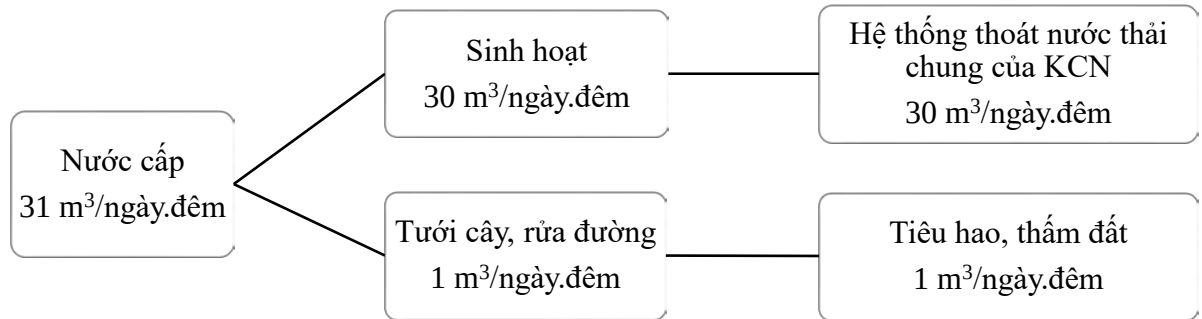
Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Hạng mục	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	Ghi chú
I	Nước cấp sinh hoạt	m ³ /ngày.đêm	30	Hàng ngày
II	Nước cấp tưới cây rửa đường	m ³ /ngày.đêm	1	Hàng ngày

TT	Hạng mục	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	Ghi chú
III	Nước cấp PCCC (*)	m ³ /lần	10	- Không thường xuyên - Chỉ phát sinh trong trường hợp có cháy
Tổng cộng		m³/ngày.đêm	31	-

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

Ghi chú: (*) – Nước cấp cho hoạt động PCCC, chỉ phát sinh trong trường hợp có cháy nên không tính vào tổng lưu lượng nước cấp tại cơ sở.



Hình 1.15. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở

Ghi chú:– Nước cấp PCCC, chỉ phát sinh trong trường hợp có cháy nên không trình bày trong sơ đồ này.

4.3.3. Nhu cầu sử dụng nước và xả thải theo hóa đơn tiền nước

Căn cứ vào Thông báo tiền nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước, lưu lượng nước cấp và nước thải được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1.6. Thống kê nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải thực tế

STT	Tháng	Năm 2025	
		Lượng nước cấp theo hóa đơn (m ³)	Lượng nước thải (m ³)
1	Tháng 02	543	434,4
2	Tháng 03	571	456,8
3	Tháng 04	1.104	883,2
4	Tháng 05	769	615,2
5	Tháng 06	706	564,8
6	Tháng 07	846	676,8
7	Tháng 08	494	395,2
8	Tháng 09	681	544,8
9	Tháng 10	539	431,2
Trung bình tháng		694,78	555,82
Trung bình ngày		26,72	21,38

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

Ghi chú:

- Thông báo tiền nước đính kèm phụ lục.
- Lưu lượng nước thải bằng 80% nước cấp.

Nhận xét: Năm 2025 lưu lượng nước cấp trung bình của cơ sở khoảng 26,72 m³/ngày (bao gồm nước cấp cho sinh hoạt, hoạt động sản xuất và tưới cây, rửa đường). Lưu lượng nước thải khoảng 21,38 m³/ngày.

5. Các thông tin khác của cơ sở

5.1. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lượng CBCNV dự kiến khoảng 300 người.

- Chế độ làm việc: 01 ca/ngày, 10 tiếng/ca.
- Số ngày làm việc trong năm: khoảng 300 ngày/năm.

5.2. Máy móc thiết bị sản xuất

Danh mục những máy móc, thiết bị chính phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở trình bày tại Bảng sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất	Xuất xứ
1	Máy khoan cắt tự động, Model: ZR-A-3016	Bộ	4	8 KW	Trung Quốc
2	Máy cưa KS-828C	Bộ	2	25 KW	Trung Quốc
3	Máy gắp ván ZGSL2512	Bộ	1	10 KW	Trung Quốc
4	Máy dán cạnh KE-2368JHS	Bộ	1	3 KW	Trung Quốc
5	Máy gia công trung tâm KN-2418NM	Bộ	1	10 KW	Trung Quốc
6	Máy khoan điện tử KD-612KS	Bộ	3	3 KW	Trung Quốc
7	Máy khoan Z4BL	Bộ	3	10 KW	Trung Quốc
8	Máy ép nguội thủy lực MH3248 25T*2S	Bộ	1	15 KW	Trung Quốc
9	Máy dán keo một mặt JSL-1350	Bộ	1	16 KW	Trung Quốc
10	Máy cắt hai đầu MJ243S	Bộ	4	10 KW	Trung Quốc
11	Máy cưa MJ274	Bộ	2	5 KW	Trung Quốc
12	Máy cấp liệu gỗ tự động V-886	Bộ	1	8 KW	Trung Quốc
13	Máy phay MX5117B	Bộ	1	10 KW	Trung Quốc
14	Máy lăn keo GD-300-6M	Bộ	1	10 KW	Trung Quốc
15	Máy bôi keo nóng chảy model: XBS-907	Bộ	1	8 KW	Trung Quốc
16	Máy nén khí (LG-37A)	Bộ	1	35 KW	Trung Quốc
17	Máy sấy khô không khí	Bộ	1	15KW	Trung Quốc
18	Máy khoan đa trục ngang; Model: MZB-64112	Bộ	1	7 KW	Trung Quốc
19	Máy lắp ráp khung dùng gia công gỗ GJJ1808-L-5-JY	Bộ	1	7 KW	Trung Quốc
20	Máy dán giấy lên ván MDF 1325mm	Bộ	1	15KW	Trung Quốc
21	Máy hút bụi	Bộ	1	45KW	Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

5.3. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

Cơ sở thực hiện tại Lô F1, F3 khu B, KCN Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng

Nai với tổng diện tích 16.544m² (diện tích xây dựng):

Bảng 1.8. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích xây dựng	11.301,32	68,31%
2	Diện tích cây xanh	3.312,10	20,02%
3	Diện tích giao thông	1.930,58	11,67%
Tổng		16.544	100

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

- Hạng mục các công trình của cơ sở được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 1.9. Hạng mục các công trình của cơ sở

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ (%)	Kết cấu
1	Nhà xưởng và nhà kho	10.735	21.470	2	65	Móng, đà kiềng, cột, dầm sàn, nền BTCT, tường xây gạch
2	Nhà văn phòng	326,52	1.226,52	4	1,2	Móng, đà kiềng, cột, dầm sàn, nền BT lát gạch, tường xây gạch
3	Bể nước ngầm	180	180	-	1	Đáy sàn bằng BTCT, tường, nắp BT toàn khối
4	Nhà bảo vệ	17,5	17,5	1	0,01	Móng, đà kiềng bằng BTCT, khung BTCT, nền BT, tường xây gạch
5	Nhà vệ sinh công nhân	42,3	42,3	1	0,02	Móng, đà kiềng bằng BTCT, nền BT, tường xây gạch
6	Kho rác sinh hoạt	5	5	1		Kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định
7	Kho chất thải công nghiệp thông thường	48	48	1		Kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định
8	Kho chất thải nguy hại	44,4	44,4	1		Kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định
9	Sân, đường nội bộ và cây xanh	5.145,28	5.145,28	-	31,69	Nền BT
Tổng		16.544	28.179	-	100	-

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

5.4. Quá trình hoạt động và tiến độ lập hồ sơ môi trường của cơ sở

Công ty TNHH FC Furniture thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7621353864 chứng nhận lần đầu ngày 8/1/2025 được cấp bởi Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Đồng Nai).

Chủ cơ sở đã thuê nhà xưởng của Công ty TNHH một thành viên Sâm Bác theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01072024/PC/HĐTX ngày 01/07/2024 với tổng diện tích đất là 16.544 m².

Mục tiêu sản xuất của cơ sở là sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại với công suất thiết kế 50.000 sản phẩm/năm.

Năm 2025, Chủ cơ sở đã thực hiện lập hồ sơ báo cáo đề nghị cấp GPMT và nộp thẩm định vào UBND huyện Đồng Phú (nay là xã Đồng Phú).

Quyết định số 1860/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH FC Furniture ngày 23/06/2025 do UBND Huyện Đồng Phú cấp (nay là xã Đồng Phú).

Biên lại thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số BPH662325 của Công ty TNHH FC Furniture.

Căn cứ theo Điều 26, khoản 1, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ cơ sở sau khi hoàn thành việc đóng phạt và cải tạo, tiếp tục lập lại hồ sơ báo cáo đề nghị cấp GPMT và nộp thẩm định vào Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

**) Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia*

Theo quyết định số 274/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 18/02/2022 về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn như sau: kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp và phát triển bền vững đất nước.

+ Mục tiêu cụ thể như sau: định lượng được các mục tiêu về xác lập vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu quản lý chất thải rắn, nguy hại tập trung, thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo về chất lượng môi trường trên phạm vi cả nước cho giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050.

+ Quan điểm như sau: Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đất nước; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường; bảo tồn và đa dạng sinh học.

Ngành nghề của cơ sở là sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại với mục tiêu sản xuất ít chất thải, cacbon thấp, xanh thân thiện với môi trường và xây dựng lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường tương ứng với từng loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Như vậy, cơ sở phù hợp với các mục tiêu và quan điểm của quy hoạch BVMT quốc gia.

**) Đối với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường*

Cơ sở đã được xây dựng và lắp đặt hoàn thiện trong giai đoạn cả nước thực hiện việc điều chỉnh, sáp nhập các tỉnh. Trước thời điểm sáp nhập, Cơ sở thuộc KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Sau khi sáp nhập địa giới hành chính, vị trí này nay thuộc KCN Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, khi trình bày về sự phù hợp quy hoạch, Cơ sở được xem xét theo quy hoạch của tỉnh Bình Phước trước đây (nay là tỉnh Đồng Nai).

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, liên quan đến phương hướng phát triển ngành quan trọng, phương án tổ chức kinh tế xã hội có nêu: Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến sâu theo hướng cụm ngành; phát triển 03 nhóm ngành chủ lực: chế biến điều, chế biến cao su và gỗ, chế biến thực phẩm (các sản phẩm từ gia súc, gia cầm). Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày

17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau: Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến sâu phải theo hướng cụm ngành; tăng tốc phát triển 03 nhóm ngành điều, gỗ và thực phẩm xuất khẩu chủ lực (các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm) một cách bền vững trước năm 2025, đóng góp cao vào tỷ trọng trong GRDP, thu ngân sách và tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

KCN Bắc Đồng Phú đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 516/QĐ- UBND ngày 18/03/2022 của dự án: “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú, diện tích 189,053369 ha (bổ sung ngành nghề thu hút vào KCN Bắc Đồng Phú) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài và thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước”.

Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú như công nghiệp chế biến nông lâm sản; các ngành công nghiệp sản xuất đồ gỗ; công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, chế tạo cơ khí, máy móc nông cụ, phân bón; sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu như may mặc, đồ điện, đồ gia dụng, kim khí, các loại bao bì; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất dược, mỹ phẩm; chế biến thực phẩm, hương liệu, hóa chất.

Cơ sở “Công ty TNHH FC Furniture” của Công ty TNHH FC Furniture tại KCN Bắc Đồng Phú. Cơ sở hoạt động sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại là phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN. Vì vậy, cơ sở phù hợp với quy hoạch hoạt động của KCN, phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, nên không ảnh hưởng đến quy hoạch chung của khu vực.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

****) Đối với bụi, khí thải***

Cơ sở khi đi vào hoạt động sẽ làm phát sinh khí thải phát tán ra môi trường bao gồm: bụi, khí thải từ công đoạn cắt, ép, khoan, sơn,... Tuy nhiên Chủ cơ sở cam kết lắp đặt các hạng mục công trình bảo vệ môi trường không khí trước khi thải ra ngoài môi trường.

****) Đối với nước thải***

Do đặc thù sản xuất của cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của CBCNV, sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 5 ngăn trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung của KCN và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, không xả thải ra ngoài môi trường.

Như vậy, hoạt động của Cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực thực hiện Cơ sở.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Cơ sở đã xây dựng mạng lưới thoát nước mưa tách riêng với mạng lưới thoát nước thải. Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng tuyến ống đứng thoát xuống hệ thống thoát nước mưa của toàn khu vực nhà xưởng dọc theo hệ thống thoát có bố trí các hố ga sau đó thải thẳng vào hệ thống cống thoát nước chung của KCN Bắc Đồng Phú tại 1 hố ga đầu nối nước mưa trên đường số D2B.

Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng cống thoát nước D300 dài khoảng 14.800 mm, cống thoát nước D400 dài khoảng 6.200 mm, cống thoát nước D500 dài khoảng 2.700 mm, nước mưa chảy qua 19 hố ga lắng cặn kích thước DxRx C: 1000x1000x2500mm, sau đó đầu nối vào hố ga thu gom nước mưa của KCN.

Bảng 3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước của cơ sở

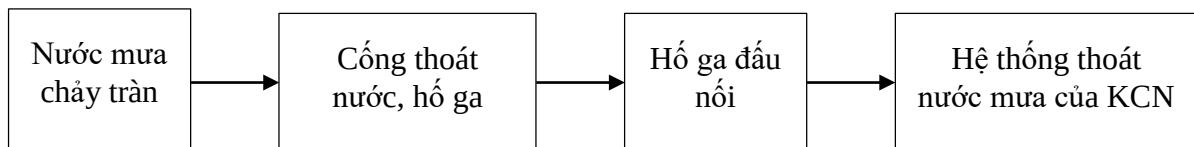
TT	Hạng mục	Số lượng
1	Hố ga lắng cặn	- 19 hố ga - Kích thước: 1000x1000x2500mm
2	Cống thoát nước D300	14.800mm
3	Cống thoát nước D400	6.200mm
4	Cống thoát nước D500	2.700mm

b. Điểm xả nước mưa

Nguồn nước tiếp nhận nước mưa: hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN.

Tọa độ vị trí đầu nối nước mưa: 01 điểm đầu nối trên đường D2B X =1268171; Y = 569508 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°).

c. Sơ đồ thoát nước mưa



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

d. Hình ảnh hố ga thoát nước mưa



Hình 3.2. Hố ga đầu nối nước mưa KCN

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hoạt động tại cơ sở phát sinh nước thải như sau:

Bảng 3.2. Lưu lượng nước thải phát sinh

STT	Mục đích dùng nước	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày)	Diễn giải/Giải trình
1	Nước sinh hoạt	30	24	lưu lượng nước thải tính bằng 80% lượng nước cấp
Tổng		30	24	

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 24 m³/ngày.đêm (lưu lượng nước thải tính bằng 80% lượng nước cấp).

a. Mạng lưới thu gom nước thải

(1.1). Hệ thống thu gom thoát nước thải

- Nguồn thải: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV tại cơ sở. Số lượng CBCNV dự kiến khoảng 300 người.

- Lượng thải: Theo Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP và và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 80% nước cấp. Tổng lượng nước thải hoạt phát sinh của Cơ sở là: 24 m³/ngày đêm.

- Thành phần: nước thải sinh hoạt chủ yếu có chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

Chủ cơ sở bố trí hệ thống thu gom, thoát nước thải của Cơ sở như sau:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng

24 m³/ngày.đêm từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn xây ngầm, sau đó theo đường ống PVC D200 dài 30m chảy vào hố ga thu gom nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN Bắc Đồng Phú tại 01 điểm xả tọa độ X= 1268088; Y = 569639 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°).

b. Công trình thoát nước thải

Chủ cơ sở bố trí ngầm 02 bể tự hoại 5 ngăn dung tích 33 m³/bể để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi chảy về hệ thống bể gom nước thải.

- Tóm tắt quy trình thu gom xử lý: Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh → Bể tự hoại → PVC D200 → Hố ga thu gom nước thải chung của KCN → Hệ thống XLNT của KCN Bắc Đồng Phú.

c. Điểm xả sau xử lý

Nguồn tiếp nhận: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

Vị trí điểm đầu nối: 01 vị trí tại điểm xả.

Tọa độ vị trí hố ga đầu nối: X= 1268088; Y = 569639 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°).

Yêu cầu kỹ thuật: Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

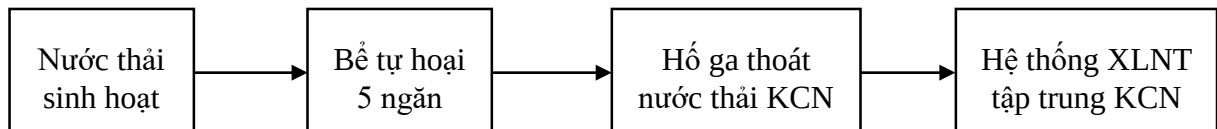
Phương thức xả thải: tự chảy.

Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày đêm.



Hình 3.3. Hố ga thoát nước thải

d. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở



Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

1.3. Công trình xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn thải: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV tại cơ sở. Số lượng CBCNV dự kiến khoảng 300 người.

- Lượng thải: Theo Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 80% nước cấp. Tổng lượng nước thải hoạt phát sinh của Cơ sở là: 24 m³/ngày đêm.

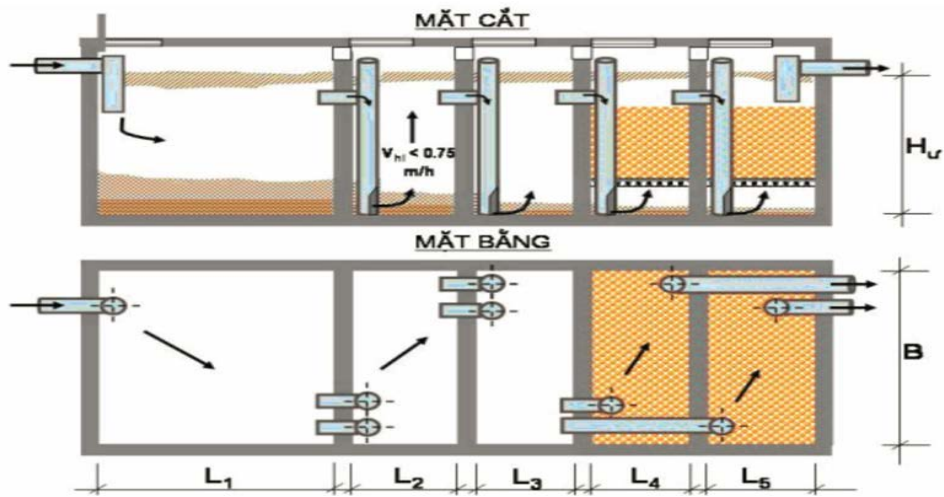
- Thành phần: nước thải sinh hoạt chủ yếu có chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

Chủ cơ sở bố trí hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 24 m³/ngày.đêm từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn xây ngầm, sau đó theo đường ống PVC D200 dài 30 m chảy vào hố ga thu gom nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN Bắc Đồng Phú tại 01 điểm xả toạ độ X= 1268088; Y = 569639 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°).

Công ty bố trí ngầm 02 bể tự hoại 5 ngăn dung tích 33m³/bể để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi chảy về hệ thống bể gom nước thải.

- Thuyết minh công nghệ xử lý: B Bể tự hoại là công trình đồng thời thực hiện các chức năng: Chứa và lắng nước thải lên men cặn lắng, lọc. Cặn lắng được giữ lại bể từ 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần được tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại (Hợp đồng hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu tại Công ty TNHH FC Furniture số 0808/HDDV/2025 ngày 08/08/2025; Hợp đồng hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu tại Công ty TNHH FC Furniture số 021125/HDDV/2025 ngày 02/11/2025).



Hình 3.5. Minh họa cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn

Tính toán bể tự hoại (Nguồn: Trần Đức Hạ (2006) - Xử Lý Nước Thải Đô Thị, Nhà xuất bản Khoa Học và Kỹ Thuật):

Thể tích phân nước: $W_n = K \times Q = 1,2 \times 12 = 14,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Trong đó:

- K: hệ số lưu lượng, $K = 1,2$.

- Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, tính bằng 40% lượng nước dùng cho hoạt động sinh hoạt: $Q = 40\% \times 30 \text{ m}^3/\text{ngày} = 12 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Thể tích phân bùn: $W_b = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$

Trong đó:

- a: Tiêu chuẩn cần lắng cho 1 người, $a = 0,4 \text{ người/ngày.đêm}$.

- N: số người của cơ sở, $N = 300 \text{ người}$.

- t: Thời gian tích lũy cần trong bể tự hoại, $t = 90 - 180 \text{ ngày/đêm}$ (chọn giá trị đặc trưng $t = 100 \text{ ngày}$).

- 0,7: Hệ số tính đến 30% cần đã được phân giải.

- 1,2: Hệ số tính đến 20% cần được giữ lại bể tự hoại để "nhiễm vi khuẩn" cho cần tươi.

- P1: Độ ẩm của cần tươi, $P1 = 95\%$.

- P2: Độ ẩm trung bình của cần trong bể tự hoại, $P2 = 90\%$.

$W_b = 0,4 \times 300 \times 100 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)/100.000 = 5,04 \text{ m}^3/06 \text{ tháng}$.

Thể tích bể tự hoại cần để xử lý nước thải: $W = W_n + W_b = 14,4 + 5,04 = 19,44 \text{ m}^3$.

Công ty bố trí ngầm 02 bể tự hoại 5 ngăn dung tích 33m³/bể để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi chảy về hệ thống bể gom nước thải.

Nhận xét: Tổng thể tích hữu ích các bể tự hoại đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy.

b. Nước thải sản xuất

Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ có nước thải sinh hoạt.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Bụi, khí thải từ máy gia công (máy cưa; máy khoan; máy phong biên; máy chà nhám; máy ép ván)

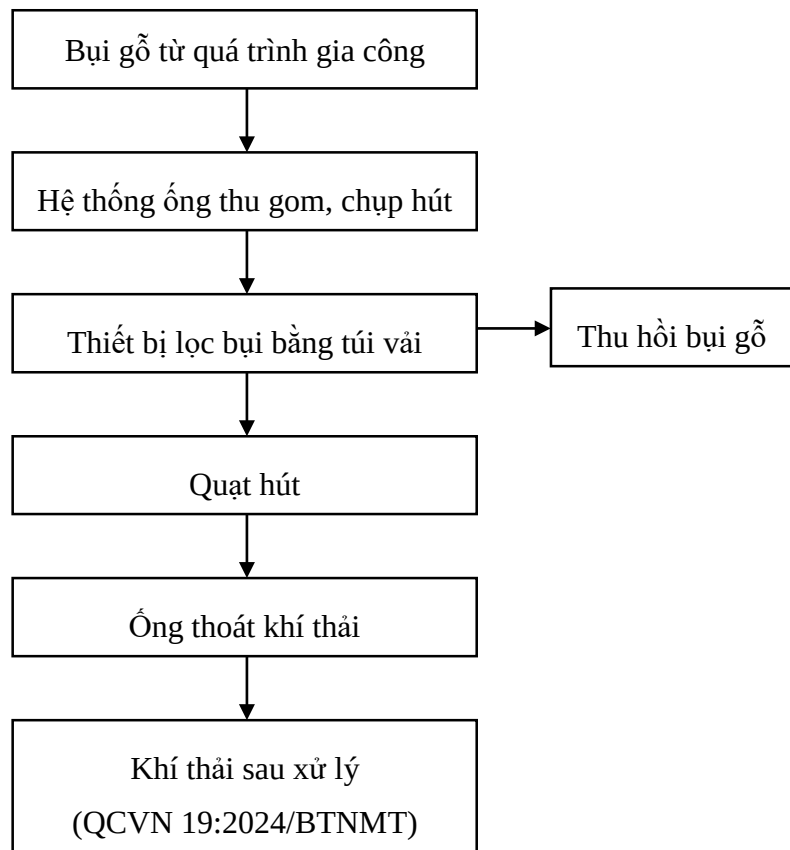
- Nguồn thải: Bụi thải từ các máy gia công (máy cưa; máy khoan; máy phong biên; máy chà nhám; máy ép ván).

- Thành phần bụi thải: bụi.

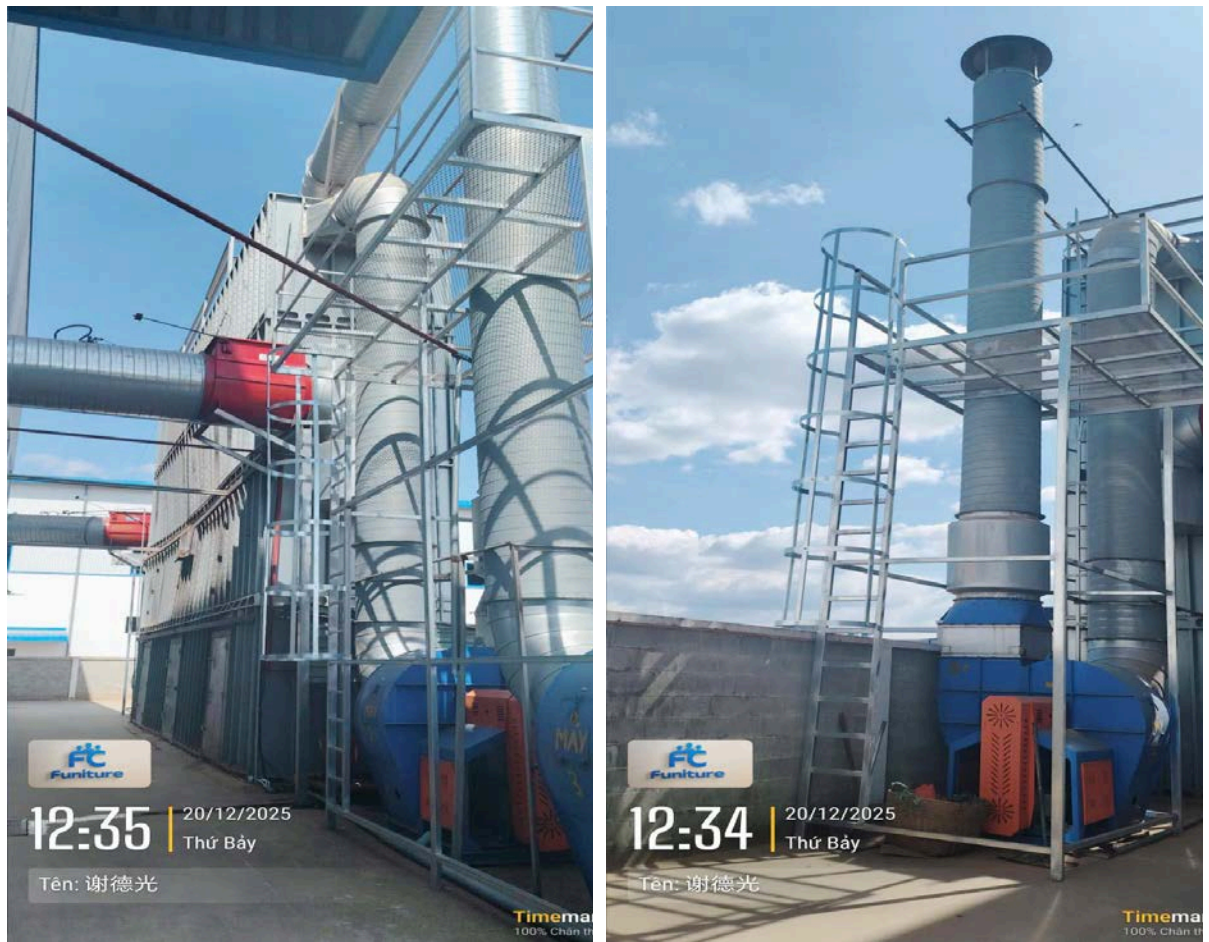
- Lượng bụi thải: $150.000\text{m}^3/\text{h}$.

- Quy trình thu gom: Bụi thải từ quá trình gia công → hệ thống thu gom, chụp hút → Thiết bị lọc bụi bằng túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

Bụi thải từ các máy gia công (máy cưa; máy khoan; máy phong biên; máy chà nhám; máy ép ván) sẽ được thu gom bằng các đường ống ruột gà D90mm, D120mm, D200mm vào các đường ống nhánh bằng kẽm D150mm, D200mm, D300mm rồi dẫn vào đường ống chính bằng kẽm D300-1000mm dẫn về 01 hệ thống xử lý khí thải bụi công suất $150.000\text{m}^3/\text{h}$, khí sạch thoát qua 3 ống đường kính D700, mỗi ống cao 11m.



Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải bụi công suất $150.000\text{ m}^3/\text{giờ}$



Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m³/giờ

+ Thuyết minh công nghệ

Công ty sẽ bố trí các chụp hút tại các máy gia công (máy cưa; máy khoan; máy phong biên; máy chà nhám; máy ép ván) chụp hút sẽ hút tất cả bụi qua các đường ống dẫn đưa về thiết bị lọc túi vải tập trung. Dưới tác dụng của quạt hút, dòng bụi và khí được đưa qua các túi vải trong thiết bị lọc túi vải. Tại đây, các hạt bụi có kích thước lớn hơn kích thước l của vật liệu lọc sẽ được giữ lại và định kỳ được thu gom ra ngoài. Dòng khí sau khi qua các túi vải sẽ được quạt hút đưa lên ống thoát phát thải ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B. Hiệu quả xử lý bụi đạt từ 92-97%, kể cả các loại bụi có kích thước nhỏ hơn 5µm. Bụi sau khi thu hồi được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Thông số kỹ thuật của danh mục thiết bị hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m³/giờ

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của danh mục thiết bị hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m³/giờ

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Đường ống nhánh	- Vật liệu: Nhựa mềm và kẽm - Kích thước: + Ống nhựa mềm ruột gà Ø90-120, L=560m + Ống kẽm Ø150-300mm, L=350m	01 hệ

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
2	Đường ống chính	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: + Ống Ø300mm, L=23m + Ống Ø500mm, L=43m + Ống Ø600mm, L=71m + Ống Ø800mm, L=65m + Ống Ø900mm, L=21m + Ống Ø1000mm, L=45m	01 hệ
3	Thiết bị lọc bụi túi vải	- Kích thước thiết bị: DxRxH=11,76x2,56x9,95m - Chất liệu: Thép - Xuất xứ: Việt Nam	01 bộ
4	Quạt hút	- Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 75HP (55KW) - Vòng tua: 1.400 v/phút - Lưu lượng: 50.000 m ³ /h - Cột áp: 2.200Pa	03 bộ
5	Ống thoát khí sau xử lý	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: Ø800mm, L=8m	03 ống
6	Sàn thao tác lấy mẫu	- Kích thước : DxRxH=4,7x2,7x3,5m - Vật liệu: Thép Hộp 40x80, 50x50, 40x40	02 hệ

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2026

2.2. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải như sau:

- Các phương tiện vận tải: Yêu cầu lái xe vận chuyển phải nghiêm chỉnh chấp hành cơ chế quản lý khu vực, quản lý tốc độ.

- Không sử dụng các phương tiện vận tải quá cũ, hết hạn đăng kiểm.

- Các phương tiện cá nhân: Yêu cầu để xe đúng nơi quy định. Khu vực để xe được bố trí hợp lý, thuận lợi cho việc gửi xe của CBCNV.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan và cải thiện môi trường không khí khu vực cơ sở: tạo bóng mát, giảm bức xạ nhiệt, giảm lượng bụi phát tán trong không khí, giảm tiếng ồn phát sinh,...

- Hàng ngày có nhân viên vệ sinh môi trường quét dọn cuối ca làm việc.

2.3. Mùi từ hệ thống thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải

Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Đậy nắp kín hoặc chế tạo kín cho toàn bộ hệ thống thu gom nước thải, các hố ga thu nước thải.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên.
- Định kỳ 1 tuần/lần phun hóa chất diệt ruồi, muỗi tại khu vực hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và xung quanh khu vực tập kết CTR.
- Định kỳ 3-6 tháng/1 lần tổ chức nạo vét bùn cặn tại các hố ga trong hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chủ cơ sở đã lắp đặt kho chất thải sinh hoạt diện tích 5m^2 , kho chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 48m^2 .

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công, nhân viên làm việc tại Cơ sở phát sinh khoảng 150 kg/ngày tương đương 45 tấn/năm (định mức khoảng $0,5\text{ kg/người/ngày}$).
- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom vào các thùng chứa rác thải dung tích $120\text{-}240\text{ lít/thùng}$ theo phân loại, đưa về lưu chứa tại kho chất thải sinh hoạt diện tích 5 m^2 .
- Kho lưu chứa: Kho chất thải sinh hoạt diện tích 5m^2 có kích thước $D \times R \times C = 2,5 \times 2 \times 2,7\text{m}$, vách và mái lợp tôn, biển tên kho theo quy định.
- Đơn vị thu gom: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất 2 tuần/lần.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT) tại cơ sở phát sinh từ các hoạt động sản xuất bao gồm linh kiện, phụ kiện thải, bao bì thải, củi gỗ vụn thải,... Khối lượng CTR CNTT phát sinh dự kiến khoảng $183,52\text{ tấn/năm}$ (ước tính hao hụt tối đa 10% nguyên vật liệu sản xuất).

Bảng 3.4. Khối lượng CTR CNTT dự kiến sẽ phát sinh tại cơ sở

TT	Tên loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Củi, dăm bào, gỗ vụn thải	34
2	Linh kiện, phụ kiện ngũ kim (đinh, tán, chốt kim loại, tay nắm,...) thải	1,5
3	Giấy dán vụn thải	120
4	Bao bì thải	2,5
5	Giấy chà nhám thải	10
6	Màng nilon thải	0,4
7	Bùn thải từ bể tự hoại	15,12
Tổng cộng		183,52

- Theo tính toán, khối lượng bùn thải phát sinh từ bể tự hoại là $5,04\text{ m}^3$ bùn tươi/6 tháng, tương đương $10,08\text{ m}^3/\text{năm}$, tỷ trọng điển hình của bùn thải bể tự hoại là $1,4 - 1,5\text{ tấn/m}^3$ vì vậy khối lượng bùn từ bể tự hoại phát sinh khoảng $28,89\text{ tấn/năm}$ tương đương 15.120 kg/năm .

- Thiết bị lưu chứa: CTR công nghiệp thông thường được phân loại tại nguồn, thu gom vào các bao túi đựng PE và quản lý tại kho chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 48m².

- Kho lưu chứa: Ngăn chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 48m² có kích thước D x R x C = 24 x 2 x 2,7m, kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định.



Hình 3.8. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường

- Đơn vị thu gom: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất thu gom tùy theo tình hình sản xuất của Công ty. Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tần suất 6 tháng/lần, không lưu chứa tại Kho rác.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại (CTNH) tại cơ sở phát sinh từ các hoạt động sản xuất bao gồm keo dán thải, bao bì nhựa thải, giẻ lau dính dầu,... Khối lượng CTNH phát sinh năm 2025 là 3.945 kg/năm, được phân loại tại nguồn và thu gom theo đúng quy định.

Bảng 3.5. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở năm 2025

TT	Tên loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Khối lượng đề xuất cấp phép
1	Thùng phuy sắt 200L	18 01 02	Rắn	130	260
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	18 01 02	Rắn	415	830

TT	Tên loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Khối lượng đề xuất cấp phép
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	18 01 03	Rắn	1.200	2.400
4	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	Rắn	100	200
5	Keo thải	08 03 01	Lỏng	2.100	4.200
Tổng cộng				3.945	7.890

- Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa bằng nhựa loại 120L để lưu chứa từng loại chất thải, trên mỗi thùng có ghi tên và mã CTNH để nhận diện từng loại chất thải.

- Phân loại và thu gom: Công ty đã thực hiện phân loại chất thải nguy hại theo từng chủng loại và lưu chứa trong các thùng chứa có dán nhãn phân loại theo mã chất thải.

- Kho lưu chứa: Ngăn chứa CTNH diện tích 44,4m² có kích thước DxRxC = 22,2x2x2,7m, kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định. Ngoài ra, trong ngăn chứa CTNH đã bố trí xẻng, cát và các thiết bị chữa cháy cần thiết.

- Kết cấu và thiết kế kho lưu chứa: Kho chứa bê tông, mái lợp tôn, nền đổ bê tông chống thấm, có mương thu gom, phòng ngừa sự cố rò rỉ ra môi trường. Khu vực tập kết có lắp đặt biển báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng theo quy định tại Điều 35, 36 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 (tiếp tục được áp dụng theo Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).



Hình 3.9. Kho chứa chất thải nguy hại

- Đơn vị thu gom và xử lý chất thải nguy hại: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định (*Hợp đồng đính kèm trong phụ lục*).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Che chắn nhà xưởng và lắp đặt các cửa kín để làm giảm độ ồn phát tán ra môi trường xung quanh.
- Kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.
- Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Bố trí thời gian nhập xuất nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
- Đối với người lao động phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

(1). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho CBCNV làm việc trong Nhà xưởng định kỳ theo yêu cầu của pháp luật.
- Quy định các nội quy làm việc tại các khu vực sản xuất của Nhà xưởng bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại Nhà xưởng; trang phục bảo hộ lao động; sử dụng thiết bị máy móc; an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ.
- Tăng cường tập huấn về phòng chống tai nạn lao động.
- Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho CBCNV.
- Tuân thủ quy định trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc tại các dây chuyền sản xuất thuộc Nhà xưởng.
- Không chế tiếng ồn đạt quy chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.

(2). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

***) Biện pháp phòng chống cháy nổ**

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, hệ thống chữa cháy vách tường, trang bị một số phương tiện chữa cháy như: bình chữa cháy, bồn nước chữa cháy, bơm chữa cháy,...
- Lắp biển báo cảnh báo chất dễ gây cháy, nổ tại khu vực lưu trữ, khu vực làm việc có sử dụng nhiên liệu dễ cháy.
- Dán nhãn nguồn điện đầu vào để xác định dòng điện cung cấp. Dán cảnh báo “điện cao áp” và/hoặc “cháy/nổ” ở những nơi làm việc có liên quan đến điện áp cao;
- Công nhân làm việc trực tiếp trong các nhà xưởng sản xuất được tập huấn, hướng

đẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị sản xuất để kịp thời phát hiện và thay mới các tình trạng hư hỏng, nứt vỡ.

**) Các biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ*

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện các bước như sau:

- Xác định nhanh điểm cháy.
- Báo động cho mọi người biết di chuyển theo chỉ dẫn của đèn báo hiệu thoát hiểm.
- Cắt điện và cô lập khu vực cháy.
- Tổ chức cứu người, di chuyển tài sản (nếu có).
- Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy.
- Báo cho lực lượng PCCC đến.
- Di chuyển hàng hoá, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn.
- Khắc phục sự cố và ổn định sản xuất trở lại.

(3). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố công trình bảo vệ môi trường

a). Đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải

**) Biện pháp phòng chống sự cố*

- Ống vận chuyển nước thải sử dụng ống cống BTCT hoặc ống nhựa PVC có khả năng chịu nhiệt, chịu va đập rất tốt và có tuổi thọ rất cao.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt để sẵn sàng xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ bơm hút bùn thải bể tự hoại để tránh trường hợp bùn thải quá tải, giảm khả năng xử lý của bể tự hoại.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

**) Phương án ứng phó, khắc phục sự cố*

- Đối với sự cố vỡ đường ống và rò rỉ nước thải: Nhân viên sẽ kiểm tra các hố ga và khu vực bị rò rỉ, ứ đọng nước thải gây mùi hôi. Khi đã xác định được khu vực bị rò rỉ nước thải, tiến hành thay bằng đoạn ống mới.

- Đối với sự cố bể tự hoại: Khi bị tắc, nên xử lý bằng thiết bị chuyên dụng hoặc gọi dịch vụ xử lý. Nếu rò rỉ, cần khắc phục kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý.

b). Đối với hệ thống xử lý khí thải

**) Biện pháp phòng ngừa*

- Theo dõi thông số vận hành của các thiết bị xử lý khí thải.

- Kiểm tra các thiết bị, máy móc của các thiết bị xử lý khí thải, chất lượng khí thải sau từng ca làm việc.

- Kịp thời sửa chữa các hư hỏng, sai lệch đảm bảo các thiết bị vận hành hiệu quả.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ cho các thiết bị, máy móc đảm bảo điều kiện vận hành tốt nhất.

***) Biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố**

- Biện pháp ứng phó chung:

+ Dừng toàn bộ hoạt động sản xuất của cơ sở ngay khi có sự cố để tránh phát sinh khí thải. Chỉ vận hành sản xuất lại sau khi đã khắc phục hoàn toàn các hư hỏng.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố.

+ Báo cáo ngay với cấp trên khi phát hiện có sự cố xảy ra.

- Đối với sự cố do quạt hút không thể khởi động: Nhân viên tiến hành kiểm tra xác nhận đầu vào và đầu ra của quạt hút có bị tắc nghẽn hay không, tiến hành thông tắc. Sau đó kiểm tra thiết bị, thông báo bộ phận bảo trì để xử lý.

- Đối với sự cố do chụp hút không hút triệt để khí thải phát sinh: Thường xuyên kiểm tra hoạt động của chụp hút. Đảm bảo chụp hút và đường ống dẫn khí khớp nối để lượng khí thải phát sinh được thu gom triệt để.

c). Đối với các công trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước theo đúng quy định;

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

(4). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Chủ cơ sở thực hiện một số phương án phòng ngừa như sau:

- Ban hành nội quy mang và bảo quản thức ăn cho CBCNV.

- Khuyến khích mang thức ăn đựng trong hộp kín, sạch, không để thực phẩm quá lâu ở nhiệt độ phòng, tránh thực phẩm không được bảo quản đúng cách dễ gây hỏng, ôi thiu.

- Cơ sở vật chất được đầu tư đầy đủ như tủ lạnh/lò vi sóng hâm nóng; bố trí các thùng rác nắp đậy và thu gom rác hàng ngày.

Ứng phó sự cố khi xảy ra:

- Rà soát nguồn thực phẩm, hướng dẫn nhân viên về nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố PCCC

Công ty thành lập kế hoạch ngăn ngừa và xây dựng nhóm PCCC từ đội ngũ các công nhân viên trong Nhà máy. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ bao gồm việc ngăn ngừa và ứng phó sự cố từ khu vực lưu trữ nhiên liệu; ứng phó cháy nổ trong toàn Nhà máy. Phương án cụ thể như sau:

+ Phòng ngừa rò rỉ điện

Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.

Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để vận hành viên theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.

Sử dụng vật liệu cách điện tốt.

Lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài.

Giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm.

Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót các tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.

Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.

Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

+ Phòng ngừa cháy nổ

- Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của công ty sẽ có hồ sơ lý lịch đi kèm (nguồn gốc, các thông số kỹ thuật) và thường xuyên được kiểm tra giám sát tình trạng hoạt động các thiết bị này.

- Số lượng các thiết bị PCCC đã trang bị được tính toán và lắp đặt dựa trên diện tích nhà xưởng, đặc trưng của quá trình sản xuất và khối lượng chất cháy nổ lưu trữ thường xuyên tại nhà xưởng.

- Đường nội bộ trong Nhà máy đã được thiết kế và xây dựng với chiều rộng mặt đường từ 5-8 m, thông suốt đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hoả có thể giảm thiểu được bất kỳ lửa phát sinh ở vị trí nào trong nhà xưởng.

- Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra.

- Tất cả các hạng mục, công trình trong nhà xưởng đều được trang bị các bình cứu hoả cầm tay, đặt ở những vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và phải thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình.

- Các nguyên vật liệu dễ cháy, hóa chất gây cháy được lưu trữ trong nhà kho, cách ly với các loại nguyên vật liệu khác.

- Giảm tới mức thấp nhất lượng chất cháy, nổ trong khu vực sản xuất.
- Đối với cán bộ, công nhân viên của đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản và đặt phương tiện chữa cháy đúng vị trí đã quy định.
- Hết giờ làm việc trước khi ra về cán bộ, công nhân viên chức luôn có ý thức và trách nhiệm tắt hết các đèn, quạt và kiểm tra tình trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy khu vực làm việc.
- Tổ chức tập huấn công tác phòng chống cháy nổ cho các nhân viên của Nhà máy.
- Cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng, nhà kho,...
- Tổ chức định kỳ thao diễn cứu hoả với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan phòng cháy, chữa cháy chuyên nghiệp. – Các phương tiện chữa cháy.
- Trang bị các bình chữa cháy phân tán trong nhà xưởng như bình CO₂.
- Huấn luyện nhân viên phương án ứng cứu khi có cháy.
- Bố trí các lối thoát hiểm, lối ra phụ.
- Cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng, nhà kho.

Đối với cán bộ, công nhân viên của đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản và đặt phương tiện chữa cháy đúng vị trí đã quy định.

Hết giờ làm việc trước khi ra về cán bộ, công nhân viên chức luôn có ý thức và trách nhiệm tắt hết các đèn, quạt và kiểm tra tình trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy khu vực làm việc.

Tổ chức tập huấn công tác phòng chống cháy nổ cho các nhân viên của Nhà máy.

Cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng, nhà kho.

Tổ chức định kỳ thao diễn cứu hoả với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan phòng cháy, chữa cháy chuyên nghiệp.

+ Các phương tiện chữa cháy

Trang bị các bình chữa cháy phân tán trong nhà xưởng như bình CO₂.

Huấn luyện nhân viên phương án ứng cứu khi có cháy.

Bố trí các lối thoát hiểm, lối ra phụ.

b. Sự cố vỡ đường ống cấp nước

Các biện pháp phòng ngừa vỡ đường ống nước:

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống ống dẫn được đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

c. An toàn lao động

Tuân thủ nghiêm ngặt quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp;

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Không đưa thiết bị

vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định;

Tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động. Định kỳ đo đạc các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe và có biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

Xây dựng nội quy sản xuất, quy tắc an toàn lao động.

Để tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, công nhân không được phép uống rượu, bia khi đang làm việc.

Khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ cơ sở thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở sau xử lý sơ bộ đáp ứng yêu cầu đầu nối của KCN Bắc Đồng Phú, sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống thoát nước thải của KCN Bắc Đồng Phú với Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú.

Công văn xin gia hạn tạm thời gian tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Bắc Đồng Phú số 19/CV-FC ngày 30/10/2025 của Công ty FC Furniture.

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh tại cơ sở lưu lượng ước tính khoảng 24 m³/ngày đêm được thu gom theo đường ống PVC D200 có chiều dài 30m dẫn về hố ga thu gom nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú với toạ độ đầu nối là X = 1268088; Y = 569639 (theo VN-2000, kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 5 ngăn → hệ thống thoát nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Dung tích bể tự hoại: 02 bể tự hoại, dung tích 33m³/bể.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hoá chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước thải và bể tự hoại theo đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng vật liệu thay thế của hệ thống thu gom, thoát nước thải. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc thoát nước. Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi thải phát sinh từ khu vực mẫu
- Nguồn số 02: Bụi thải phát sinh từ khu làm chi tiết
- Nguồn số 03: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy làm mộng
- Nguồn số 04: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy bào bốn mặt
- Nguồn số 05: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy CNC
- Nguồn số 06: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy cắt
- Nguồn số 07: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy phong biên
- Nguồn số 08: Bụi thải phát sinh từ khu vực chờ cắt
- Nguồn số 09: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy khoan giàn

2.3. Lưu lượng khí thải tối đa, dòng khí thải, phương thức xả khí thải

Tổng hợp nguồn phát sinh khí thải, lưu lượng xả khí thải, dòng khí thải, vị trí và phương thức xả khí thải được trình bày tại bảng sau:

Bảng 4.1. Tổng hợp nguồn thải, dòng khí thải, lưu lượng thải và vị trí, phương thức xả khí thải của cơ sở

TT	Nguồn phát sinh khí thải	Lưu lượng xả khí thải tối đa (m ³ /h)	Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°)		Phương thức xả khí thải
				X	Y	
1	Bụi thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 09	50.000	Tương ứng với ống thải số 1 của hệ thống xử lý khí thải, bụi tập trung	1268185	569657	Xả cưỡng bức
		50.000	Tương ứng với ống thải số 2 của hệ thống xử lý khí thải, bụi tập trung	1268183	569657	Xả cưỡng bức
		50.000	Tương ứng với ống thải số 3 của hệ thống xử lý khí thải, bụi tập trung	1268182	569657	Xả cưỡng bức

2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
I	Dòng khí thải số 1,2,3(*)		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	Lưu lượng tối đa
2	Bụi	mg/Nm ³	≤ 100

Ghi chú:

- (*): Áp dụng giá trị tại Bảng 2. Giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm ở “thể hạt” – Các thiết bị xả thải khác.

- Cột B, quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy làm móng
- Nguồn số 02: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy bào bốn mặt
- Nguồn số 03: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy CNC
- Nguồn số 04: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy cắt
- Nguồn số 05: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy phong biên
- Nguồn số 06: Bụi thải phát sinh từ khu vực máy khoan giàn.
- Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý bụi, khí thải tập trung.

3.2. Vị trí phát sinh

- Nguồn số 01: X = 1268173, Y= 569571.
- Nguồn số 02: X = 1268176, Y= 569580.
- Nguồn số 03: X = 1268175, Y= 569592.
- Nguồn số 04: X = 1268170, Y= 569613.
- Nguồn số 05: X = 1268160, Y= 569608.
- Nguồn số 06: X = 1268135, Y= 569608.
- Nguồn số 07: X = 1268185, Y= 569657.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°15, múi chiếu 3°)

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 – trước 18 giờ (dBA)	Từ 18 – trước 22 giờ (dBA)	Từ 22 – trước 6 giờ	Ghi chú
70	65	60	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
Từ 6 – trước 22 giờ	Từ 22 – trước 6 giờ	
75	70	Khu vực thông thường

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng đề xuất cấp phép
1	Thùng phuy sắt 200L	18 01 02	Rắn	260
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	18 01 02	Rắn	830
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	18 01 03	Rắn	2.400
4	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	Rắn	200
5	Keo thải	08 03 01	Lỏng	4.200
Tổng cộng				7.890

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Củi, dăm bào, gỗ vụn thải	34
2	Linh kiện, phụ kiện ngũ kim (đinh, tán, chốt kim loại, tay nắm,...) thải	1,5
3	Giấy dán vụn thải	120
4	Bao bì thải	2,5
5	Giấy chà nhám thải	10
6	Màng nilon thải	0,4
7	Bùn thải từ bể tự hoại	15,12
Tổng cộng		183,52

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Rác thải sinh hoạt	45	Rắn

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa bằng nhựa loại 120L để lưu chứa từng loại chất thải, trên mỗi thùng có ghi tên và mã CTNH để nhận diện từng loại chất thải.

- Kho lưu chứa: Ngăn chứa CTNH diện tích 44,4m² có kích thước DxRxC = 22,2x2x2,7m, kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định. Ngoài ra, trong ngăn chứa CTNH đã bố trí xẻng, cát và các thiết bị chữa cháy cần thiết.

- Kết cấu và thiết kế kho lưu chứa: Kho chứa bê tông, mái lợp tôn, nền đổ bê tông chống thấm, có mương thu gom, phòng ngừa sự cố rò rỉ ra môi trường. Khu vực tập kết có lắp đặt biển báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng theo quy định tại Điều 35, 36 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 (tiếp tục được áp dụng theo Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: CTR công nghiệp thông thường được phân loại tại nguồn, thu gom vào các bao túi đựng PE và quản lý tại kho chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 48m².

- Kho lưu chứa: Ngăn chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 48m² có kích thước DxRxC = 24x2x2,7m, kết cấu nhà tiền chế bằng thép và biển tên kho theo quy định.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom vào các thùng chứa rác thải dung tích 120-240 lít/thùng theo phân loại, đưa về lưu chứa tại kho chất thải sinh hoạt diện tích 5 m².

- Kho lưu chứa: Kho chất thải sinh hoạt diện tích 5m² có kích thước DxRxC = 2,5x2x2,7m, vách và mái lợp tôn, biển tên kho theo quy định.

- Đơn vị thu gom: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất 2 tuần/lần.

5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong nội dung báo cáo đã nêu phần trên trong báo cáo./.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở đã thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; đầu nối đúng quy định vào hệ thống thoát nước.

+ Tổ chức phân loại rác tại khu vực thực hiện cơ sở, bố trí các loại thùng rác, kho chứa chất thải theo đúng quy định. Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa và ứng phó sự cố. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của cơ sở.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

2.1. Lưu lượng nước thải phát sinh

Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở của năm 2025 được tổng hợp như sau:

Bảng 5.1. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh

STT	Nhu cầu xả thải	Năm 2025 (m ³ /năm)
1	Nước thải sinh hoạt	6.253

Nguồn: Công ty TNHH FC Furniture, 2025

2.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

Không có

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2025

- Thời gian quan trắc: 24/12/2025

- Tần suất quan trắc: 1 lần/năm

- Vị trí điểm quan trắc:

+ E1: Bên trong ống thải số 1 của hệ thống xử lý bụi

+ E3: Bên trong ống thải số 2 của hệ thống xử lý bụi

+ E4: Bên trong ống thải số 3 của hệ thống xử lý bụi

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam. Số Vimcerts: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 039.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có, các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn Tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025

Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³
Điểm đo		
E1: Bên trong ống thải số 1 của hệ thống xử lý bụi MHM: 25	30.117	35
E3: Bên trong ống thải số 2 của hệ thống xử lý bụi MHM: 25	26.284	24
E4: Bên trong ống thải số 3 của hệ thống xử lý bụi MHM: 25	26.971	28
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT; Giá trị C; Cột B	-	200

Nguồn: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam, 2026

Kết luận: Theo kết quả quan trắc khí thải sau các hệ thống xử lý cho thấy các thông số quan trắc đều đạt.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Chủ cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải, do đó, Chủ cơ sở không trình bày báo cáo về nội dung này.

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Chủ cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải, do đó, Chủ cơ sở không trình bày báo cáo về nội dung này.

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Nội dung đã được trình bày ở chương 3.

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Năm 2025, Chủ cơ sở đã thực hiện lập hồ sơ báo cáo đề nghị cấp GPMT và nộp thẩm định vào UBND huyện Đồng Phú (nay là xã Đồng Phú).

Quyết định số 1860/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH FC Furniture ngày 23/06/2025 do UBND Huyện Đồng Phú cấp (nay là xã Đồng Phú).

Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số BPH662325 của Công ty TNHH FC Furniture.

Căn cứ theo Điều 26, khoản 1, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ cơ sở sau khi hoàn thành việc đóng phạt và cải tạo, tiếp tục lập lại hồ sơ báo cáo đề nghị cấp GPMT và nộp thẩm định vào Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai./.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải như sau:

Bảng 6.1. Phân bố thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý khí thải bụi công suất 150.000 m ³ /h	Kể từ ngày được cấp GPMT	Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	≥ 50%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, xử lý chất thải

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình BVMT theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể:

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

Hạng mục	Vị trí	Số mẫu	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn so sánh
Lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định (01 ngày/lần×03 ngày liên tiếp×01 mẫu đơn = 03 lần × 01 mẫu đơn)				
Hệ thống xử lý khí thải bụi	OK1: Bên trong ống thải số 1 của hệ thống xử lý khí thải, bụi	01	Lưu lượng, bụi tổng	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
	OK2: Bên trong ống thải số 2 của hệ thống xử lý khí thải, bụi	01		
	OK3: Bên trong ống thải số 3 của hệ thống xử lý khí thải, bụi	01		

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện kế hoạch

Để đánh giá hiệu quả của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Chủ cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị quan trắc có chức năng thực hiện theo đúng quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Căn cứ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Hạng mục	Vị trí	Chỉ tiêu	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
Hệ thống xử lý khí thải bụi	OK1: Bên trong ống thải số 1 của hệ thống xử lý khí thải, bụi	Lưu lượng, bụi tổng	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
	OK2: Bên trong ống thải số 2 của hệ thống xử lý khí thải, bụi			
	OK3: Bên trong ống thải số 3 của hệ thống xử lý khí thải, bụi			

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc nước thải

Cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung nên không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 47 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung điểm c khoản 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Ngoài quan trắc khí thải định kỳ theo quy định của pháp luật, căn cứ theo khoản 6 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và trên Cơ sở các công trình bảo vệ môi trường đang hoạt động, Công ty đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ của nước thải, để có số liệu theo dõi và báo cáo môi trường hằng năm cụ thể như sau:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 điểm tại hố ga đầu nổi nước thải.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni (Tính theo N), Tổng Nito, Tổng photpho (Tính theo P), Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn của KCN Bắc Đồng Phú.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc định kỳ hàng năm dự kiến của Cơ sở là: 50.000.000 đồng.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết đảm bảo xử lý các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như:

- + QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- + QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- + QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- + Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Cam kết chịu trách nhiệm, thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai thực hiện cơ sở.

- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết;

- Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1. Văn bản pháp lý và các văn bản có liên quan khác

Phụ lục 2. Hóa đơn tiền điện, tiền nước cấp, xử lý nước thải

Phụ lục 3. Hợp đồng thu gom chất thải

Phụ lục 4. Thông tin an toàn hóa chất

Phụ lục 5. Kết quả quan trắc môi trường

Phụ lục 6. Bản vẽ

Phụ lục 1. Văn bản pháp lý và các văn bản có liên quan khác

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801311186

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FC FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FC FURNITURE CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0359033378

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 29.999.999.700 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi
chín nghìn bảy trăm đồng

tương đương 1.216.545 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: YANG, YOUPING

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/12/1977

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EJ1521626

Ngày cấp: 25/02/2021

Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Số 7, xã 3, Thôn Hoa Quang, thị trấn Nguyễn Thạch, huyện Bình
Xương, tỉnh Từ Xuyên, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô P7, đường D6, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh
Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: YANG, YOUPING

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/12/1977 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EJ1521626

Ngày cấp: 25/02/2021 Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Số 7, xã 3, Thôn Hoa Quang, thị trấn Nguyên Thạch, huyện Bình Xương, tỉnh Từ Xuyên, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô P7, đường D6, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7621353864.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do nhà đầu tư nộp ngày 31/12/2024.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận nhà đầu tư:

Ông YANG, YOUPING; ngày sinh: 19/12/1977, quốc tịch: Trung Quốc;
(1/4/7621353864)

số hộ chiếu: EJ1521626; ngày cấp: 25/02/2021; nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc; địa chỉ thường trú: Số 7, xã 3, Thôn Hoa Quang, thị trấn Nguyễn Thạch, huyện Bình Xương, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; chỗ ở hiện tại: Lô P7, đường D6, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; điện thoại: 0359033378; email: FC_CW01@outlook.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH FC FURNITURE.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (nếu có)
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế <i>Chi tiết: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ và kim loại.</i>	3100	

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại: 50.000 sản phẩm/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất, gia công sản xuất giường, tủ bàn ghế bằng gỗ và kim loại.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Một thành viên Sâm Bác).

5. Diện tích nhà xưởng thuê lại: 22.756,32 m² (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01072024/PC/HĐTX ngày 01/7/2024); Diện tích mặt đất 16.544,0 m² theo GCNQSDĐ số vào sổ VP 41 ngày 24/12/2024.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 128.639.999.700 (một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng, tương đương 5.216.545 (năm triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đô la Mỹ, (tỷ giá 24.660 VNĐ/USD ngày 26/8/2024 của Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Dương), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 29.999.999.700 (hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng, tương đương 1.216.545 (một triệu, hai trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 23,3% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	YANG, YOUPING	29.999.999.700	1.216.545	100	Tiền mặt	Trong 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Vốn huy động: 98.640.000.000 (chín mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu) đồng, tương đương 4.000.000 (bốn triệu) đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 01/7/2034 (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01072024/PC/HĐTX).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn;

- Vốn góp: Trong 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Vốn huy động: Dự kiến huy động đủ đến tháng 10/2025.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

- Từ tháng 7/2024 đến tháng 01/2025: Thời gian hoàn thiện hồ sơ thủ tục hồ sơ pháp lý liên quan, lắp đặt thiết bị máy móc; vận hành thử nghiệm.

- Tháng 01/2025: Hoạt động chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, thuế, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Cục thống kê tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Hoàng Hữu Vũ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立 - 自由 - 幸福

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

厂房出租合同

Hợp đồng số 编号: 01072024/PC/HĐTX

■ Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

根据由越南社会主义共和国国会于 2020/6/17 通过的第 59/2020/QH14 号企业法及指引实施文件

■ Căn cứ vào Luật Đầu Tư số 61/2020/QH14 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành

根据由越南社会主义共和国国会于 2020/6/17 通过的第 61/2020/QH14 号投资法及指引实施文件

■ Căn cứ Luật Đất Đai số 45/2013/QH13 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

根据由越南社会主义共和国国会于 2013/11/29 通过的第 45/2013/QH13 号土地法及指引实施文件。

■ Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

根据由越南社会主义共和国国会于 2013/11/29 通过的第 66/2014/QH13 号房地产经营法及指引实施文件。

■ Căn cứ các Luật, Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư, Chỉ thị có liên quan và có hiệu lực tại Việt Nam . 根据在越南有效的有关法律，法令，议决，通知，指示。

■ Căn cứ Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015

根据由越南社会主义共和国国会于 2015/11/24 通过的第 91/2015/QH13 号 2015 年民事法

■ Căn cứ Luật Thương mại 2005 số 36/2005/QH11 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005

根据由越南社会主义共和国国会于 2005/6/14 通过的第 36/2005/QH11 号 2005 年贸易法。

■ Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 929455, sổ vào sổ cấp GCN: CT 36043 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/11/2021 cho Công ty TNHH Một Thành Viên Sâm Bắc.

根据由平福省自然资源与环境厅于 2021/11/29 核发给森博一成员责任有限公司的证书核发编号 DC 929455, 证书颁发册编号 CT 36043 的土地使用权、住宅及地上资产所有权证书。

■ Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên.

根据各方的需求和能力。

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 Năm 2024 tại CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÂM BÁC chúng tôi gồm:

包括: 今天 2024 年 07 月 01 日森博责任有限公司我们:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÂM BÁC

出租方 (甲方): 森博責任有限公司

- Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- 越南, 平福省, 同富县, 新富镇, 北同富工业区, B 区 F1 F3 号地块
- Điện Thoại 电话: 096 857 8558 -Fax 传真:
- Đại diện: LAN JUNWEN - Chức vụ 职务: 经理: **Giám Đốc**
- Mã số thuế 税务编号: 3801256760
- Số tài khoản 账号: 1035460458
- Ngân hàng: VIETCOMBANK-CN Đông Bình Dương

BÊN THUÊ (BÊN B): YANG YOU PING 杨友平

- Địa chỉ 地址: Nhà xưởng 1,2 giai đoạn 1 và nhà xưởng 1, 2 giai đoạn 2, Lô P7,Đường D6,KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Hộ chiếu 护照: EJ1521626
- Ngày tháng năm sinh 出生于:19-12-1977 - Quốc tịch 国籍: Trung quốc 中国
- Điện Thoại 电话: - Fax 传真:
- Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng này (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**") với các điều khoản sau đây:
- 通过双方的协商并同意按照下列的条款来签署厂房出租合约 (以下简称为 "**合同**")
- **ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ** 词语解译

Những từ ngữ dưới đây trong hợp đồng thuê này có ý nghĩa như sau:
下列的词语的意义如下:

- 1.1. Bên A: Là bên cho thuê nhà xưởng
甲方: 厂房出租方
- 1.2. Bên B: Là bên thuê nhà xưởng
乙方: 厂房租用方
- 1.3. Các bên hoặc hai bên: có nghĩa là cả bên A và bên B.
各方或者双方: 就是包括甲方和乙方。
- 1.4. Hợp đồng thuê hay hợp đồng: là hợp đồng thuê nhà xưởng này, được ký giữa Bên A và Bên B, cùng với bất kỳ Phụ Lục Hợp Đồng nào (nếu có).
出租合同或者合同: 是指甲乙双方之间签订的本厂房出租合同, 以及任何合同附录 (若有)。
- 1.5. Nhà xưởng cho thuê tại địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Thuộc Khu nhà xưởng cho thuê do Công ty CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÂM BẮC làm chủ sở hữu.
出租厂房的地址: 越南, 平福省, 同富县, 新富镇, 北同富工业区, B 区 F1 F3 号地块.
森博責任有限公司为业主。
- 1.6. ○ Nhà máy: Nhà máy có tổng diện tích là 22.743,50 m² (21.470m² nhà xưởng + 1.200 m² văn phòng+ phòng bảo vệ 17.5 m²+ nhà vệ sinh công nhân 56 m²)
厂房: 全部面积 22.743,50 平方米 (厂区 21.470 平方米+办公室 1.200 平方米+警卫室 17.5 平方米+工人厕所 56 平方米)。

- 1.7. ○ Giấy Phép: nghĩa là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên B để cho phép Bên B thực hiện hoạt động kinh doanh và/hoặc dự án đầu tư có địa điểm đăng ký tại Nhà Xưởng;
執照: 是指由審權机关核发給乙方, 以乙方进行经营活动和/或登記地点为厂房的投资項目之投資執照和/或企业登記証。
- 1.8. ○ Thời hạn thuê: là thời hạn thuê được xác định tại điều 3 mục A và bao gồm bất kỳ thời hạn gia hạn nào tiếp theo hợp đồng thuê này.
出租期限: 出租期限确定在第 3 条 A 款包括本出租合同的任何延期期限。

ĐIỀU 2: NỘI DUNG THUÊ 出租内容

- 2.1 Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà xưởng để sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của Bên B với điều kiện phải phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này, Giấy Phép của Bên B và quy định của pháp luật Việt Nam.
甲方同意向乙方出租厂房以根据乙方需求生产经营, 前提是乙方需求須符合本合同各條款、乙方的執照以及越南法律規定。
- 2.2 Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
出租厂房的地址: 越南, 平福省, 同富县, 新富镇, 北同富工業区, B 区 F1 F3 号地块
Nhà máy: Nhà máy có tổng diện tích là 22.743,50 m² (21.470m² nhà xưởng + 1.200 m² văn phòng+ phòng bảo vệ 17.5 m²+ nhà vệ sinh công nhân 56 m²)
厂房: 全部面积 22.743,50 平方米 (厂区 21.470 平方米+办公室 1.200 平方米+警卫室 17.5 平方米+工人厕所 56 平方米)。
- 2.3 Nhà xưởng thuê chỉ được sử dụng để sản xuất và kinh doanh, không được phép cho bên thứ 3 thuê lại.
租賃厂房仅供做生产和销售, 不允许转租給第三方。

ĐIỀU 3: THỜI HẠN THUÊ VÀ GIÁ THUÊ 租約时间及价格

- 3.1 Thời hạn thuê là: 10 năm. Thời hạn này được tính từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 01/07/2034.

出租时间为: 10 年。这时间按照从 2024/07/01 到 2034/07/01 。

- 3.2 Giá thuê: Tính theo USD cho toàn bộ diện tích 22.743,50 m² là 47,287.00usd (21.470 m² * 2usd xưởng sản xuất + 1.200 m² * 3.5usd văn phòng + 17.5*2usd phòng bảo vệ + 56*2 usd nhà vệ sinh công nhân) / Tháng như sau:

价租: 计算按照美元 47,287.00 美金/全部面积 22.743,50 平方米 (21.470 m² * 2usd 厂区+1.200 m² * 3.5usd 办公室+17.5*2usd 警卫室+56 *2usd 工人厕所)/月如下:

Năm thứ 1 đến năm thứ 2 là: 47,287.00USD/tháng

1->2 年租金 47,287.00USD/月

Năm thứ 3 tăng 5% so với năm trước đó

第三年: 比上一年增加 5%

Năm thứ 6 tăng 10% so với năm trước đó

第六年: 比上一年增加 10%

Năm thứ 9 tăng 10% so với năm trước đó

第九年: 比上一年增加 10%

- 3.3 Quy đổi VND: Tỷ giá quy đổi USD sang VNĐ là giá bình quân (bán + mua chia 2) của Ngân hàng Agribank vào ngày 1 tây hàng tháng

兑换越盾：美金兑换越盾的汇率为按 Agribank 银行每月 1 号公布买入及卖出价格的平均价格。

3.4 Giá thuê chưa có thuế giá trị gia tăng và các chi phí phục vụ cho việc hoạt động của bên B như: phí internet, điện thoại, tiền điện, nước sinh hoạt, nước thải, môi trường, thuế và lệ phí khác. Các loại thuế và lệ phí liên quan đến giao dịch do hai bên chịu theo quy định của pháp luật. Thuế GTGT bên B chịu.

租金尚未包含增值税和服务于乙方活动的费用，如：互联网、电话、电费、税费、排水费、环境费、税费及其他规费。交易所涉及的税费，应由双方各自依法承担。VAT 由乙方承担。

3.5 Đồng tiền thanh toán 付款货币：Việt Nam đồng 越南盾。

ĐIỀU 4: TIỀN CỌC 押金和租金

4.1 Tiền đặt cọc là **283,722.00 USD** tương đương sáu (06) tháng tiền thuê ,chia làm hai lần thanh toán như sau:

Lần 1: Ngay sau khi ký Hợp Đồng này trong vòng 05 ngày làm việc, Bên B đặt cọc cho Bên A một khoản tiền là **141,861.00 USD** tương đương ba (03) tháng tiền thuê cộng thêm 01 tháng tiền thuê tháng 07.2024 là **47,287.00 USD**,

Lần 2: Trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B đặt cọc cho Bên A một khoản tiền là **141,861.00 USD** tương đương ba (03) tháng tiền thuê.

Tổng cộng **331,009 USD** (Ba trăm ba mươi một ngàn không trăm lẻ chín Đô la Mỹ). Sau khi nhận tiền cọc bên A giao phiếu thu tiền cọc cho bên B

定金总金额 **283,722.00 USD** 相当于六(06) 个月的租金作为押金，分为 2 次付款。

第一次付款：在签署本合同时，乙方应在 05 个工作日内向甲方支付 **141,861.00 USD**，相当于三(03) 个月的租金作为押金，同时要支付第一个月租金即 2024 年 07 月份的租金 **47,287.00 USD**。

第二次付款：在签署本合同时，乙方应在 03 个月内向甲方支付 **141,861.00 USD**，相当于三(03) 个月的租金作为押金。

总共：**331,009.00 USD**。甲方向乙方出具押金收据凭证。

4.2 Tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi chấm dứt hợp đồng, kể từ ngày Bên B bàn giao nhà máy và sửa chữa những hư hỏng về tài sản, thiết bị xảy ra trong quá trình sử dụng và đã thanh toán đầy đủ các khoản phí sử dụng và tiền phạt có liên quan, Nếu Bên B không sửa chữa được những hư hỏng về tài sản, thiết bị do nhà máy gây ra trong quá trình sử dụng thì bên A có thể tìm công ty bảo trì liên quan để sửa chữa và khôi phục lại tình trạng ban đầu . Số tiền đặt cọc còn lại sẽ được hoàn trả sau khi trừ khoản phí này và các chi phí liên quan. Hao mòn thông thường theo thời gian được loại trừ khỏi chi phí sửa chữa này.

押金将在合同终止后，自乙方交出该厂房并修复使用期间所发生的财物或设备损坏并支付所有相关使用费和罚款日起后 30 天内退还给乙方。若乙方对该厂房在使用期间造成的财物或设备损坏未进行修复回原状的，甲方可找相关维修公司维修恢复原状付款后，从押金里扣除此费用及其相关产生之费用后，才退还剩余押金。正常折旧不属于维修和扣款范围之内。

Số tiền đặt cọc không được căn trừ vào bất kỳ tháng tiền thuê nào hoặc bất cứ khoản chi phí nào chưa được thanh toán bởi Bên B khi Hợp Đồng chưa chấm dứt, số tiền đặt cọc không thay đổi trong suốt thời gian thuê.

乙方在本合同未终止的情况下，不从乙方的任何月租金或任何未支付的费用中扣除押金。本押金数额在出租期间维持不变。

4.3 Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hợp đồng thì không được hoàn lại tiền đặt cọc, ngoài ra còn phải chịu phạt vi phạm với số tiền tương đương 03 tháng tiền thuê xưởng. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

合同日期未终止前, 乙方单方提前终止合同, 将不退还押金. 另需赔偿三个月租金. 双方另有书面约定的除外。

4.4 Trong quá trình thuê nhà xưởng nếu có hư hỏng xảy ra đối với tài sản thuê do lỗi của Bên B mà Bên B không sửa chữa, Bên A có quyền sử dụng số tiền đặt cọc này để giải quyết các vấn đề phát sinh và chi phí do Bên B chịu trách nhiệm (theo quy định của hợp đồng này). Tuy nhiên, để đảm bảo số tiền đặt cọc giữ nguyên số tiền đã thỏa thuận ban đầu, trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A yêu cầu Bên B thanh toán, Bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền tương đương bị sử dụng hoặc khấu trừ từ tiền đặt cọc. Trường hợp Bên B không thanh toán Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng. Tiền cọc còn lại trong trường hợp này sẽ không được hoàn lại. 厂房租赁期间, 如因乙方的过错造成租赁物损坏, 乙方不予维修, 甲方有权使用此押金解决由此产生的问题和费用。费用由乙方承担 (根据本合同的规定)。但为保证保证金金额与原约定金额一致, 自收到甲方要求乙方支付的书面通知之日起 7 日内, 乙方必须向甲方支付被使用等额金额或从保证金中扣除。如乙方不付款, 甲方有权解除合同。在这种情况下剩余的押金将不予退还。

4.5 Trong quá trình thuê nếu có hư hỏng xảy ra đối với tài sản thuê thì các chi phí phát sinh sẽ do

Bên B chịu. Khi hết hạn hợp đồng, nếu tài sản thuê bị hư hỏng do Bên B sử dụng không đúng mục đích thì tổn thất phát sinh sẽ được trừ vào tiền cọc. Nếu số tiền đặt cọc không đủ thanh toán bên B phải đứng ra giải quyết và bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó

租房过程如有损坏租赁物, 所产生的费用将由乙方承担, 合约期满时, 因乙方使用不当造成租赁物损坏, 所产生的损失将从押金扣除相应的费用, 若押金不足以支付解决由乙方责任造成的损坏, 乙方有责任补足金额。

4.6 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thuê, Bên B phải đảm bảo thanh toán toàn bộ tiền thuê và các chi phí tiện ích do Bên B sử dụng..

自从出租时限结束之日 30 天之内, 在乙方确保缴清全部租金及由乙方使用的效用费用。

4.7 Sau khi hợp đồng hết hạn, tất cả các phần phụ trong nhà máy sẽ được trả lại miễn phí cho Bên A (bao gồm cả các công trình kiến trúc ban đầu và các phần phụ khác trước khi ký hợp đồng này và tất cả các công trình kiến trúc mới và các phần phụ khác sau khi ký hợp đồng này)

合同期满后, 厂房内所有附属物需无偿归还甲方 (含本合同签订前原有建筑物及其它附属物和本合同签订后全部新增建筑物及其它附属物)。

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN 支付方式

5.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng đến số tài khoản ngân hàng của Bên A.

付款方式: 通过银行转账至甲方银行账号。

5.2 Thời hạn thực hiện thanh toán: Tiền thuê Nhà Xưởng sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A 01 tháng/01 lần, vào ngày 1 đến ngày 5 hàng tháng. Riêng tiền thuê tháng đầu tiên Bên B sẽ thanh toán cho Bên A chung với Tiền Đặt Cọc.

付款期限: 厂房租金由乙方每月一次自 1-5 号支付给甲方。乙方会将第一月租金与保证金一起支付给甲方。

5.3 Bên A xem như đã nhận được khoản thanh toán chỉ khi ngân hàng bên A đã xác nhận được khoản thanh toán này. Nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến các chi tiết của tài khoản, Bên A sẽ gửi thông báo bằng văn bản trước 07 ngày cho bên B. Bên A sẽ xuất hóa đơn chính thức trong vòng 3 ngày sau khi nhận được số tiền phù hợp với yêu cầu thanh toán (nếu cần,

hóa đơn nhập có thể được lập sau khi tiền vào tài khoản của Bên A và sau khi Bên B xác nhận rằng đó là chính xác, hóa đơn chính thức sẽ được phát hành)

甲方之银行确认收到这项付款的时候, 甲方才确认已经收到这笔款项。如果有任可改变关于账户问题甲方将提前 7 天书面通知乙方, 但是不得经常更换收款账号, 或是其他代收。在收到符合请款单的金额后, 甲方将在 3 天内开具正式发票 (若有需求, 在甲方收到汇款后可以开具形式发票, 并在乙方确认为正确后将开具正式发票)。

- 5.4 Phạt chậm thanh toán: Bên A không chấp nhận bất kỳ lý do nào mà Bên B nêu ra để chậm thanh toán các khoản thanh toán đến hạn theo Hợp Đồng này, ngoại trừ sự chậm trễ do lỗi hoặc vi phạm của Bên A gây ra. Trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền cho Bên A theo thời hạn qui định tại Hợp đồng này, thì Bên A có quyền tính tiền lãi trên khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho Bên B theo lãi suất 0,1% trên số tiền vi phạm nghĩa vụ thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán không được quá 01 (một) tháng. Trường hợp đã quá 01 (một) tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Bên B không thanh toán đầy đủ các khoản thanh toán cộng thêm tiền phạt trễ hạn, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không hoàn trả cho Bên B số Tiền Đặt Cọc.

逾期付款: 甲方不接受乙方提出的任何逾期支付本合同到期款项的理由, 除因甲方过错或违规造成的延误外。若乙方逾期未按本合同规定期限向甲方付款, 甲方有权在无书面通知乙方的情况下, 根据逾期付款时间相对应的违反付款义务金额的 0.1% 利率, 计算逾期付款金额的利息。预期付款时间不得超过 1 (一) 个月。若付款到期日起 1 (一) 个月后, 乙方未付清所有款项及滞纳金, 甲方有权单方终止合同并不退还保证金给乙方。

- 5.5 Ngoài ra, Bên B tự chịu trách nhiệm thanh toán tiền điện, nước, phí thu gom rác sinh hoạt và các chi phí dịch vụ khác hàng tháng mà mình sử dụng cho các đơn vị cung cấp dịch vụ tiện ích.

此外, 乙方自行负责向效用服务提供商支付其每月使用的电费、水费、生活垃圾收集费和其他服务费用。

ĐIỀU 6: BÀN GIAO VÀ SỬ DỤNG NHÀ XƯỞNG 工厂交出和使用

- 6.1. Ngày bàn giao nhà xưởng cho bên B là ngày 01 tháng 07 năm 2024 sau khi Bên A đã nhận đủ Tiền Đặt Cọc và Tiền thuê nhà xưởng tháng đầu tiên (“Ngày bàn giao”).
向乙方移交厂房日期为: 2024 年 07 月 01 日, 在甲方全额收到保证金和第一月厂房租金 (“移交日期”)。

- 6.2. Khi bàn giao hai bên sẽ ký biên bản bàn giao nhà xưởng (“Biên bản bàn giao”) trong đó nêu rõ diện tích Nhà xưởng thuê để làm căn cứ tính tiền thuê và các công trình phụ trợ đính kèm với Nhà xưởng thuê.

交接时, 双方将签署厂房交接记录 (“移交记录”), 其中注明租赁厂房的面积 (作为计算租金的依据) 和租赁厂房的附属辅助工程。

Nếu vì bất kỳ lý do nào, Bên B không nhận bàn giao vào Ngày Bàn Giao theo Điều 6.1, Bên A sẽ gửi cho Bên B thông báo bàn giao lần thứ hai (“Thông Báo Bàn Giao Lần Thứ Hai”) trước ít nhất 3 Ngày so với ngày bàn giao lần hai (“Ngày Bàn Giao Lần Thứ Hai”). Nếu Bên B không nhận bàn giao vào Ngày Bàn Giao Lần Thứ Hai, Bên B sẽ được xem là chấp nhận việc bàn giao Nhà Xưởng và đồng ý với các điều kiện và tình trạng thực tế của Nhà Xưởng kể từ Ngày Bàn Giao Lần Thứ Hai và việc bàn giao sẽ được xem là hoàn tất. Thông Báo Bàn Giao Lần Thứ Hai sẽ được xem là Biên Bản Bàn Giao chính thức có hiệu lực từ Ngày Bàn Giao Lần Thứ Hai và các Bên không cần phải ký Biên Bản Bàn Giao trong trường hợp này.

若因任何理由而乙方未依第 6.1 条的移交日期接收移交, 甲方至少于第二次移交日期 (“第二次移交日期”) 前 3 天向乙方发出第二次移交通知 (“第二次移交通知”)。若乙方于

第二次移交仍未接收移交, 则乙方被视为接收厂房的移交并对厂房屋于第二次移交的条件和实际状况予以同意, 移交事宜被视为已完成。第二次移交的通知将被视为正式的移交记录, 自第二次移交日期起生效。在此情况下, 各方无需签署移交记录

- 6.3. Bên B sẽ phải trả các chi phí và những phí tổn liên quan đến việc sử dụng các tiện ích công cộng cho nội bộ bên B như sau :

乙方要支付所有费用关于乙方内部的公共实施之使用如下:

○ Chi phí lắp đặt, kết nối, kéo đường dây cho mạng, viễn thông và tiện ích công cộng khác. 通讯网络, 水, 电和其他公共设施的安装及相关费用。

○ Chi phí và phí tổn cho việc xin phép và lắp đặt thêm hệ thống phòng cháy chữa cháy, chi phí xin giấy phép về môi trường và lắp đặt hệ thống xử lý chất thải trong nội bộ bên B. 申请消防系统安装的附加费用, 环保局申请执照及乙方内部的垃圾处理系统安装费用。

○ Chi phí liên quan đến xử lý nước thải theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. 当局规定的污水处理有关费用。

○ Chi phí khác (nếu có) do bên B sử dụng các tiện ích công cộng. 由乙方使用公共设施的其他费用 (若有)

- 6.4. 6.4 Bên B không được chuyển nhượng, cho thuê, phân chia hoặc chia sẻ quyền sử dụng cho bất kỳ bên thứ ba nào đối với bất kỳ diện tích nào trong khuôn viên nhà máy theo hợp đồng này. 乙方不可在本合同厂房面积任何区域向第3方转让, 出租, 分区或者分享使用权。

- 6.5. Bên B chỉ được sử dụng nhà máy vào mục đích hoạt động kinh doanh đã đăng ký. Phù hợp với quy định trong giấy phép đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh của Bên B. 乙方只能使用厂房来经营已登记经营的有关目的。按照乙方的投资执照或者经营执照上之规定。

- 6.6. Bên A không chịu trách nhiệm về an ninh, an toàn kể từ ngày bàn giao nhà máy cho Bên B. 向乙方移交厂房之日起甲方不负责保安和安全。

- 6.7. Trong thời gian thuê, Bên A có quyền đưa người mua tiềm năng vào khu nhà xưởng để xem nhà xưởng và vào khu nhà xưởng để giám sát, kiểm tra an toàn sau khi đã thông báo trước cho Bên B. 租赁期间, 在事先通知乙方后, 甲方有权带潜在的买主进入厂房看厂房及进入厂房进行安全监督巡查。

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM BÊN B 乙方的权利和责任

- 7.1 Bên B được quyền sử dụng nhà xưởng như đã nêu ở điều 2 với các tiện ích công cộng liên quan trong thời hạn thuê của hợp đồng. Trong quá trình sử dụng, bên B bằng chi phí của mình có thể chỉnh trang, nâng cấp nhà xưởng nhưng phải bàn bạc trước và được sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

乙方有权按照本合同的厂房出租时间使用在第二条去规定的厂房公共实施。在使用过程中, 乙方可以使用自己的金额装潢厂房但是要经过甲方的书面同意, 这装潢费用, 合同期满甲方不会退还给乙方

- 7.2 Bên B phải tuân thủ và thực hiện mọi điều khoản của hợp đồng thuê này. Chấp hành những thủ tục và quy định liên quan đến an ninh, môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

乙方要遵守和执行本合同的各款项。按照越南法律来严格执行所有安宁, 环保, 消防的相关手续。

- 7.3 Bên B sẽ chịu toàn bộ những chi phí liên quan đến các thủ tục hành chính cho hợp đồng thuê nhà xưởng này

乙方负担本厂房出租合同的行政手续有关费用。

- 7.4 Bên B chịu thuế giá trị gia tăng và các khoản thuế khác (nếu có) hiện đang áp dụng hoặc áp dụng trong tương lai theo quy định của pháp luật với tiền thuê và các khoản phải trả theo hợp đồng này. 乙方按照现或将来的法规负担增值税和其他税务费用 (若有) 与本合同规定的各款项。

7.5 Thanh toán tiền thuê nhà xưởng theo hợp đồng đúng thời hạn mà không được khấu trừ, giữ lại hay cản trở bất kỳ khoản nào.

按照本合同的付款时间准备付款, 不可扣除或者留款项。

7.6 Trong thời hạn thuê, bên B sẽ cư ngụ và sử dụng nhà xưởng nên sẽ tự chịu mọi rủi ro (nếu có). Ví dụ: Thiệt hại về người hoặc tài sản do tranh chấp giữa quản lý và nhân viên dẫn đến bên A không cho thuê được nhà xưởng bình thường thì bên B có trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất cho bên A, đồng thời chịu trách nhiệm pháp lý, truy tố bên A,... liên quan đến những thiệt hại của bên A do bên B gây ra. Bên B chịu trách nhiệm bảo hiểm công trình nhà xưởng trong suốt thời hạn thuê và bảo hiểm hàng hóa /tài sản cho tất cả các rủi ro, tổn thất, thiệt hại gây ra đối với bất kỳ tài sản nào của Bên B trong Khu Vực Thuê, bao gồm tất cả đồ đạc, máy móc, phụ kiện thuộc sở hữu hoặc thuê bởi Bên B.

Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A bản sao các Hợp đồng bảo hiểm đã mua theo quy định tại Điều này trong vòng 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ Ngày Bàn Giao. Bên B đồng ý rằng mọi thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp về người và tài sản của Bên B sẽ do Bên B và đơn vị bảo hiểm của Bên B chịu trách nhiệm theo các Hợp đồng bảo hiểm đã mua.

在出租期间, 乙方将会居住及使用厂房从事营业活动所以负担所有风险(若有)例: 管理者与员工争执造成的生命或财产损失, 导致甲方无法正常出租厂房, 乙方有责任向甲方赔偿所有损失并同时负担甲方发生的起诉, 法理责任等等有关乙方导致甲方的损失。乙方在整个租赁期限内对厂房工程承担保险责任并对乙方在租赁区域内的任何资产(包括属于乙方所有或租赁的所有物品、机器、配件)造成的风险、损失、损害负责货物/资产保险。

乙方负责自交接之日起 60 (六十) 个工作日内向甲方提供按本条规定购买的保险合同副本。乙方同意, 对乙方人身、财产造成的任何直接或间接损失, 由乙方及乙方保险单位按照所购买的保险合同承担责任。

7.7 Khi hết hạn thuê, bên B chuyển trả lại nhà xưởng cho bên A và có biên bản bàn giao được hai bên ký xác nhận. Bên B được quyền mang đi các máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu thuộc sở hữu của bên B (Trước khi rời đi phải có sự đồng ý xác nhận của bên A).

出租满期时候, 乙方将会向甲方退还厂房同时有双方的签字确认纪要。乙方有权把自己的机械, 装设备, 原物料拿出去 (出去前需要经甲方确认同意)。

7.8 Bên A hoàn toàn không chịu bất kỳ trách nhiệm nào sau khi đã bàn giao cho bên B. 移交给乙方后甲方不承担任何责任。

7.9. Bên B cam kết sẽ sử dụng toàn bộ tài sản thuê vào mục đích kinh doanh hợp pháp, không thay đổi mục đích tài sản thuê hoặc tham gia vào các hoạt động kinh doanh trái pháp luật khác, Bên A không liên quan đến bất kỳ tranh chấp kinh tế và trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ Bên B thời gian hoạt động. Bên B tự chịu trách nhiệm pháp lý về những mất mát, tính mạng do Bên B hoặc bên thứ ba gây ra.

乙方承诺, 将全部租赁物用于合法经营, 不会擅自改变租赁物的用途或做其他违法经营, 乙方经营期间而产生的一切经济纠纷和法律责任均与甲方无关, 乙方自行负责关于乙方或者第三方导致的损失或生命的法律责任

7.10. Đối với các công trình, không gian trên cao do Bên B tự xây dựng, Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và hậu quả do việc vi phạm quy định của mình gây ra, Bên A không chịu bất kỳ trách nhiệm nào

乙方自行加盖之建筑或架高空间, 乙方须负责其法律责任及其违反规定所导致后果, 甲方不承担任何责任

7.11. Trong thời gian thuê, Bên B phải bảo quản cơ sở vật chất ban đầu của nhà xưởng và tự chịu trách nhiệm về các tổn thất nếu các hạng mục (cửa, cửa sổ, đường dây, điện nước...) hoặc nhà xưởng bị

hư hỏng. Nếu hư hỏng do bên B sử dụng không đúng mục đích thì bên B chịu trách nhiệm bảo trì và chi phí do bên B chịu.

乙方在承租期间应维护厂房原有设施及对各物品（门窗、线路、水电等）的损失或厂房的损坏自付责任。若乙方使用不当造成损坏，则应负责维修，费用由乙方承担。

- 7.12. Các chi phí, vấn đề, đình công và các tổn thất khác có thể xảy ra và nợ lương phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Bên B không liên quan đến Bên A và Bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

乙方经营活动所产生的费用、问题、遭遇罢工、等各种可能损失及拖欠工资，一概与甲方无关，甲方不承担任何责任

- 7.13. Trong thời gian thuê, Bên B không được tham gia vào bất kỳ hoạt động phi pháp nào hoặc vận hành các dự án không tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam và phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

乙方在承租期间内不得再承租场地内从事任何非法活动及不可经营不符合越南法规之项目，并且符合越南环保要求

- 7.14. Nếu bên B vi phạm hợp đồng làm thất thoát nhà xưởng, công trình của bên A mà không bồi thường, không trả được tiền thuê hoặc nợ hoạt động kinh doanh của chính bên B và các chi phí phải trả thì bên B hoặc các bên liên quan khác do bên B chỉ định phải chịu trách nhiệm.

乙方如有违反合同导致甲方厂房、建物损失而不赔偿，或者拖欠租金，拖欠乙方自身经营活动而产生应付之费用，由乙方或乙方指定其他关联方负责承担

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM BÊN A 甲方的权利和责任（出租方）

- 8.1 Bên A bàn giao cho bên B nhà xưởng bao gồm:

甲方向乙方移交厂房包括:

1. Đất có diện tích: 22.743,50 m²

土地面积为: 22.743,50 平方米

Nhà máy có tổng diện tích là 22.743,50 m² (21.470m² nhà xưởng + 1.200 m² văn phòng+ phòng bảo vệ 17.5 m²+ nhà vệ sinh công nhân 56 m²)

厂房: 全部面积 22.743,50 平方米 (厂区 21.470 平方米+办公室 1.200 平方米+警卫室 17.5 平方米+工人厕所 56 平方米)

2. Hệ thống đường ống, máy bơm, máy nổ diezen của hệ thống phòng cháy chữa cháy, cửa, cửa sổ, đường dây, điện nước...

消防设备系统: 管道, 泵站, 油泵. 门窗、线路、水电等...

3. Hệ thống chống sét

防雷系统。

- 8.2 Bên A không được làm gián đoạn việc sử dụng nhà xưởng và các phương tiện công cộng khi bên B thực hiện và tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này.

当乙方严格遵守本合同的规定，甲方不能中断厂房的使用或者公共实施。

- 8.3 Bên A có trách nhiệm duy trì các công trình cơ sở hạ tầng cùng với tường, mái của khu nhà máy trong tình trạng tu sửa tốt trong suốt quá trình cho thuê. Nếu có phát sinh công trình bị dột, thấm nước khi trời mưa, cửa cổng bị hư bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí sửa chữa cho bên B, việc này sẽ được căn cứ vào biên bản, thông báo và chứng từ hóa đơn mà bên B thông báo cho bên A. Riêng trạm biến thế và hệ thống phòng cháy chữa cháy, cổng bảo vệ bên A chỉ trang bị ban đầu, bên B chịu trách nhiệm duy tu bảo dưỡng hoặc thay thế trong suốt thời hạn thuê.

甲方在出租用的时间有责任维持基层工程包括墙壁。另外甲方所装设变电站和消防系统或者甲方的保卫室，乙方在租用时间有责任维修保养或者换新

- 8.4 Bên A sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về mọi thiệt hại về tài sản hay nhân mạng do bên B hay người nào khác gây ra cho bên B (trừ trường hợp do lỗi bên A gây ra).

甲方不负责法律责任关于乙方或者第三方导致的损失或者人命（除非甲方的错误场合）

- 8.5 Bên A được phép vào nhà xưởng hoặc giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên B sau khi gửi thông báo cho bên B trước 3 ngày

通过提前 3 天向乙方书面通知，甲方有权进入出租的厂房来维修厂房并监督乙方的合同履行。

- 8.6 Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về an ninh và bảo vệ sau ngày bàn giao xưởng cho bên B.

自从向乙方移交厂房之日起甲方不负责保安和安宁。

Bên A cam kết số thứ tự 04 tên ngành KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN thể hiện trên giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của bên A là đã bao gồm chức năng cho thuê nhà xưởng.

甲方承诺，甲方投资登记证上的房地产业务行业名称序包含厂房租赁功能；保证乙方合法正常经营，协助消防，环保等相关检查。

- 8.7 Trong thời gian thuê, Bên A có quyền đưa người mua tiềm năng vào khu vực nhà xưởng để xem nhà xưởng.

租赁期间甲方有权利携带潜在买主进入厂区看厂房。

- 8.8 Các chi phí thuế (nếu có) Bên A phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc tương lai và các khoản quy định trong hợp đồng này.

甲方按照现在或将来的法规依法应付的税务费用（若有）与本合同规定的各款项

- 8.9 Trong thời gian thuê bên A có quyền báo trước cho bên B 1 ngày để vào nhà xưởng kiểm tra an toàn nhưng bên A không được làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và hoạt động bình thường của bên B

租赁期间，甲方有权提前一天通知乙方进入厂房做安全检查，但甲方不得影响乙方的正常生产经营

ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM 违规责任。

- 9.1 Nếu bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này thì bên A có quyền:

如果乙方违反的各条款，甲方有权:

- a. Yêu cầu bên B sửa chữa tất cả các vi phạm đó trong khoản thời gian hợp lý cụ thể.

Bên B có thể tự sửa chữa với sự giám sát của bên A hoặc bên A sửa chữa nhưng bên B phải trả mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa đó; Và/hoặc

要求乙方在合理及具体的时间来修理这些违反。乙方可以通多甲方的监督来自己修理，或者请甲方修理但是乙方负担所有修理有关费用。

- b. Ngừng cung cấp các dịch vụ điện, nước, xử lý nước thải, v.v... và các tiện ích công cộng cho đến khi Bên B khắc phục/sửa chữa xong vi phạm; Và/hoặc

停止提供电、水、排水处理等服务及公共设施直至乙方克服/维修完毕后；和/或

- c. Đơn phương chấm dứt hợp đồng này; Và/hoặc

单方终止本合同；和/或

- d. Yêu cầu Bên B thanh toán tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm.

要求乙方支付赔偿金、违约金。

ên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này khi xảy ra các trường hợp vi phạm sau đây:
若发生下列违反情况, 甲方有权单方终止本合同:

a.

hi bên B không thanh toán 100% tiền thuê nhà xưởng đến hạn và đã trễ hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

当乙方到期也没有支付 100% 出租厂房费用或者超出 30 天未交付租金

b.

hi bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này và vi phạm đó không thể khắc phục hoặc có thể khắc phục nhưng đã không thể khắc phục trong 30 ngày kể từ ngày có thông báo của bên A.

如果乙方违反本合同的任何条款, 且违反行为无法补救或可以补救但自甲方通知之日起 30 天内未予解决。

c.

hi bên B mất khả năng thanh toán hoặc đang thực hiện các thủ tục phá sản, chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể hoặc bị đặt dưới sự quản lý tài sản, quản lý pháp lý hoặc quản lý hành chính.

乙方没有支付的能力或者在进行破产, 终止经营活动或者资产被管理还是行政管理的有关手续

ĐIỀU 10: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG 不可抗力事件

10.1 Nếu trong thời hạn thuê, nhà xưởng hoặc bất kỳ phần nào của nhà xưởng bị phá hủy hay thiệt hại một phần hay toàn bộ do sét, nổi loạn, chiến tranh, thiên tai hay bất kỳ những nguyên nhân nào khác xảy ra ngoài tầm kiểm soát không do lỗi quản lý hay bất cẩn của bên A hay bên B thì các điều khoản sau đây sẽ có hiệu lực.

如果在租赁期内, 工厂或者工厂的任何部分被雷击, 叛乱, 战争, 自然灾害摧毁或损害或其他原因发生的时候不是甲方或乙方的责任, 一下条款就有效力。

10.2 Bên B nhanh chóng phối hợp với bên A để khắc phục hậu quả và xây dựng lại hoặc sửa chữa nhà xưởng trong thời hạn hợp lý có thể, sẽ làm thủ tục cần thiết để nhận tiền bảo hiểm tài sản của mỗi bên khi tình huống xảy ra .

乙方尽快跟甲方配合克服后果, 在符合的期间进行重建或修改工厂, 进行需要的手续为了在发生事故时能收到各方的保险金。

10.3 Sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng nêu trên, nếu nhà xưởng bị hư hỏng, thiệt hại quá lớn mà bên B không thể tiếp tục sản xuất kinh doanh nữa thì bên A hoặc bên B có thể chấm dứt việc thuê trước thời hạn bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 7 ngày và các bên sẽ không có bất kỳ khiếu nại nào đối với bên kia về việc thuê hoặc chấm dứt thuê này về sau.

在发生以上的不可抗力时间后, 如果工厂被破太大的损坏, 乙方不能继续生产的时候, 甲方或乙方可以在终止租赁期间之前能进行终止租赁合同, 在 7 天前向对方发给公文通知终止租用问题。

ĐIỀU 11: GIA HẠN HỢP ĐỒNG 延期合同

11.1 Khi hết thời hạn thuê, tùy theo tình hình thực tế, Hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng. Nếu bên B muốn gia hạn hợp đồng phải gửi cho bên A thông báo đề nghị gia hạn ít nhất trước 03 tháng (tính từ ngày hết hợp đồng) Sau khi Bên A nhận được thông báo này, các Bên sẽ bắt đầu thảo

luyện một cách thiện chí về các điều khoản và điều kiện của việc gia hạn Hợp Đồng này. Bên A sẽ xem xét và ưu tiên cho Bên B được tiếp tục thuê với thời hạn và giá thuê mới do Các Bên thỏa thuận tại thời điểm đó.

出租期限满期的时候, 根据实际情况, 双方可以协商延期合同。若要是乙方要延期合同, 则需应该在本合同满期 3 个月前 (自合同结束日期起) 向甲方发出延期通知甲方收到该通知后, 各方将善意讨论有关延期本合同的条款和条件。甲方将考虑并优先乙方按双方当时商定的租赁时间和价格继续租赁。

11.2 Trường hợp Bên B không có nhu cầu gia hạn Hợp Đồng, trong vòng 03 tháng trước khi hết thời hạn thuê, Bên B đồng ý để Bên A treo bên ngoài Nhà Xưởng một thông báo rằng Nhà Xưởng sẽ để trống và sẽ được cho thuê. Bên B đồng ý để Bên A và bất kỳ các bên thuê tiềm năng của Bên A được ra vào Nhà Xưởng để xem Nhà Xưởng nhằm mục đích thuê với điều kiện Bên A đã thông báo trước cho Bên B một thời gian hợp lý.

若乙方没有延期合同的需求, 则在租赁期限届满前 3 个月, 乙方同意让甲方在厂房门外挂上出租厂房的通知。乙方同意让甲方和甲方的任何潜在承租方进出厂房参观以进行租赁, 前提是甲方已在适当时间内事先通知乙方

ĐIỀU 12: THANH LÝ HOẶC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG 义务和权利在合同终止时

12.1. Việc chấm dứt hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a. Hợp đồng hết thời hạn thuê và Bên B không có nhu cầu gia hạn Hợp đồng.
合同期满及乙方没有延期合同的需求。
- b. Nhà xưởng bị phá dỡ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
工厂已被拆除由有关机关的决定。
- c. Các sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 10.3 của Hợp đồng này.
本合同第 10.3 款规定的不可抗力事件。
- d. Các sự kiện được quy định tại Điều 9.2 của Hợp đồng này.
本合同第 9.2 款规定的各事件。 -
- e. Theo đề nghị của một trong hai bên và được bên còn lại chấp nhận.
Nếu Bên B muốn chấm dứt Hợp đồng trước khi hết Thời Hạn Thuê, thì Bên B phải gửi thông báo về việc chấm dứt bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất 01 năm để Bên A xem xét chấp nhận. Trường hợp được Bên A chấp nhận thì hai Bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp Đồng.
双方的提议及收到对方的同意。
若乙方要在租赁期限届满前终止合同, 则乙方需提前 1 年将终止事宜书面通知甲方, 以甲方考虑批准。若甲方批准, 则双方制定详细约定终止合同的条件和时间的书面文件。

Khi Hợp đồng chấm dứt theo Khoản a, b Điều 12.1 của Hợp đồng, Bên B sẽ được hoàn trả lại Tiền Đặt Cọc, với điều kiện là Bên A được quyền giữ lại và khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B nợ Bên A theo Hợp Đồng này.

若合同依合同第 12.1 款第 a、b 点终止, 乙方获返还保证金, 前提是甲方有权保留并依本合同规定扣除乙方所欠甲方的任何款项。

Khi Hợp đồng chấm dứt theo Khoản d Điều 12.1 của Hợp đồng, Bên B sẽ không được hoàn lại Tiền Đặt Cọc; đồng thời phải thanh toán cho Bên A tiền phạt vi phạm tương đương 03 tháng tiền thuê nhà xưởng.

若合同依合同第 12.1 款第 d 点终止, 乙方不得返还保证金; 同时向甲方支付一笔相当于 3 个月厂房租金的罚款。

Khi Hợp đồng chấm dứt theo Khoản c, f Điều 12.1 của Hợp đồng, Tiền Đặt Cọc sẽ được xử lý theo thỏa thuận của các Bên.

若依合同第 12.1 款第 c、f 点终止, 保证金将根据双方的约定处理。

12.2. Mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng này, trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng hoặc một thời hạn khác theo thông báo bằng văn bản của Bên A, Bên B có trách nhiệm:

对于所有终止本合同的情况, 自终止合同之日起 15 (十五) 天内或甲方书面通知的其他期限内, 乙方有责任:

a. Thanh toán Tiền thuê nhà xưởng và các khoản phải trả khác cho Bên A cho đến ngày Bên B hoàn thành việc bàn giao cho Bên A; Thanh toán tất cả các khoản tiền điện, nước và bất kỳ khoản chi phí tiện ích nào khác mà Bên B đã sử dụng trước khi di chuyển các trang thiết bị ra khỏi Nhà Xưởng;

向甲方支付厂房租金及其他应付款, 直至乙方向甲方移交完毕止; 在迁设备出去之前, 支付乙方所使用的所有电费、水费及其他任何公共设施费用;

b. Hoàn thành các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án tại Nhà Xưởng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

向国家審權机关完成在厂房的项目活动的终止手续;

c. Khôi phục lại và hoàn trả Nhà xưởng thuê về tình trạng ban đầu như mô tả tại Biên bản bàn giao trong điều kiện nguyên vẹn, sử dụng tốt, ngoại trừ những hao mòn tự nhiên, thông thường trong quá trình sử dụng được Bên A chấp thuận;

按照移交记录将租赁厂房恢复原状, 保持完好、使用良好的状态, 经甲方认可的使用过程中自然和正常磨损的情况除外;

Trường hợp có hư hỏng, mất mát đối với Nhà xưởng thuê, Bên B có trách nhiệm khôi phục lại nguyên trạng và bồi thường cho Bên A trong thời hạn do Bên A yêu cầu. Nếu Bên B không hoàn thành việc khôi phục, hoàn trả nguyên trạng như ban đầu trong thời hạn trên, Bên A có quyền tự thực hiện hoặc chỉ định bên thứ ba thực hiện các công việc này. Bên B có trách nhiệm thanh toán/bồi hoàn mọi khoản chi phí liên quan đến công việc nêu trên cho Bên A ngay sau khi nhận được đề nghị hoặc hóa đơn thanh toán của Bên A và Bên A được quyền khấu trừ từ khoản tiền đặt cọc để bù đắp các chi phí sửa chữa, khắc phục những hư hỏng, mất mát. Trường hợp tiền đặt cọc không đủ bù đắp các khoản chi phí sửa chữa, khắc phục hư hỏng mất mát, Bên B có nghĩa vụ trả cho Bên A khoản chi phí còn thiếu.

租赁厂房损坏或灭失时, 乙方负责在甲方要求的期限内恢复原状并赔偿甲方。若乙方未在上述期限内完成修复并恢复原状, 甲方有权自行或委托第三方完成这些工作。乙方在收到甲方的请款单或付款发票后, 负责立即向甲方支付/报销与上述工作相关的所有费用, 并有权从保证金中扣除修理和克服损失、损坏的费用。若保证金不足以弥补修复、克服损失、损坏的费用, 则乙方有义务向甲方支付所缺的费用。

d. Thu hồi và di dời toàn bộ thiết bị, tài sản, máy móc... của Bên B ra khỏi phạm vi Nhà xưởng thuê.

将乙方所有设备、资产、机器等收回并迁出租赁厂区。

Trường hợp không hoàn thành thực hiện việc thu hồi, di dời tài sản trong thời hạn được quy định, Bên B qua đây xác nhận rằng Bên A có quyền dùng mọi biện pháp cần thiết để vận chuyển toàn bộ các thiết bị, tài sản, máy móc và các đồ vật khác của Bên B ra khỏi phạm vi Nhà xưởng thuê dưới sự chứng kiến của Bên thứ ba để thu hồi toàn bộ diện tích Nhà xưởng

thuê được nêu trong Hợp Đồng này mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào. Các chi phí phát sinh của Bên A liên quan đến việc tháo dỡ, di dời bao gồm chi phí thuê kho (nếu có) để chứa tài sản di dời của Bên B sẽ được căn trừ vào Tiền Đặt Cọc. Bên A không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với sự mất mát, hư hại liên quan đến tài sản của Bên B khi thực hiện công việc di dời, tháo dỡ này.

若未能在规定期限内完成资产的回收和搬迁, 乙方在此确认甲方有权在第三方见证下采取一切必要措施将乙方的所有设备和资产、机械及其他物品迁出, 以收回本合同中规定的整个租赁厂房面积, 而不需承担任何法律责任。甲方因拆除和搬迁而产生的费用, 包括存放乙方搬迁资产的仓库租金 (如有), 将从押金中扣除。甲方在进行搬迁、拆除工作时, 对乙方资产的任何损失、损坏不承担责任。

Nếu quá 30 (ba mươi) ngày sau khi thời hạn quy định tại Điều 12.2 nêu trên chấm dứt mà Bên B vẫn tiếp tục không đến nhận tài sản của mình thì Bên B đồng ý rằng Bên B đã từ chối toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với toàn bộ các tài sản này và Bên A có toàn quyền xử lý kể cả việc thanh lý tài sản.

若在上述第 12.2 款规定的期限结束后超过 30 (三十) 天, 乙方仍未收回其财产, 则乙方同意乙方已放弃这些资产的所有权、使用和处分权, 甲方全权处理, 包括清算资产。

ĐIỀU 13: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 争议解决

13.1. Nếu có mâu thuẫn trong hợp đồng này, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và đưa ra phương án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết và quyết định của Tòa án có thẩm quyền là quyết định cuối cùng để hai bên phải tuân theo. Án phí và các chi phí tố tụng khác phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.

要是本合同发生矛盾的时候, 双方进行讨论商量的方法。如果未能达到一致, 会至的有管辖权法院解决与有管辖权法院的决定是最后决定双方必须遵守。案费和解决纠纷过程中所产生的所有诉讼费用由败诉方承担。

13.2. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các điều khoản và điều kiện hợp đồng thuê này vẫn được tiếp tục ràng buộc các bên và các bên tiếp tục thực hiện và tuân thủ hợp đồng này.

在解决本合同的矛盾问题时候, 本租约的其他条款对双方的约束力, 双方继续执行和遵守本合同的各条款。

ĐIỀU 14: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC 附加其他条款

14.1. Hợp Đồng này sẽ phát sinh hiệu lực kể từ Ngày Ký Kết.

本合同自签订之日起生效。

14.2. Mọi sự thay đổi và thỏa thuận khác không có trong hợp đồng này đều được sự đồng ý của 2 bên bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và có giá trị tương đương với Hợp đồng này.

凡本合同未尽事宜的变更及其他约定, 由双方通过合同附件约定。合同附录为合同不可分割的一部分, 与本合同具有同等法律效力。

14.3. Trong thời hạn thuê, nếu Bên A bán nhà xưởng hoặc cho thuê lại (hoặc chuyển nhượng) quyền sử dụng đất nơi đặt nhà xưởng theo hợp đồng này, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 07 ngày và thông báo cho Bên B biết. Bên B có quyền được hưởng quyền từ chối hoặc được ưu tiên nhận chuyển nhượng cùng điều kiện.

租赁期限内, 甲方对外出售厂房或者转租 (或转让) 本合同项下厂房所在的土地使用权, 应当提前七天书面通知乙方。乙方有权在同等条件下, 享有拒绝或优先受让权。

14.4. Trong thời hạn thuê Bên A bán hoặc cho thuê lại (hoặc chuyển nhượng) nhà máy quyền sử dụng đất của hợp đồng thuê này Nếu bên B không đồng ý mua lại thì bên A có quyền chuyển nhượng cho bên thứ 3 trong thời gian chưa hết thời hạn hợp đồng bên B vẫn thực hiện hợp đồng cho hết thời hạn thuê, Bên A phải đảm bảo rằng Bên B vẫn có quyền và thực sự được hưởng quyền thuê nhà xưởng theo quy định trong hợp đồng này, đảm bảo rằng bên nhận chuyển nhượng (hoặc cho thuê lại) biết rằng Bên B là bên thuê hợp pháp nhà xưởng và yêu cầu "Bên nhận chuyển nhượng tiếp nhận và kế thừa Bên A thay thế hợp đồng này với tư cách là bên cho thuê mới nhà xưởng và kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo hợp đồng này", Điều kiện về quyền sử dụng đất nơi đặt nhà máy theo hợp đồng thuê này và sẽ được đưa vào hợp đồng mua bán nhà máy hoặc hợp đồng chuyển nhượng (hoặc cho thuê lại) tại thời điểm đó.

租赁期限内, 甲方对外出售厂房或者转租 (或转让) 本租约所在的土地使用权的, 且乙方不行使优先购买权的, 甲方应当确保乙方仍然有权并实际享有本合同约定承租厂房的权利, 并确保受让方知情乙方为厂房的合法承租方, 并要求把 " 受让对方接受并承继代替本合同的甲方作为厂房新的出租方并全面承继本合同甲方的权利义务 " 作为对外出售厂房或者转租 (或转让) 本租约项下厂房所在的土地使用权的前提条件, 并载入届时的厂房出售合同或土地转让 (转租) 合同.

14.5. Bất kỳ thông báo hoặc yêu cầu được gửi bởi một Bên theo Hợp Đồng này sẽ được xem là đã được gửi và được nhận một cách hợp lệ khi:

任何一方依本合同发出的任何通知或要求均被视为已合格发出及收到, 若:

- Nếu được chuyển, gửi hoặc giao tận tay, sẽ được xem là đã được nhận vào ngày ký nhận; hoặc
若交付、发出或直接交付, 则于签名之日视为已收到; 或
- Nếu được gửi, phát đi bằng dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ như được nêu trong Hợp Đồng này, sẽ được xem là đã được nhận sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày chuyển phát được ghi nhận trên biên nhận gửi thư; hoặc
若通过送货服务发送或递送至本合同中规定的地址, 则自递送收据上记录的递送日期起 3 (三) 个工作日后将被视为已收到; 或
- Nếu được gửi qua thư điện tử (email) từ các nhân sự phụ trách của mỗi Bên, sẽ được coi là đã nhận được sau 01 (một) ngày làm việc sau ngày email được gửi thành công.
若由双方负责人员通过电子邮件 (email) 发送, 则将在电子邮件成功发送之日起 01 (一) 个工作日后视为收到。

14.6. Hợp đồng này được làm thành 04 bản bằng song ngữ tiếng Việt – tiếng Trung với nội dung tiếng Việt làm chuẩn, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

本合同越中文双语一式四份, 以越文内容为准, 具有相同的价值, 每方存 2 份。



ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人

YANG YOU PING

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Một thành viên Sầm Bắc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801256760 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 16/7/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.



Nguyễn Khánh Thắng

DP 367828

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a. Thửa đất số: 107, tờ bản đồ số: 03-KCN-BDP.
- b. Diện tích: 16.544,0 m² (Mười sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn mét vuông).
- c. Loại đất: Đất khu công nghiệp.
- d. Thời hạn sử dụng: Ngày 23/11/2059.
- đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- e. Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.
- g. Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

a. Thông tin về tài sản và đặc điểm tài sản gắn liền với đất.

Tên tài sản	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Số tầng	Kết cấu	Cấp công trình
01. Nhà xưởng và nhà kho	10.735,0	21.470,0	02	Móng, dầm kiềng, cột, dầm sàn, nền bê tông cốt thép; Tường xây gạch,...	II
02. Nhà văn phòng	326,52	1.226,52	04	Móng, dầm kiềng, cột, dầm sàn BTCT; Nền BT lát gạch ceramic; Tường gạch,...	III
03. Bể nước ngầm	180,0	180,0	-	Đáy sàn bằng BTCT, tường, nắp bể tông toàn khối.	IV
04. Nhà bảo vệ	17,5	17,5	01	Móng, dầm kiềng bằng BTCT; Khung BTCT; Nền bê tông; Tường xây gạch,...	IV
05. Nhà vệ sinh công nhân	42,3	42,3	01	Móng, dầm kiềng bằng BTCT; Nền bê tông; Tường xây gạch,...	IV

b. Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng.

c. Thời hạn sở hữu: -/-

d. Địa chỉ: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Cấp đổi từ GCNQSD đất số vào sổ CT 36043 (seri số: DC 929455) cấp ngày 29/11/2021./.

Bình Phước, ngày 24 tháng 11 năm 2024

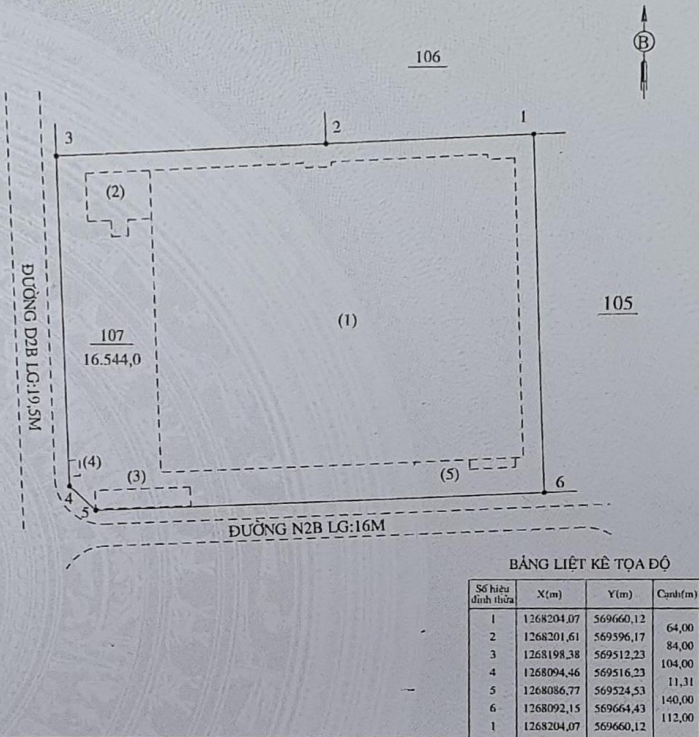
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Thìn Bảy

Số vào sổ cấp GCN: VP.41.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Bình Dương, địa chỉ tại: 26 Lê Duẩn, khu phố 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo hợp đồng thế chấp số 010TT23 ngày 22/02/2023, (Nội dung thế chấp được cập nhật từ GCN số phát hành DC 929455, số vào sổ cấp GCN CT 36043, cấp ngày 29/11/2021)/.	26/12/2024 GIÁM ĐỐC Nguyễn Thìn Bảy

**CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP
BẮC ĐỒNG PHÚ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 198/BĐP-CNMT

Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024

V/v: Đánh giá ngành nghề đầu tư và khả
năng tiếp nhận nước thải tại KCN
Bắc Đồng Phú

Kính gửi: Ông YANG, YOUPING (Công ty TNHH FC Furniture)

Căn cứ đơn xin xác nhận ngày 05/10/2024 của Ông YANG, YOUPING đại diện pháp luật của Công ty TNHH FC Furniture về việc xin xác nhận ngành nghề đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú và khả năng tiếp nhận nước thải của KCN.

Căn cứ tình hình nước thải phát sinh của các doanh nghiệp thứ cấp tại KCN Bắc Đồng Phú.

Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có nhận được đơn xin xác nhận về ngành nghề đầu tư và nước thải phát sinh của Ông YANG, YOUPING đại diện cho nhà đầu tư Công ty TNHH FC Furniture tại Khu B, KCN Bắc Đồng Phú, Công ty chúng tôi phúc đáp như sau:

1. Về ngành nghề đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú: Công ty TNHH FC Furniture đăng ký hoạt động với ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế với mã ngành VSIC là: 3100. Ngành nghề này phù hợp với danh mục ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú.

2. Lưu lượng nước thải có thể phát sinh khi đi vào hoạt động của Công ty TNHH FC Furniture là 40 m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện tại của KCN Bắc Đồng Phú được thiết kế với công suất 2000 m³/ngày.đêm. Lưu lượng tiếp nhận hiện tại dao động từ 700-750 m³/ngày.đêm, nên đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh của Công ty TNHH FC Furniture khi đi vào hoạt động.

Trên đây là nội dung phúc đáp đơn xin xác nhận ngày 05/10/2024 của Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.CNMT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

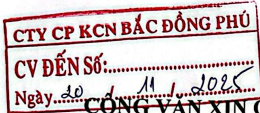
Phạm Phi Diệu

CÔNG TY FC FURNITURE CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 12/CV-FC

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2025



CÔNG VĂN XIN GIA HẠN TẠM THỜI GIAN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KCN BẮC ĐỒNG PHÚ

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE MST: 3801311186

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai

Công ty TNHH FC Furniture thuê lại toàn bộ nhà xưởng tại của Công ty TNHH MTV Sâm Bắc theo Hợp đồng số 01072024/PC/HĐTX ngày 01/7/2024, Hiện tại công ty đang hoạt động và hoàn thiện hồ sơ môi trường.

Ngày 03/04/2025 Công ty TNHH FC FURNITURE đã làm công văn xin tạm thời tiếp nhận nước thải của công ty chúng tôi gửi đến Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú để tạm thời cho công ty chúng tôi được xả nước vào hệ thống của xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp.

Theo biên bản làm việc ngày 21/4/2025 giữa Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú với Công ty TNHH FC Furniture về việc thống nhất phương án tiếp nhận nước thải và xử lý cho Công ty TNHH FC Furniture có nội dung như sau:

- Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH FC Furniture chưa đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN và xử lý nước thải đầu ra đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT. Công ty TNHH FC Furniture phải có trách nhiệm thanh toán chi phí xử lý này cho Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Lưu lượng nước thải hàng tháng chưa qua xử lý của Công ty TNHH FC Furniture được tính như sau: (Lưu lượng nước thải phát sinh) × (đơn giá xử lý nước thải) × (hệ số K=1,5). Do quá trình này chưa lắp đồng hồ thì lưu lượng được



tính bằng 80% lượng nước cấp, khối lượng dựa trên hóa đơn nước cấp mà Công ty sử dụng.

- Đơn giá xử lý nước thải là: 8.901 VNĐ (Bằng chữ: Tám ngàn, chín trăm lẻ một đồng), đơn giá chưa bao gồm VAT.

- Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú chấp nhận tiếp nhận tạm thời đầu nổi nước thải của Công ty TNHH FC Furniture kể từ ngày 21/4/2025 đến 07/08/2025.

Trong thời gian trên Công ty chúng tôi phải thực hiện tiến hành thủ tục đủ điều kiện ký kết hợp đồng đó là có Giấy phép môi trường. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty TNHH FC Furniture vẫn chưa thể có Giấy phép môi trường với các lý do tình hình chính trị có nhiều biến động, hồ sơ giấy tờ thủ tục cấp giấy phép môi trường còn nhiều vướng mắc nên chưa kịp ra giấy phép môi trường trước ngày 30/10/2025.

Nay Công ty TNHH FC Furniture làm văn bản này gửi đến Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú cho chúng tôi xin ra hạn thêm việc đầu nổi nước thải vào hệ thống xử lý nước thải của công ty chúng tôi đến ngày 28/02/2026 để chúng tôi có đủ thời gian hoàn tất thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định.

Toàn bộ chi phí xử lý nước công ty chúng tôi xin chi trả theo qui định của Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.

Công ty chúng tôi cam kết sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Quý Công ty và chịu mọi trách nhiệm về sai phạm (nếu có) mà Công ty chúng tôi gây ra.

Xin trân trọng cảm ơn!



CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

P.CN - MT.

30/11/2025

Kính gửi Tổng Giám đốc
Xem xét cho công ty
TNHH FC Furniture được
hiện gia hạn đến 28/02/2026.



YANG YOO PING



Phạm Phi Diệu

Nguyễn Viết Khanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

**Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu
tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

Số: 0808 /HDDV/2025

Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2025, tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE, đại diện các bên gồm có:

Đại diện bên A (bên thuê dịch vụ) : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Đại diện: **YANG YOU PING** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mã số thuế: 3801311186

Số điện thoại:

Số tài khoản:

**Đại diện bên B (bên cung cấp dịch vụ): CÔNG TY TNHH MTV VỆ SINH
HOÀNG PHÁT**

Đại diện: **Ông Đinh Ngọc Hoàng** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: số nhà 2122/632, Khu phố Bưng Sê, Phường Đồng Xoài, Đồng Nai

Mã số thuế: 3801311958

Điện thoại: 0984118112

Tài khoản: 685299999 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Phước

Hai bên đã thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

Bên B nhận điều động phương tiện, nhân lực để thực hiện dịch vụ Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu theo yêu cầu của bên A. Cụ thể:



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Hút hầm cầu	Xe	4	800.000	3.200.000
02	Phí xử lý nghẹt bồn cầu	Gói	1	3.200.000	3.200.00
Cộng tiền hàng:					6.400.000
Thuế suất GTGT 8%:					512.000
Tổng					6.912.000

Bảng chữ: Sáu triệu chín trăm mười hai ngàn đồng.

Đơn giá đã bao gồm các chi phí liên quan

Hình thức hợp đồng: Theo khối lượng thực tế phát sinh.

Địa điểm thực hiện: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 ngày

Điều 2. Thời gian và phương thức thanh toán:

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành, hóa đơn tài chính theo quy định và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 3. Trách nhiệm của các Bên

3.1 Trách nhiệm của bên A:

Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B xử lý các công việc như đã thỏa thuận ở trên.

Kiểm tra và xác nhận bên B đã hoàn thành các công việc đã thỏa thuận

Thanh toán đầy đủ chi phí cho bên B theo quy định.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển chất thải, không phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

Người lái xe phải làm đúng luật giao thông quy định về an toàn vận tải trong suốt quá trình vận chuyển.

Tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến cấu trúc công trình hoặc các đường ống xung quanh.



Dọn dẹp, vệ sinh khu vực sau thi công.

Không gây vương vãi chất thải ra môi trường, xử lý chất thải đúng nơi quy định.

Bàn giao lại công trình ở trạng thái nguyên vẹn.

Cùng với bên A lập biên bản nghiệm thu sau khi hoàn thành công việc.

Điều 4. Một số thoả thuận khác

Trong quá trình thi công nếu có phát sinh công việc như nạo vét cống, xử lý nắp cống bị bể thì 2 bên sẽ trao đổi, thoả thuận để thực hiện.

Trong quá trình thi công, nếu bên B làm hư hỏng các công trình, thiết bị của bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thoả thuận của 2 bên.

Sau khi xử lý xong mà hầm vẫn bị đầy thì bên B có trách nhiệm cùng tìm ra nguyên nhân, xử lý khắc phục hoặc trao đổi cùng bên A để khắc phục.

Điều 5. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc cần bổ sung hay sửa đổi hợp đồng; hai bên trực tiếp thương lượng và giải quyết bảo đảm mọi quyền lợi (có lập biên bản). Trường hợp các nội dung tranh chấp không thương lượng giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ đưa ra tòa án kinh tế thuộc tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để giải quyết.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



YANG YOU PING

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ DỊCH VỤ**



Đinh Ngọc Hoàng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

**Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu
tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

Số: 021125/HĐDV/2025

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2025, tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE, đại diện các bên gồm có:

Đại diện bên A (bên thuê dịch vụ) : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Đại diện: **YANG YOU PING**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mã số thuế: 3801311186

Số điện thoại:

Số tài khoản :

**Đại diện bên B (bên cung cấp dịch vụ): HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI SƠN GIANG
CN DV VT ĐỒNG XOÀI**

Đại diện: Bà **Nguyễn Kim Thanh**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Tổ 7, Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3801302431-001

Điện thoại: 0854241379

Tên tài khoản: **HTX VT SƠN GIANG CN DV VT ĐỒNG XOÀI**

Số tài khoản: **5601201004188** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Bình Phước

Hai bên đã thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

Bên B nhận điều động phương tiện, nhân lực để thực hiện dịch vụ Hút hầm cầu và xử lý nghẹt bồn cầu theo yêu cầu của bên A. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Hút hầm cầu	Xe	3	800.000	2.400.000
02	Phí xử lý thông tắc nghẹt thoát sàn toàn bộ nhà vệ sinh Nam+ Nữ	Gói	1	4.000.000	4.000.000
03	Phí xử lý nghẹt bồn cầu khu văn phòng	Cái	2	500.000	1.000.000
Tổng					7.400.000

Bảng chữ: Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng.

Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT 8% và các chi phí liên quan.

Hình thức hợp đồng: Theo khối lượng thực tế phát sinh.

Địa điểm thực hiện: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 ngày

Điều 2. Thời gian và phương thức thanh toán:

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành, hóa đơn tài chính theo quy định và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 3. Trách nhiệm của các Bên

3.1 Trách nhiệm của bên A:

Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B xử lý các công việc như đã thỏa thuận ở trên.

Kiểm tra và xác nhận bên B đã hoàn thành các công việc đã thỏa thuận

Thanh toán đầy đủ chi phí cho bên B theo quy định.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển chất thải, không phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.



Người lái xe phải làm đúng luật giao thông quy định về an toàn vận tải trong suốt quá trình vận chuyển.

Tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến cấu trúc công trình hoặc các đường ống xung quanh.

Dọn dẹp, vệ sinh khu vực sau thi công.

Không gây vướng vãi chất thải ra môi trường, xử lý chất thải đúng nơi quy định.

Bàn giao lại công trình ở trạng thái nguyên vẹn.

Cùng với bên A lập biên bản nghiệm thu sau khi hoàn thành công việc.

Điều 4. Một số thoả thuận khác

Trong quá trình thi công nếu có phát sinh công việc như nạo vét cống, xử lý nắp cống bị bể thì 2 bên sẽ trao đổi, thoả thuận để thực hiện.

Trong quá trình thi công, nếu bên B làm hư hỏng các công trình, thiết bị của bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường theo thoả thuận của 2 bên.

Sau khi xử lý xong mà hầm vẫn bị đầy thì bên B có trách nhiệm cùng tìm ra nguyên nhân, xử lý khắc phục hoặc trao đổi cùng bên A để khắc phục.

Điều 5. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc cần bổ sung hay sửa đổi hợp đồng; hai bên trực tiếp thương lượng và giải quyết bảo đảm mọi quyền lợi (có lập biên bản). Trường hợp các nội dung tranh chấp không thương lượng giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ đưa ra tòa án kinh tế thuộc tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để giải quyết.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



YANG YOU PING

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ Hợp đồng số:0808 /HDDV/2025 ngày 08 tháng 08 năm 2025 đã ký kết giữa CÔNG TY TNHH FC FURNITURE và CÔNG TY TNHH MTV VỆ SINH HOÀNG PHÁT

Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2025 tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE.
Chúng tôi gồm có:

Đại diện bên A (bên thuê dịch vụ) : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Đại diện: **YANG YOU PING** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Mã số thuế: 3801311186
Số điện thoại:
Số tài khoản :

Đại diện bên B (bên cung cấp dịch vụ): CÔNG TY TNHH MTV VỆ SINH HOÀNG PHÁT

Đại diện: **Ông Đinh Ngọc Hoàng** Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ: số nhà 2122/632, Khu phố Bưng Sê, Phường Đồng Xoài, Đồng Nai.
Mã số thuế: 3801311958
Điện thoại: 0984118112
Tài khoản: 685299999 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Phước

Điều 1: Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung thoả thuận trong hợp đồng cho Bên A. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Hút hầm cầu	Xe	4	800.000	3.200.000
02	Phí xử lý nghẹt bồn cầu	Gói	1	3.200.000	3.200.00

Cộng tiền hàng:	6.400.000
Thuế suất GTGT 8%:	512.000
Tổng	6.912.000

Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm mười hai ngàn đồng.

Điều 2: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% trị giá hợp đồng theo đúng quy định trong hợp đồng.

Điều 3: Hai bên đồng ý ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với các điều khoản trên. Không bên nào được tự ý sửa chữa, thay đổi Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được lập thành 03 bản. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ DỊCH VỤ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ Hợp đồng số: 021125/HĐDV/2025 ngày 01 tháng 11 năm 2025 đã ký kết giữa CÔNG TY TNHH FC FURNITURE và HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI SƠN GIANG CN DV VT ĐỒNG XOÀI.

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2025 tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE.
Chúng tôi gồm có:

Đại diện bên A (bên thuê dịch vụ) : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Đại diện: **YANG YOU PING** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mã số thuế: 3801311186

Số điện thoại:

Số tài khoản:

Đại diện bên B (bên cung cấp dịch vụ): HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI SƠN GIANG CN DV VT ĐỒNG XOÀI

Đại diện: Bà **Nguyễn Kim Thanh** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Tổ 7, Khu phố Tân Đồng 3, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3801302431-001

Điện thoại: 0854241379

Tên tài khoản: **HTX VT SƠN GIANG CN DV VT ĐỒNG XOÀI**

Số tài khoản: **5601201004188** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Bình Phước

Điều 1: Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung thoả thuận trong hợp đồng cho Bên A. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: *đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Hút hầm cầu	Xe	3	800.000	2.400.000

02	Phí xử lý thông tắc nghẹt thoát sàn toàn bộ nhà vệ sinh Nam+ Nữ	Gói	1	4.000.000	4.000.000
03	Phí xử lý nghẹt bồn cầu khu văn phòng	Cái	2	500.000	1.000.000
Tổng					7.400.000

Bảng chữ: Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng.

Điều 2: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% trị giá hợp đồng theo đúng quy định trong hợp đồng.

Điều 3: Hai bên đồng ý ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với các điều khoản trên. Không bên nào được tự ý sửa chữa, thay đổi Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được lập thành 03 bản. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



YANG YOU PING

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Kim Thanh



Số: 1860/QĐ-XPVPHC

Đồng Phú, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH FC Furniture**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản khảo sát thực tế tại khu vực thực hiện dự án ngày 16/6/2025 của Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường theo Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC lập ngày 16/06/2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-GQXP ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho ông Hoa Văn Định – Phó Chủ tịch UBND huyện;

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 525/TTr-TNMT ngày 17/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty TNHH FC Furniture.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô F1, F3, khu B, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Mã số doanh nghiệp: 3801311186.

Số GCN đăng ký doanh nghiệp: 3801311186; đăng ký lần đầu ngày: 16/01/2025; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

Số GCN đăng ký đầu tư: 7621353864; cấp chứng nhận lần đầu ngày: 08/1/2025; nơi cấp: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.



Người đại diện theo pháp luật: Yang, Youping; Giới tính: Nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Không có giấy phép môi trường theo quy định. Cụ thể:

Công ty TNHH FC Furniture đã triển khai hoạt động sản xuất dự án Công ty TNHH FC Furniture tại Lô F1, F3, khu B, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước khi chưa có giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 14 của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể: Mức tiền phạt 65.000.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở trong thời hạn 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định này (theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Yang, Youping – Giám đốc Công ty TNHH FC Furniture là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

- Công ty TNHH FC Furniture phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH FC Furniture không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH FC Furniture phải nộp tiền phạt ghi tại Phòng giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI, địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Kho bạc Nhà nước huyện Đồng Phú cũ) hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc Nhà nước khu vực XVI ủy nhiệm thu¹ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận Quyết định xử phạt.

- Công ty TNHH FC Furniture có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI để thu tiền phạt.

¹ Agribank Đồng Phú; Viettinbank Đồng Phú; BIDV Đồng Phú (ĐT.741 – Khu phố Tân An, TT. Tân Phú, huyện Đồng Phú).

định.

ih

Nơi nhận:

- Luru: VT, 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoa Vận Định



Quyết định đã giao trực tiếp cho là người
đại diện của tổ chức bị xử phạt vào hồi giờ phút, ngày/6/2025./.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:

Lưu tại: Số seri: BPH662325

Số biên lai: 300842

Số tham chiếu: 05120IHc-
81DIXUfIL/

Thu phạt ☒ Nội dung phạt:

Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí:

Thu thuế ☐

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã số thuế/ số CMND/HC:

Địa chỉ: LÔ F1 F3 KHU B KCN BẮC ĐỒNG PHÚ TTR

Huyện:

Tỉnh: Tỉnh Bình Phước

TÂN PHÚ ĐỒNG PHÚ BÌNH PHƯỚC
Theo Quyết định số: 1860/QĐ-XPVPHC ngày
23/06/2025

của UBND huyện Đồng Phú (605-4261_Phạt môi trường)

Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
1	Thu phạt	65,000,000
Tổng cộng		65,000,000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng.

PHẦN NGÂN HÀNG GHI:

TK Nợ: 110101001

TK Có: 280701025

Số tiền nộp NSNN: 65,000,000

Phí: 0

VAT: 0

Số tiền phạt chậm 0

Tổng tiền thu: 65,000,000

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Người nộp tiền

(Ký tên)

Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ THÚY AN

HUỲNH THANH NHẢ

Phụ lục 2. Hóa đơn tiền điện, tiền nước

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000304

ID hóa đơn: 564769

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện từ)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 2/2025 (28 ngày từ 01/02/2025 đến 28/02/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	381,6	315,6	66.000
Giờ cao điểm		1.000	209,8	176,1	33.700
Giờ thấp điểm		1.000	39,5	27,7	11.800
					Tổng: 111.500

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	66.000	125.136.000
Khung giờ cao điểm	3.474	33.700	117.073.800
Khung giờ thấp điểm	1.241	11.800	14.643.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			111.500
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			256.853.600
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			20.548.288
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			277.401.888

Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm tám mươi tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 04/03/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SĐT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: <https://portal.hilo.com.vn>, mã tra cứu: 564769ZF6CU)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

277.401.888 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 09/03/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienluccongnghiepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000407

ID hóa đơn: 574833

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2025 (31 ngày từ 01/03/2025 đến 31/03/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHẢN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	477,7	381,6	96.100
Giờ cao điểm		1.000	256,4	209,8	46.600
Giờ thấp điểm		1.000	67,6	39,5	28.100
					Tổng: 170.800

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	96.100	182.205.600
Khung giờ cao điểm	3.474	46.600	161.888.400
Khung giờ thấp điểm	1.241	28.100	34.872.100
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			170.800
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			378.966.100
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			30.317.288
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			409.283.388

Bằng chữ: Bốn trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm tám mươi tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 03/04/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SĐT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 574833VGUCA)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

409.283.388 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 08/04/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000462

ID hóa đơn: 574889

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 4/2025 (10 ngày từ 01/04/2025 đến 10/04/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHẢN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	504,4	477,7	26.700
Giờ cao điểm		1.000	269,1	256,4	12.700
Giờ thấp điểm		1.000	74,2	67,6	6.600
					Tổng: 46.000

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	26.700	50.623.200
Khung giờ cao điểm	3.474	12.700	44.119.800
Khung giờ thấp điểm	1.241	6.600	8.190.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			46.000
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			102.933.600
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			8.234.688
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			111.168.288

Bằng chữ: Một trăm mười một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm tám mươi tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 11/04/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 574889E1139)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

111.168.288 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 16/04/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000484

ID hóa đơn: 574911

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 4/2025 (10 ngày từ 11/04/2025 đến 20/04/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHẢN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	537,8	504,4	33.400
Giờ cao điểm		1.000	284,2	269,1	15.100
Giờ thấp điểm		1.000	83,5	74,2	9.300
					Tổng: 57.800

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	33.400	63.326.400
Khung giờ cao điểm	3.474	15.100	52.457.400
Khung giờ thấp điểm	1.241	9.300	11.541.300
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			57.800
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			127.325.100
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			10.186.008
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			137.511.108

Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười một nghìn một trăm lẻ tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 21/04/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 574911PRPS8)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

137.511.108 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 26/04/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000558

ID hóa đơn: 584959

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 4/2025 (10 ngày từ 21/04/2025 đến 30/04/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHẢN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	563,7	537,8	25.900
Giờ cao điểm		1.000	295,8	284,2	11.600
Giờ thấp điểm		1.000	90,9	83,5	7.400
					Tổng: 44.900

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	25.900	49.106.400
Khung giờ cao điểm	3.474	11.600	40.298.400
Khung giờ thấp điểm	1.241	7.400	9.183.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			44.900
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			98.588.200
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			7.887.056
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			106.475.256

Bằng chữ: Một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 01/05/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 584959GG9XJ)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

106.475.256 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 06/05/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000573

ID hóa đơn: 584975

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 5/2025 (9 ngày từ 01/05/2025 đến 09/05/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	592,2	563,7	28.500
Giờ cao điểm		1.000	309,2	295,8	13.400
Giờ thấp điểm		1.000	99,2	90,9	8.300
					Tổng: 50.200

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.896	28.500	54.036.000
Khung giờ cao điểm	3.474	13.400	46.551.600
Khung giờ thấp điểm	1.241	8.300	10.300.300
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			50.200
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			110.887.900
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			8.871.032
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			119.758.932

Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 12/05/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: [hddtes78portal.hilo.com.vn](https://portal.hilo.com.vn), mã tra cứu: 584975TG9S4)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

119.758.932 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 17/05/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000597

ID hóa đơn: 584999

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 5/2025 (11 ngày từ 10/05/2025 đến 20/05/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	631,3	592,2	39.100
Giờ cao điểm		1.000	328,4	309,2	19.200
Giờ thấp điểm		1.000	110,8	99,2	11.600
					Tổng: 69.900

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	39.100	77.691.700
Khung giờ cao điểm	3.640	19.200	69.888.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	11.600	15.080.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			69.900
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			162.659.700
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			13.012.776
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			175.672.476

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 22/05/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: ddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 584999ENZJ2)Mã khách hàng
SP000038Số tiền thanh toán
175.672.476 đồngHạn thanh toán
Trước ngày 27/05/2025Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:
1055076789 - Ngân hàng TMCP
Ngoại Thương Việt Nam
(Vietcombank) – CN Bình Phước**THÔNG TIN LIÊN HỆ****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000644

ID hóa đơn: 585046

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 5/2025 (11 ngày từ 21/05/2025 đến 31/05/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	675,2	631,3	43.900
Giờ cao điểm		1.000	348,9	328,4	20.500
Giờ thấp điểm		1.000	124	110,8	13.200
					Tổng: 77.600

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	43.900	87.229.300
Khung giờ cao điểm	3.640	20.500	74.620.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	13.200	17.160.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			77.600
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			179.009.300
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			14.320.744
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			193.330.044

Bằng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 02/06/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 585046E1GBA)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

193.330.044 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 07/06/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienluccongnghiepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000716

ID hóa đơn: 595039

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2025 (10 ngày từ 01/06/2025 đến 10/06/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHẢN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	711,1	675,2	35.900
Giờ cao điểm		1.000	365,5	348,9	16.600
Giờ thấp điểm		1.000	134,8	124	10.800
					Tổng: 63.300

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	35.900	71.333.300
Khung giờ cao điểm	3.640	16.600	60.424.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	10.800	14.040.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			63.300
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			145.797.300
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			11.663.784
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			157.461.084

Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn không trăm tám mươi bốn đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 13/06/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: <https://portal.hilo.com.vn>, mã tra cứu: 595039IFRCR)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

157.461.084 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 18/06/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000744

ID hóa đơn: 595066

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2025 (10 ngày từ 11/06/2025 đến 20/06/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	751,5	711,1	40.400
Giờ cao điểm		1.000	384,6	365,5	19.100
Giờ thấp điểm		1.000	146,9	134,8	12.100
					Tổng: 71.600

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	40.400	80.274.800
Khung giờ cao điểm	3.640	19.100	69.524.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	12.100	15.730.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			71.600
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			165.528.800
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			13.242.304
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			178.771.104

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn một trăm lẻ bốn đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 23/06/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: ddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 595066N3J06

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

178.771.104 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 28/06/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000778

ID hóa đơn: 595102

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2025 (10 ngày từ 21/06/2025 đến 30/06/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	786,8	751,5	35.300
Giờ cao điểm		1.000	399,1	384,6	14.500
Giờ thấp điểm		1.000	157,4	146,9	10.500
					Tổng: 60.300

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	35.300	70.141.100
Khung giờ cao điểm	3.640	14.500	52.780.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	10.500	13.650.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			60.300
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			136.571.100
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			10.925.688
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			147.496.788

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 01/07/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hdtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 595102VTSTW)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

147.496.788 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 06/07/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghiệpmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000848

ID hóa đơn: 595196

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 7/2025 (10 ngày từ 01/07/2025 đến 10/07/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01 22140405					
Giờ bình thường		1.000	823,4	786,8	36.600
Giờ cao điểm		1.000	416,2	399,1	17.100
Giờ thấp điểm		1.000	169,1	157,4	11.700
					Tổng: 65.400

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	36.600	72.724.200
Khung giờ cao điểm	3.640	17.100	62.244.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	11.700	15.210.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			65.400
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			150.178.200
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			12.014.256
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			162.192.456

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 14/07/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SDT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 595196OGR6U)

Mã khách hàng

SP000038

Số tiền thanh toán

162.192.456 đồng

Hạn thanh toán

Trước ngày 19/07/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienlucongnghepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000874

ID hóa đơn: 595244

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 7/2025 (10 ngày từ 11/07/2025 đến 20/07/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01	22140405				
Giờ bình thường		1.000	856,2	823,4	32.800
Giờ cao điểm		1.000	429,8	416,2	13.600
Giờ thấp điểm		1.000	180,7	169,1	11.600
					Tổng: 58.000

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	32.800	65.173.600
Khung giờ cao điểm	3.640	13.600	49.504.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	11.600	15.080.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			58.000
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			129.757.600
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			10.380.608
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			140.138.208

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 22/07/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SĐT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 5952445MJWG)

👤 Mã khách hàng

SP000038

💰 Số tiền thanh toán

140.138.208 đồng

📅 Hạn thanh toán

Trước ngày 27/07/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>✉ dienluccongnghiepmiennam@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

MST: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

☎ 02713818199

Ký hiệu: 1K25TSP

Số: 00000908

ID hóa đơn: 595276

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại: 0968578558
Email:
Mã số thuế: 3801311186
Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Mục đích sử dụng điện: Cho thuê nhà xưởng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 7/2025 (11 ngày từ 21/07/2025 đến 31/07/2025)

MÃ ĐIỂM ĐO	CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
SP000038P01	22140405				
Giờ bình thường		1.000	891,1	856,2	34.900
Giờ cao điểm		1.000	447,7	429,8	17.900
Giờ thấp điểm		1.000	191,1	180,7	10.400
					Tổng: 63.200

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Điểm đo: SP000038P01			
Khung giờ bình thường	1.987	34.900	69.346.300
Khung giờ cao điểm	3.640	17.900	65.156.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	10.400	13.520.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh):			63.200
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng):			148.022.300
Thuế suất GTGT:			8%
Tiền thuế GTGT (đồng):			11.841.784
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			159.864.084

Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bốn đồng chẵn.

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**Ký ngày 04/08/2025**

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng, MST: 0105795850, SĐT: 02433666622

Thông tin tra cứu truy cập tại: hddtes78portal.hilo.com.vn, mã tra cứu: 595276X5TB5)

👤 Mã khách hàng

SP000038

💰 Số tiền thanh toán

159.864.084 đồng

📅 Hạn thanh toán

Trước ngày 09/08/2025

Ngân hàng chuyển khoản tiền điện:

1055076789 - Ngân hàng TMCP

Ngoại Thương Việt Nam

(Vietcombank) – CN Bình Phước

THÔNG TIN LIÊN HỆ**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM**

☎ 02713819379/02713818199

🌐 <http://spjc.vn/>dienlucongnghiemiennam@gmail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng CP Thương Mại Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Phước.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 13 tháng 08 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000025

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Điện Sản Xuất 3 Mức Giá Hạ Thế

Kỳ thanh toán: Kỳ 1 - 8/2025 từ ngày 31/07/2025 đến ngày 10/08/2025

Hạn thanh toán: 18/08/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	928,2	891,1	37.100
Giờ cao điểm	1.000	464,7	447,7	17.000
Giờ thấp điểm	1.000	203,5	191,1	12.400

Tổng:66.500

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Giờ bình thường	1.987	37.100	73.717.700
Giờ cao điểm	3.640	17.000	61.880.000
Giờ thấp điểm	1.300	12.400	16.120.000
Tiền điện:			151.717.700
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			12.137.416
Tổng tiền thanh toán:			163.855.116
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm mười sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 13/08/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: XWHGI_V054QJ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 22 tháng 08 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000048

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Điện Sản Xuất 3 Mức Giá Hạ Thê

Kỳ thanh toán: Kỳ 2 - 8/2025 từ ngày 11/08/2025 đến ngày 20/08/2025

Hạn thanh toán: 27/08/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	967,1	928,2	38.900
Giờ cao điểm	1.000	484,2	464,7	19.500
Giờ thấp điểm	1.000	215,8	203,5	12.300

Tổng:70.700

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	38.900	77.294.300
Khung giờ cao điểm	3.640	19.500	70.980.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	12.300	15.990.000
Tiền điện:			164.264.300
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			13.141.144
Tổng tiền thanh toán:			177.405.444
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn bốn trăm bốn mươi tư đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 22/08/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: WGHP117B6DJ_

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 01 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000075

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 3 - 9/2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 31/08/2025

Hạn thanh toán: 06/09/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.010,2	967,1	43.100
Giờ cao điểm	1.000	503,4	484,2	19.200
Giờ thấp điểm	1.000	230,5	215,8	14.700

Tổng:77.000

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	43.100	85.639.700
Khung giờ cao điểm	3.640	19.200	69.888.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	14.700	19.110.000
Tiền điện:			174.637.700
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			13.971.016
Tổng tiền thanh toán:			188.608.716
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm linh tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 01/09/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 3JHMTP2523W5

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 12 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000151

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện:

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 1 - 9/2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 10/09/2025

Hạn thanh toán: 17/09/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.043,8	1.010,2	33.600
Giờ cao điểm	1.000	518,4	503,4	15.000
Giờ thấp điểm	1.000	240,6	230,5	10.100

Tổng: 58.700

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	33.600	66.763.200
Khung giờ cao điểm	3.640	15.000	54.600.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	10.100	13.130.000
Tiền điện:			134.493.200
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			10.759.456
Tổng tiền thanh toán:			145.252.656
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 12/09/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: B1HNT7NJ7GR_

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 22 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000196

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện:

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 2 - 9/2025 từ ngày 10/09/2025 đến ngày 20/09/2025

Hạn thanh toán: 27/09/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.083,9	1.043,8	40.100
Giờ cao điểm	1.000	537,9	518,4	19.500
Giờ thấp điểm	1.000	253,6	240,6	13.000

Tổng:72.600

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	40.100	79.678.700
Khung giờ cao điểm	3.640	19.500	70.980.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	13.000	16.900.000
Tiền điện:			167.558.700
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			13.404.696
Tổng tiền thanh toán:			180.963.396
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 22/09/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: JPH5TNX4N6JV

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 01 tháng 10 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000250

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 3 - 9/2025 từ ngày 21/09/2025 đến ngày 30/09/2025

Hạn thanh toán: 06/10/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.123,5	1.083,9	39.600
Giờ cao điểm	1.000	554,9	537,9	17.000
Giờ thấp điểm	1.000	265,9	253,6	12.300

Tổng:68.900

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	39.600	78.685.200
Khung giờ cao điểm	3.640	17.000	61.880.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	12.300	15.990.000
Tiền điện:			156.555.200
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			12.524.416
Tổng tiền thanh toán:			169.079.616
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm mười sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 01/10/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 9HLCRZLQAMW

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 13 tháng 10 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000320

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 1 - 10/2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 10/10/2025

Hạn thanh toán: 18/10/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.165,3	1.123,5	41.800
Giờ cao điểm	1.000	574,3	554,9	19.400
Giờ thấp điểm	1.000	279,4	265,9	13.500

Tổng: 74.700

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	41.800	83.056.600
Khung giờ cao điểm	3.640	19.400	70.616.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	13.500	17.550.000
Tiền điện:			171.222.600
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			13.697.808
Tổng tiền thanh toán:			184.920.408
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi tư triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm linh tám đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 13/10/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 3JH3CP6A7NMK

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000350

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 2 - 10/2025 từ ngày 10/10/2025 đến ngày 20/10/2025

Hạn thanh toán: 26/10/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.203,9	1.165,3	38.600
Giờ cao điểm	1.000	590,9	574,3	16.600
Giờ thấp điểm	1.000	291,4	279,4	12.000

Tổng: 67.200

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	38.600	76.698.200
Khung giờ cao điểm	3.640	16.600	60.424.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	12.000	15.600.000
Tiền điện:			152.722.200
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			12.217.776
Tổng tiền thanh toán:			164.939.976
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi tư triệu chín trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 21/10/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 85H0CMPPE708

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Mã số thuế: 3801200768

Địa chỉ: Lô 81, đường 3A, khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0911220519

Số tài khoản: 1055076789 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Phước

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 01 tháng 11 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TTM

Số: 00000398

Khách hàng: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã khách hàng: SP000038

Địa chỉ: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0968578558

Email:

Mã số thuế: 3801311186

Địa chỉ sử dụng điện: Lô F1,F3 khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mục đích sử dụng điện: Sản Xuất

Kỳ thanh toán: Kỳ 3 - 10/2025 từ ngày 21/10/2025 đến ngày 31/10/2025

Hạn thanh toán: 06/11/2025

Mã điểm đo: SP000038P01

Công tơ đo đếm: 22140405



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Khung giờ	Hệ số nhân	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện tiêu thụ
Giờ bình thường	1.000	1.251,0	1.203,9	47.100
Giờ cao điểm	1.000	613,1	590,9	22.200
Giờ thấp điểm	1.000	305,7	291,4	14.300

Tổng: 83.600

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

Khung giờ mua điện	Đơn giá (đồng/kWh)	Sản lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)
Khung giờ bình thường	1.987	47.100	93.587.700
Khung giờ cao điểm	3.640	22.200	80.808.000
Khung giờ thấp điểm	1.300	14.300	18.590.000
Tiền điện:			192.985.700
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:			15.438.856
Tổng tiền thanh toán:			208.424.556
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng			

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM

Ký ngày: 01/11/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: JPHWHNEBEDGL

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 02/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00054432

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture

Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh

Đồng Nai

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3058	2515	543	KD 543	23.728	12.884.304 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					12,884,304 đ
Thuế suất GTGT: 5%					644,215 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,288,430 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					14.816.949 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/02/2025

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 03/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00091445

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3629	3058	571	KD 571	23.728	13.548.688 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					13,548,688 đ
Thuế suất GTGT: 5%					677,434 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,354,869 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					15.580.991 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu năm trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/03/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 04/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00128815

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
4733	3629	1.104	KD1.104	23.728	26.195.712 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					26,195,712 đ
Thuế suất GTGT: 5%					1,309,786 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					2,619,571 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					30.125.069 đ
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/04/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 05/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00164091

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
5502	4733	769	SX769	15.871	12.204.799 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					12,204,799 đ
Thuế suất GTGT: 5%					610,240 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,220,480 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					14.035.519 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm mười chín đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/05/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 06/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00206732

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
6208	5502	706	SX706	15.871	11.204.926 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					11,204,926 đ
Thuế suất GTGT: 5%					560,246 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,120,493 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					12.885.665 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 10/06/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 07/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00227120

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture

Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh

Đồng Nai

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
7054	6208	846	SX 846	15.871	13.426.866 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					13,426,866 đ
Thuế suất GTGT: 5%					671,343 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,342,687 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					15.440.896 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 24/07/2025

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 08/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00285896

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture

Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh

Đồng Nai

Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153

Đối tượng: SX1

Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
7548	7054	494	SX 494	15.871	7.840.274 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					7,840,274 đ
Thuế suất GTGT: 5%					392,014 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					784,027 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					9.016.315 đ
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu không trăm mười sáu nghìn ba trăm mười năm đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:

- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/08/2025

C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 09/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00306496

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
8229	7548	681	SX681	15.871	10.808.151 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					10,808,151 đ
Thuế suất GTGT: 5%					540,408 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					1,080,815 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					12.429.374 đ
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 13/09/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: 216 Đ. Nguyễn Văn Linh- KP. Phú Tân - Phường
Bình Phước- Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế: 3800228182

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC
Tháng 10/2025
(Không thay thế hoá đơn tiền nước)

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TCN
Số: 00366276

Tên khách hàng: Công ty TNHH FC Furniture
Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, tỉnh
Đồng Nai
Tài khoản:

Mã số khách hàng: 50517153
Đối tượng: SX1
Mã số thuế: 3801311186

CHỈ SỐ THÁNG NÀY	CHỈ SỐ THÁNG TRƯỚC	KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ (m3)	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ (m3)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
8768	8229	539	SX539	15.871	8.554.469 đ
CỘNG TIỀN HÀNG:					8,554,469 đ
Thuế suất GTGT: 5%					427,723 đ
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: 10%					855,447 đ
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					9.837.639 đ
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng chẵn.					

Quý khách hàng lưu ý:
- Đề nghị quý khách hàng thanh toán tiền nước chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi
nhận được thông báo
- Link tải hoá đơn điện tử: khachhang.bpwaco.com.vn

Ngày kí 09/10/2025
C.TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Phụ lục 3. Hợp đồng thu gom chất thải

Số: 005UH/HĐ-KB/2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3702626964 do UBND thành phố Tân Uyên – phòng Tài chính kế hoạch cấp thay đổi lần 02, ngày 15 tháng 06 năm 2023 cho Hợp tác xã dịch vụ môi trường Khánh Bình.

Căn cứ yêu cầu của **CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

Hôm nay ngày 03 tháng 01 năm 2026 tại TPHCM, đại diện hai bên chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: 0359 033 378

Mã số thuế : 3801311186

Email nhận hóa đơn, chứng từ:

Do ông (bà) : **YANG, YOUPIING**

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B : HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH.

Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu Phố Phước Chánh, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 0916140464 (Mr Hùng - Giám đốc điều hành); 0961 020 517 (Mr Tuấn Anh

- PGĐ) – 02742461577; 0931252531 VĂN PHÒNG – KẾ TOÁN

Mã số thuế : 3702626964

Người đại diện : **NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH**

Chức vụ: **Phó Giám Đốc.**

Tài khoản số : 6502 453 051 tại BIDV chi nhánh Bình Dương

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: từ ngày 03/01/2026 đến hết ngày 02/01/2027. (Nếu không thanh lý, hợp đồng tự gia hạn).

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định

được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

- 2.2 Số lượng chất thải giao nhận:** Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Danh mục	ĐVT	Đơn giá xử lý	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt	Tháng	300.000 VNĐ	
Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng				

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đơn giá trên áp dụng với thùng rác để chỗ có mái che hoặc có nắp đậy, thùng rác không bị nước vào trong thùng.
- *Biên bản giao nhận rác bên B sẽ giao cho bên A từ ngày 15-20 tây của tháng sau, hoặc giao theo quý (Ngày 15-20 tây của tháng đầu tiên quý tiếp theo).*
- *Hợp đồng và biên bản sau khi được giao phải có chữ ký xác nhận của bên A, nếu bên A làm thất lạc hoặc mất và yêu cầu bên B in lại, thì phí mỗi lần in là 50.000 VNĐ/lần/1 hồ sơ.*

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:

- Thời gian thu gom: 02 lần/tuần

Địa điểm giao nhận: tại **CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

Địa chỉ thu gom: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Vào ngày cuối tháng Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A. Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản bên A chịu) cho Bên B chậm nhất trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải sinh hoạt thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời hạn còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng BIDV Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt của Bên A và chuyển giao chất thải sinh hoạt cho **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE** (ổ 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành

phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải sinh hoạt của Nhà nước Việt Nam.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng.
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Trong thời gian hợp đồng của bên A còn hiệu lực nếu có biến động về khối lượng rác sinh hoạt thì hai bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng. Nếu có thay đổi về giá (theo Quyết định của UBND tỉnh) hợp đồng sẽ được thông báo điều chỉnh theo đơn giá mới.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

YANG, YOUPING

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Phạm Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

经济合同

Số编号:2001/2025/HDKT/TT123-FC

V/v: Thu mua phế liệu

主旨: 废料采购

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP do Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 10/01/2022 về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại văn phòng **CÔNG TY TNHH FC FURNITURE**

今天, 2025年01月20日, 在FC家具责任有限公司的办公室。

Chúng tôi gồm 我们包含:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÂN THIỆN 123

甲方 亲善123环保有限责任公司

Địa chỉ : Thửa đất số 700, tờ bản đồ số 39, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

地址 :越南, 平阳省, 新渊社市, 庆平坊, 庆禄区, 第39号地图, 第700号地区

Mã số thuế : 3702972731
税号

Điện thoại : 0986 180 123
电话

Đại diện : NGUYỄN XUÂN TÀI
代表人 : 阮春财

Chức vụ : Giám Đốc
职务 经理

BÊN B : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

乙方 FC家具责任有限公司



Địa chỉ : Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện
地址 Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
越南, 平福省, 同富县, 新富镇, 北同富工业区, B区, F1 F3地段。

Mã số thuế : 3801311186
税号

Điện thoại : 0359033378
电话

Đại diện : YANG YOUPING
代表人

Chức vụ : Giám Đốc
职务 经理

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

甲方、乙方以下单称“方”、合称“双方”。

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế (“Hợp Đồng”) với các điều khoản như sau:

双方同意签订经济合同 (“合同”), 条款如下:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一条: 合同内容

-Bên B đồng ý cho Bên A làm đối tác trong việc thu mua chất thải, phế liệu phát sinh trong suốt quá trình sản xuất của Bên B (“Phế Liệu”) trong thời gian Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 20/01/2026 .tại địa điểm Công Ty TTNHH FC FURNITURE.

乙方同意让甲方作为合作伙伴采购乙方生产过程中产生的 废料和废品 (“废料”) 自 2025年01月20日至2026年01月20日止, 于FC家具责任有限公司。

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第二条: 单价和付款方式

2.1 Giá cả 单价:

- Bên A nhận thu mua , vận chuyển Phế Liệu cho Bên B (nằm trong danh mục mà Bên A được phép thu mua) với danh mục và đơn giá cụ thể như sau:

甲方为乙方采购和运输废料 (在甲方允许采购的清单中) 具体类别及单价如下:

Stt 序号	Loại chất thải 垃圾种类	Đơn vị tính 单位	Đơn giá thu mua 采购单价	Đơn giá xử lý 处理垃圾的单价
1	Dăm bào 木屑	Xe/车 2.5吨	5.000.000 vnd	
2	Củ 木块	Xe/车2.5吨	3.000.000 vnd	

- Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng trên nếu có sự thay đổi về giá thị trường dẫn tới việc thay đổi Đơn giá thu mua thì Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B và được Bên B đồng ý bằng văn bản thì mới được thay đổi.

Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng trên nếu có sự thay đổi về giá thị trường dẫn tới việc thay đổi Đơn giá thu mua thì Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B và được Bên B đồng ý bằng văn bản thì mới được thay đổi.

- Thời gian thu gom: Theo tình hình sản xuất của Bên B, Bên A sẽ sắp xếp vận chuyển hợp lý

Thời gian: Theo tình hình sản xuất của Bên B, Bên A sẽ sắp xếp vận chuyển hợp lý

- Phương thức thanh toán/付款方式:

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 现金或者通过银行付款。

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第三条: 双面的责任

3.1 Trách nhiệm của Bên A 甲方的责任:

- Khảo sát và nắm rõ nội quy, quy định của Bên B và quy định pháp luật hiện hành để thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc về bảo vệ môi trường, thu mua và vận chuyển chất thải, phế liệu.

调查了解乙方的各项规章制度及现行法律规定，严格执行关于环境保护、废料和废品回收和运输的相关原则；

- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc thu gom theo yêu cầu của Bên B để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại phế liệu được tái sử dụng theo quy định về bảo vệ môi trường. Khi có yêu cầu của Bên B thì Bên A phải cử nhân viên xuống thu mua, vận chuyển chất thải và phế liệu trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B.

甲方负责应乙方要求进行收集，避免仓库滞留，确保各类废料按照环保规定进行再利用。乙方有要求时，甲方必须在收到乙方通知后的1天内派遣员工进行废料和废品的回收和运输；

- Sau khi thu gom, Bên A phải dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan cho khuôn viên Bên B.

收集后，甲方必须进行清理，保证乙方校园的美观。

- Nhân viên Bên A khi vào bên trong công ty Bên B để tiến hành thu mua Phế Liệu phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến Bên B. Nếu Bên B phát hiện nhân viên của Bên A có hành vi vi phạm thì Bên A phải chịu hình thức xử phạt 10.000.000 VNĐ/lần.

甲方员工进入乙方公司进行废料回收时，必须有正确的态度，绝对不能有违法行为，以免对乙方造成影响。如果乙方发现甲方违规行为，甲方应承担每次10,000,000越南盾的罚款。

- Trong quá trình thực hiện nếu Bên A không đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy cho Bên B tại khu vực kho phế liệu thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý và đền bù thiệt hại cho Bên B (nếu có).

在实施过程中, 如甲方未能确保刨花废料存放区的环境卫生和消防安全, 甲方必须全权 负责处理并赔偿乙方的损失 (如有)。

- Nếu xảy ra trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, trường hợp khẩn cấp, tai nạn, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, bão, đình công hoặc bất kỳ những trở ngại nào khác khiến Bên B không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng. Bên B ngay lập tức thông báo qua email cho Bên A, và Bên A có trách nhiệm sắp xếp có mặt tại công ty của Bên B trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo qua email để cùng nhau bàn bạc giải quyết.

如果发生不可抗力事件, 如战争、紧急情况、事故、火灾、地震、洪水、台风、罢工或任何其他使乙方无法继续履行合同的障碍, 乙方应立即通过电子邮件通知甲方, 甲方有责任在收到通知后的1天内到乙方公司与乙方协商解决问题。

- Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy chất thải đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.

负责按照环境卫生规定妥善处理和销毁废物。

- Thanh toán các khoản chi phí theo đúng Điều 2 của Hợp Đồng này.

按照本合同第2条支付费用。

- Trường hợp vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này thì phải chịu mức phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật đồng thời bồi thường các thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu.

若甲方违反本合同任何条款的, 甲方必须按照法律规定支付违约金, 并赔偿乙方因此遭受的损失。

3.2 Trách nhiệm của Bên B 乙方的责任:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A ra vào thu gom phế liệu theo hợp đồng này.

为本合同项下甲方进入和收集废料创造有利条

- Cung cấp rõ thời gian cho Bên A đến thu gom phế liệu.

为甲方提供明确的时间收集废料

- Bên B có trách nhiệm tập trung các loại phế liệu vào kho riêng biệt của Bên B, để thuận tiện cho Bên A thu nhận phế liệu mà không ảnh hưởng đến sản xuất của Bên B.

乙方负责将各种废料集中在乙方单独的仓库, 方便甲方在不影响乙方生产的情况下收集 废料

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực Bên B không được bán phế liệu cho bất kỳ đối tác nào khác ngoài Bên A.

在合同有效期内, 乙方不得向甲方以外的任何其他合作 废料。

3.3 Trách nhiệm chung 共用责任:

- Nếu bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia và phải chịu sự xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và phán quyết của Tòa án kinh tế có thẩm quyền.

如果任何一方单方面违反合同，必须赔偿另一方的损失，并按照越南现行法律和有管辖权的经济法院的判决处理。

- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho bên kia và được sự đồng ý của đối tác trên tinh thần hợp tác vui vẻ và hoàn thành đầy đủ công nợ tồn đọng (nếu có) trước khi chấm dứt Hợp Đồng.

任何一方如需提前终止合同，必须提前 30 天书面通知另一方，以愉快的合作精神征得合作方的同意，并在终止合同前完全清偿未偿债务（如有）。

- Các Bên cam kết tôn trọng thực hiện nghiêm túc những điều khoản trong Hợp Đồng. Trường hợp có tranh chấp, Các Bên sẽ thương lượng để giải quyết tranh chấp trên tinh thần hữu nghị và hợp lý về mặt thương mại. Một Bên có thể gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản về việc xảy ra tranh chấp ("**Thông Báo Tranh Chấp**"). Trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được Thông Báo Tranh Chấp nêu trên, Các Bên sẽ họp hoặc thảo luận trên điện thoại hoặc video trực tiếp và thương lượng về biện pháp giải quyết cho Tranh Chấp một cách thiện chí. Bất kỳ biện pháp giải quyết nào cho vấn đề đã được thỏa thuận bằng văn bản cho vụ việc sẽ có giá trị ràng buộc Các Bên. Mỗi Bên sẽ thực hiện các bước cần thiết để thực hiện và làm cho biện pháp giải quyết đó có hiệu lực. Nếu Các Bên không thể đạt được biện pháp giải quyết hữu nghị trong vòng mười bốn (14) ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông Báo Tranh Chấp, thì Các Bên đồng ý đưa mọi tranh chấp giữa họ phát sinh từ, liên quan đến, hoặc do hậu quả của Hợp Đồng này hoặc mối quan hệ giữa Các Bên từ Hợp Đồng này mà họ không giải quyết được bằng cách thảo luận hoặc thương lượng một cách thiện chí, ra xét xử tại Tòa Án có thẩm quyền.

双方承诺尊重并严格执行合同中的条款。如发生争议，双方将本着友好和商业合理的精神进行协商解决。任何一方可向另一方发送书面通知，告知争议的发生（“争议通知”）。在收到上述争议通知后的七（7）个工作日内，双方将通过会议、电话或视频会议进行讨论，并本着友好的态度协商争议的解决方案。任何已达成书面协议的争议解决方案对双方具有约束力。每一方应采取必要措施，以执行并使解决方案生效。如果双方在收到争议通知后的十四（14）个工作日内未能达成友好解决方案，则双方同意将由此产生、与合同有关或因合同而产生的所有争议提交有管辖权的法院进行裁决。

- Trong thời gian Bên A thu mua phế liệu của bên B, trong trường hợp Bên B bị cơ quan chức năng kiểm tra liên quan đến môi trường. Bên A có trách nhiệm hướng dẫn Bên B các thủ tục liên quan đến môi trường nhằm giảm thiểu việc bên B bị phạt do vi phạm các vấn đề liên quan đến môi trường. Đồng thời, khi bên B bị các cơ quan ban ngành thanh tra liên quan đến môi trường, nếu bị phạt do lỗi của Bên A, thì Bên A sẽ trả toàn bộ chi phí nộp phạt cho nhà nước liên quan đến môi trường.

T-C
TY
H
ON
N1
B1

甲方向乙方购买废料期间，乙方受到有关环境部门的检查。甲方负责指导乙方办理与环境相关的手续，以尽量减少乙方因违反环境问题而受到的罚款。同时，当乙方接受相关机构调查涉及环境问题时，如果因甲方的原因而被罚款，甲方应全额承担乙方为缴纳与环境相关的罚款而支付的费用。

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

第四条：合同时间

- Hợp Đồng này có thời hạn 1 năm kể từ ngày ký Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 20/01/2026 .

本合同自签订之日起一年生效 自 2025 年01 月 20日 至 2026 年01月20日。

Hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản để ký thanh lý Hợp Đồng trước 30 ngày trước khi Hợp Đồng này hết hiệu lực. Nếu không, Hợp Đồng sẽ tự động tiếp tục gia hạn thêm năm (01) năm. Khi đó, Bên A phải thanh toán một khoản Tiền Hàng Thanh Toán Trước mới cho Bên B.

双方将在本合同到期前30 天以书面形式同意签署合同清算。如果没有，合同将自动继续续签 (01) 年。届时，甲方必须向乙方支付新的预付款项。

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

第五条：集体承诺

- Sau khi ký kết hợp đồng các bên phải bảo đảm an toàn lao động, tránh và phòng ngừa các tổn hại trong quá trình thực hiện hợp đồng.

合同签订后，当事人必须确保劳动安全，避免和防止合同履行过程中的损害。

- Tuân thủ tuyệt đối pháp luật Việt Nam, các quy định về môi trường ở địa phương.

完全遵守越南法律、当地环境法规。

- Hợp tác trên tinh thần cùng có lợi, thái độ làm việc trung thực, nhã nhặn, lịch sự. Không được có các hoạt động gây ảnh hưởng làm thiệt hại kinh tế lẫn nhau.

本着互惠互利、诚实、礼貌和礼貌的工作态度合作。不得有相互造成经济损失的活动。

- Mọi sự sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng sau khi ký kết sẽ kèm theo hợp đồng chính và có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

对合同条款的所有修改和补充必须以书面形式作出并由双方签字。合同签订后的修改、补充文件附于主合同后，与主合同具有同等法律效力

- Tích cực góp ý xây dựng, tư vấn về môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để hai bên có thể hợp tác lâu dài.

积极作出建设性贡献，提出环保建议，为双方长期合作创造有利条件。

- Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung những điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết.

双方承诺严格遵守合同中规定的条款。在实施过程中，如出现任何问题，双方将相互通知协商解决。

- Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

本合同自双方签订之日起至合同期满之日止。

- Hợp đồng này gồm 5 điều được lập thành 02 bản chính bằng Tiếng Việt và Tiếng Trung, mỗi bên giữ 01 bản chính có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Trung thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

合同由 5 条组成，分别用越南语和中文写成 02 分正本，双方保留具有同等法律价值的 01 正本。越南文和中文如有差异，以越南文内容为准。

ĐẠI DIỆN BÊN A 乙方

(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



NGUYỄN XUÂN TÀI

ĐẠI DIỆN BÊN B 甲方

(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



YANG YOUPING

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG KINH TẾ

附录经济合同

- Căn cứ vào Luật Thương mại và Luật Dân sự (sửa đổi) của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7- Quốc Hội khoá XI.
根据 2005 年 6 月 14 日第十一届国会第七次会议通过的《越南社会主义共和国商法》和《民法》(修订)。
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2022 hiệu lực từ ngày 01/01/2022 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua.
根据越南社会主义共和国国会通过的 2022 年 11 月 17 日第 72/2020/QH14 号《环境保护法》，自 2022 年 1 月 1 日起生效。
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua.
根据越南社会主义共和国国会通过的 2020 年 6 月 17 日第 59/2020/QH14 号企业法，自 2020 年 1 月 1 日起生效。
- Căn cứ Giấy phép kinh doanh số 3702972731 của CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÂN THIÊN 123 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
根据平阳省计划投资部颁发的亲善123 环保有限责任公司营业执照第3702972731 号。
- Căn cứ vào hợp đồng số 2001/2025/HDKT/TT123-FC ký vào tháng 20/01/2025.
根据 2025 年 1 月 20 日签署的合同编号 2001/2025/HDKT/TT123-FC。

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại văn phòng CÔNG TY TNHH FC FURNITURE chúng tôi hai bên bao gồm:

今天, 2025 年 01 月 20 在 FC 家具责任有限公司的办公室, 我们有双方, 包括:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÂN THIỆN 123

甲方：亲善 123 环保有限责任公司

Địa chỉ: Thửa đất số 700, tờ bản đồ số 39, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành Phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

地址: 越南, 平阳省, 新渊社市, 庆平坊, 庆禄区, 第 39 号地图, 第 700 号地区。

Mst 税号: 3702972731

Tel 电话: 0986 180 123

Đại diện: NGUYỄN XUÂN TÀI

Chức vụ: Giám Đốc

代表人: 阮春财

职务: 经理

BÊN B: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

乙方：FC家具责任有限公司

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

地址: 越南, 平福省, 同富县, 新富镇, 北同富工业区, B 区, F1 F3 地段。

Đại diện: YANG YOUPING

Chức vụ: Giám đốc

代表人:

职务 : 经理

Mst 税号: 3801311186

Điện thoại 电话: 0359033378

- Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký phụ lục hợp đồng với nội dung như sau:

- 经讨论, 双方同意签署合同附件, 内容如下:

Điều 1: Vào thời điểm ký hợp đồng số 2001/2025/HDKT/TT123-FC ký ngày 20/01/2025 thì Bên A sẽ đặt cọc cho Bên B số tiền là 2.500.000.000 đ(Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và số tiền này Bên B sẽ trừ dần vào tiền hàng mỗi tháng mà Bên A lấy hàng theo số lượng hàng giao nhận thực tế giữa hai bên. Khi hết hạn hợp đồng mà số tiền đặt cọc vẫn chưa được trừ hết, số tiền này Bên B sẽ trả lại cho Bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng và hai bên không có tranh chấp nào phát sinh.

第一条: 在 2025 年 1 月 20 日签署合同编号 2001/2025/HDKT/TT123-FC 时, 甲方向乙方押金 2.500.000.000 越南盾 (二十五亿越南盾)。根据双方实际交付货物数量, 每个月甲方收货时乙方将逐步从押金中扣除货款。合同到期时, 押金尚未扣完, 该金额在合同终止后 10 天内乙方把全部剩余押金的金额退还给甲方, 且双方未发生任何争议。

Điều 2: Bảng giá vẫn giữ nguyên theo hợp đồng số 2001/2025/HDKT/TT123-FC ký ngày 20/01/2025.

第二条：根据 2025 年 1 月 20 日签署的合同号 2001/2025/HDKT/TT123-FC，价目表保持不变。

Stt 程序	Loại chất thải 垃圾种类	Đơn vị tính 单位	Đơn giá thu mua 采购单价	Đơn giá xử lý 处理垃圾的单价
1	Dăm bào 木屑	Xe/车 2.5吨	5.000.000 vnd	
2	Củi 木块	Xe/车2.5吨	3.000.000 vnd	

Điều 3: Các nội dung và điều khoản khác của hợp đồng số 2001/2025/HDKT/TT123-FC đã ký vào ngày 20/01/2025 đều được giữ nguyên và không thay đổi.

第三条 2025 年 1 月 20 日签订的 2001/2025/HDKT/TT123-FC 号合同的其他内容和条款保持不变。

Điều 4: Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và là một phần không thể tách rời với hợp đồng số 2001/2025/HDKT/TT123-FC ký vào tháng 20/01/2025, phụ lục này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản

第四条：本附录自双方签字之日起生效，是 2025 年 1 月 20 日签订的第 2001/2025/HDKT/TT123-FC 号合同不可分割的一部分本附录成立 02 份相同。具有法律价值，双方各 01 份。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方
(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



NGUYỄN XUÂN TÀI

ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方
(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



YANG YOUPING



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC –
CHI NHÁNH TÂY NINH**

Địa chỉ: Ấp 5, xã Truông Mitt, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Nhà máy xử lý: Ấp Cẩm Sơn, xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MST: 3600630665-004 / Điện thoại: 0988.995.707

Email: thienphuoctayninh79@gmail.com

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 01/2025/XLCT/TP-FC

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600630665-004 của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC – CHI NHÁNH TÂY NINH.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 09 năm 2025 tại Tây Ninh, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0346319344



Mã số thuế: 3801311186

Do Ông/Bà: YANG YOUPING

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Trường Mít, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0988.995.707

Fax:

Tài khoản số: 84.3600630665, tại Ngân hàng Sacombank- PGD Bến Cát.

Mã số thuế: 3600630665-004

Do Ông NGUYỄN XUÂN VĨNH

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A và bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, theo đó Bên A giao Bên B thực hiện các công việc của hợp đồng này với các nội dung cơ bản sau:

1.2. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu, bên A báo trước cho bên B 02 ngày làm việc (Trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại CÔNG TY TNHH FC FURNITURE, địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

55-004
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI-MÔI
TRƯỜNG THIÊN PH
ƯỚC - CHI NHÁ
NH TÂY NINH
ĐẦU-T

380131
CÔNG
TY
TH
ƯƠNG MẠI
MÔI TR
ƯỜNG THI
ÊN PH
ƯỚC - CH
I NHÁ
NH TÂY
NINH

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

STT	Loại Chất Thải	Đơn vị tính	Đơn giá Xử lý (đồng)
1	Chất thải nguy hại	Kg	2.500

Ghi chú :

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá trên áp dụng cho các chuyển thu gom khối lượng từ 5000 kg trở lên.

2.2. Thời hạn hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng 1 năm (từ 15/09/2025 đến 15/09/2026).

ĐIỀU 3. THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

- Sau khi Bên A nghiệm thu kết quả thu gom vận chuyển, xử lý chất thải mà Bên B đã thực hiện. Bên B phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xử lý chất thải cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: *Chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng (VND)*
- Thời hạn thanh toán: *Bên A thanh toán chi phí cho Bên B sau 10 ngày khi Bên A đã nhận đầy đủ hóa đơn và chứng từ biên bản kèm theo.*

Thông tin tài khoản:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC – CHI NHÁNH TÂY NINH.**
- Số tài khoản: 84.3600630665 – Ngân hàng Sacombank – PGD Bến Cát, TP Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Bên A

- Bên A có trách nhiệm giao đúng loại chất thải được ghi rõ trong sổ chủ nguồn thải (số) cho bên B và các chứng từ liên quan.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho Bên B sau khi nghiệm thu kết quả và các chi phí phát sinh trong quá trình Bên B thực hiện xử lý chất thải.
- Bên A được quyền tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.

Bên B

- Bên B có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển xử lý chất thải.
- Bên B có trách nhiệm tiếp nhận, vận chuyển, phân loại, bảo quản, lưu trữ chất thải sau khi Bên A giao.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện xử lý chất thải đúng quy trình, kỹ thuật.
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A các trường hợp phát sinh một cách chính xác nhất.

ĐIỀU 5. PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức "Phụ lục hợp đồng". Phụ lục hợp đồng phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, Phụ lục hợp đồng là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản mỗi bên giữ 02 (hai) bản, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN BÊN A

YANG YOU PING

ĐẠI DIỆN BÊN B

NGUYỄN XUÂN VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

---o0o---

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng số: 01/2025/XLCT/TP-FC ký ngày 15/09/2025)

- Căn cứ Hợp đồng số: 01/2025/XLCT/TP-FC ký ngày 15/09/2025 giữa Công Ty TNHH FC FURNITURE và Công ty TNHH Thương mại, Môi trường Thiên Phước – Chi nhánh Tây Ninh.
- Căn cứ nhu cầu, năng lực thực tế và khả năng của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0346319344

Mã số thuế: 3801311186

Do Ông/Bà: YANG YOUPING

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Truong Mít, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0988.995.707

Fax:

Tài khoản số: 84.3600630665, tại Ngân hàng Sacombank- PGD Bến Cát.

Mã số thuế: 3600630665-004

Do Ông **NGUYỄN XUÂN VĨNH**

Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký Phụ lục 01 thêm đơn giá xử lý chất thải như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CỦA PHỤ LỤC

Hai Bên thống nhất thay đổi đơn giá xử lý như sau:

STT	Loại Chất Thải	Đơn vị tính	Đơn giá Xử lý (đồng)
1	Rác công nghiệp	Kg	1.500

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 2.1 Các nội dung và điều khoản khác không được đề cập đến trong Phụ Lục Hợp Đồng này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Hợp đồng số: 01/2025/XLCT/TP-FC ký ngày 15/09/2025.
- 2.2 Mọi sửa đổi, bổ sung những điều khoản của Phụ Lục Hợp Đồng này phải được hai Bên thống nhất bằng văn bản.

- 2.3 Phụ lục này là một phần không tách rời khỏi Hợp đồng số: 01/2025/XLCT/TP-FC ký ngày 15/09/2025.
- 2.4 Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản chính để quản lý và thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



Ông **YANG YOUPING**
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



Ông **NGUYỄN XUÂN VĨNH**
Giám đốc



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : 1C26TKB
Số : 0000001

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Mã số thuế : 3702626964
Địa chỉ : Thửa đất số 43, Tờ bản đồ số 36, Khu phố Phước Chánh, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 02742 461 577 Email: htxdvmtkhanhbinh@gmail.com
Số tài khoản : 6502 453 051 Ngân Hàng BIDV - Chi Nhánh Bình Dương

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE
Mã số thuế : 3801311186
Địa chỉ : Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Hình thức thanh toán : Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt				3.600.000
Cộng tiền hàng :					3.600.000
Thuế suất GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	288.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					3.888.000
Số tiền viết bằng chữ : Ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng					

Người mua hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Document No Sign

Ký bởi: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG KHÁNH BÌNH

Ký ngày



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC - CHI NHÁNH TÂY NINH

Mã số thuế: 3600630665-004

Địa chỉ: Ấp 5, Xã Truong Mít, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản: 225566699 - Techcombank - Chi nhánh Biên Hòa, Đồng Nai

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Mã CQT:

Ký hiệu: 1C26TTP

Số: <Chưa cấp số>

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Mã số thuế: 3801311186

MSĐVCQHVNS:

Địa chỉ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân:

Số hộ chiếu:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải						
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	Kg	415	2.500	1.037.500	8%	83.000
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	Kg	1.200	2.500	3.000.000	8%	240.000
3	Giẻ lau dính dầu nhớt, hoá chất	Kg	100	2.500	250.000	8%	20.000
4	Keo thải	Kg	2.100	2.500	5.250.000	8%	420.000
5	Thùng phuy sắt 200L	Kg	130	2.500	325.000	8%	26.000
6	Chất thải công nghiệp	Kg	2.000	1.500	3.000.000	8%	240.000
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:							
Thuế suất 8%:		12.862.500		1.029.000		13.891.500	
Thuế suất 10%:							
Tổng cộng:		12.862.500		1.029.000		13.891.500	
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi:

Ký ngày:

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu:

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Phụ lục 4. Thông tin an toàn hóa chất

CONG TY TNHH VIET KHANG THAM

Material Safety Data Sheet MSDS 201

一、Tên mặt hàng và thông tin nhà sản xuất

Tên mặt hàng : EVA emulsion

Mã sản phẩm : KS-201

Địa chỉ số điện thoại ,thông tin nhà cung cấp:LO A1-3(KHU A4) DUONG D9,KCN RACH BAP , X.AN TAY , TX BEN CAT,T.BINH DUONG, VIET NAM. Tel: 0274-3886288/3586776 FAX: 0274-3886289

Tell/Fax : 0274-3886288/3886289

二、Thông tin nhận dạng thành phần

Chất tinh khiết

Tên tiếng anh :

Tên đồng nghĩa : ---

Số đăng kí CAS (CAS No.) : ---

Tỉ lệ phần trăm thành phần chất nguy hiểm : ---

Hỗn hợp :

tính chất hóa học :

Tên tiếng Việt và tiếng anh Hazardous Components Name	Nồng độ,Phạm vi nồng độ(%) Concentration / Percentage	Số đăng kí CAS CAS No.
Nhựa vinyl axetat etylen/ EVA	55 – 59%	24937-78-8
Nước / H ₂ O	38 – 42%	7732-18-5
Toluene	8-10%	108-88-3

三、Thông tin về chất nguy hại

Tác động nguy hại quan trọng nhất:

✱Cảnh báo nguy hiểm cho sức khỏe : không

✱Tác động về môi trường và nguồn nước : O nhiễm nguồn nước

✱Nguy hại về vật lí và hóa học : Không

✱Nguy hại đặc biệt : Không

Triệu chứng đặc biệt : Không

Phân loại nguy hại vật liệu : Không

四、Phương pháp sơ cấp cứu

Phương pháp sơ cứu tùy theo quy trình tiếp xúc

Hít vào : Không

·Tiếp xúc ngoài da : Dùng nước ,vòi xịt nhanh chóng rửa sạch .

·Tiếp xúc mắt : Dùng nước ,vòi xịt nhanh chóng rửa sạch. ·

Nuốt phải : nên nôn ói ra

Tác hại và mối nguy hại nghiêm trọng : Không

Phòng vệ cho người cấp cứu : Không

Nhắc nhở cho bác sĩ : có thành phần nhựa

五、Biện pháp chữa cháy

CONG TY TNHH VIET KHANG THAM

Chất chữa cháy: nước ,carbon ,bình chữa cháy
Suitable Extinguishing Media : H₂O, CO₂, dry chemical powder
Nguy hại từ sản phẩm tự phát sinh : có khí CO, CO₂,
Special Exposure Hazards : Formation of CO,CO₂
Quy trình phòng cháy đặc biệt : Không
Thiết bị bảo vệ đặc biệt : mang mặt nạ chống độc
Special Protection Equipment : Wear respiratory protection equipment.

6. Biện pháp xử lý những sự cố đột ngột gây rò rỉ

Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

Biện pháp phòng ngừa cá nhân Bảo vệ cá nhân: Mang găng tay cao su

Bảo vệ môi trường: Ngăn chặn sự xâm nhập vào hệ thống nước thải gây ô nhiễm

Phương pháp làm sạch: Thấm bằng chất hấp phụ và xúc vào xô để xử lý tiếp

7. Bảo quản và cách xử lý

An toàn Xử lý và Lưu trữ Xử lý: Không

Bảo quản: để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

8. Tránh tiếp xúc hoặc bảo vệ cơ thể người

Yêu cầu bảo vệ mắt : Đeo kính bảo vệ mắt

Yêu cầu về bao tay : Cần đeo bao tay an toàn

Yêu cầu đối với quần áo lao động : Mặc những loại quần áo có thể chống tiếp xúc trực tiếp với da.

Yêu cầu về vệ sinh : rửa sạch tay sau khi tác nghiệp

9. Tính vật lý và tính hóa học

Trạng thái vật lý : Dạng nước

Màu sắc : Trắng sữa

Mùi vị : Không

pH : 4.0-6.0

Nhiệt độ làm mềm : Khoảng 100 độ c

Điểm chớp nháy : Không

Giới hạn cháy nổ : Không

Mật độ tương đối : Không

Áp suất hơi : Không

10. Tính ổn định và hoạt tính phản ứng

Tính ổn định : Ổn định

Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong các điều kiện đặc biệt: nhiệt phân ở nhiệt độ cao (200 ° C)

Các chất cần tránh: Tương kỵ: Tránh xa các loại thực phẩm, axit và kiềm

Các điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ trên 40oC và dưới 0oC

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: CO và CO₂

11. Thông tin độc tính

Đề lại các bệnh mãn tính trong thời gian dài : Không

Tác hại khi tiếp xúc lâu dài : Không

Bộ phận dễ bị tổn thương : Không

12. Thông tin sinh thái

Khả năng Tác động Môi trường : Có thể gây ô nhiễm nước và mặt đất

13. Các vấn đề khi thanh lý keo

Cách xử lý : Nên được xử lý tại đơn vị tiêu hủy phù hợp tuân thủ theo các quy định chính thức của địa phương

14. Vấn đề vận chuyển

Là sản phẩm vô hại

Quy định vận chuyển nội địa. Không phải hàng nguy hiểm.

Các biện pháp vận chuyển đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa: Để xa thực phẩm, axit và kiềm,

và đặt ở nhiệt độ 5 ~ 40 °C

15. Thông tin về các quy định

Áp dụng Quy định: Đài Loan EPA TSCA: Sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu về Kiểm soát Chất độc hại.

EPA Sara TitleIII cấp độ nguy hiểm: Không có.

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN

MSDS 2025

日期: 2025 年 1 月

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: KEO SỮA

Mã sản phẩm: KS-315

Tên nhà sản xuất/ Nhà cung ứng: CÔNG TY TNHH VIỆT KHANG THÂM

Địa chỉ :Lô A1-3 (khu A4),Đường D9,Khu Công Nghiệp Rạch Bắp,P An Tây,TP Bến Cát,Tỉnh
Bình Dương,Việt Nam. Tel: (0274) 3886288 Fax: (0274) 3886289

Điện thoại khẩn cấp/Fax: (0274) 3886288/3886289

2 THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT TRONG HỖN HỢP

Thành phần hóa học:	polyvinyl alcohol	20%
	Resin PVA,	5%
	Kaolinit	10%
	Calcium carbonate	5%
	deionized water	60%

3.THÔNG TIN VỀ CHẤT NGUY HIỂM

Nguy hiểm đối với người và môi trường:

Dùng với mục đích quy định là không nguy hiểm đến sức khỏe

4.BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp thông thường: cởi bỏ quần áo dính keo, nếu ảnh hưởng đến sức khỏe cần nhanh chóng đưa đến bệnh viện cứu chữa

-Trường hợp hít phải: cần phải đưa đến nơi thoáng khí , nếu ảnh hưởng đến sức khỏe cần nhanh chóng đưa đến bệnh viện cứu chữa

-Trường hợp tiếp xúc vào da: nhanh chóng dùng nước và xà phòng vệ sinh sạch sẽ .

-Trường hợp nuốt phải :nếu nuốt phải cần nhanh chóng súc miệng , uống nhiều nước, sau đó đưa đến bệnh viện gần nhất.

5.BIỆN PHÁP PHÒNG CHỮA CHÁY

-Tất cả các vật phẩm chữa cháy thông thường đều sử dụng được

-Lưu trình chữa cháy đặc biệt : không có

-Thiết bị bảo hộ phòng cháy: mặt nạ chống độc , bình dưỡng khí

-Nguy hại từ sản phẩm tự phát sinh : khi ở nhiệt độ cao, sản phẩm sẽ không tự phát cháy, nhưng sẽ bị bốc hơi keo , sau khi bốc hơi hết, chất rắn sẽ phát cháy sản sinh cacbon dioxit.

6. XỬ LÝ RÒ RỈ

Phòng hộ cá nhân: tránh tiếp xúc với da và mắt .

Các bước vệ sinh: rò rỉ số lượng lớn cần tập trung lại để báo phé ,không được đổ xuống ống thoát nước ,cần dựa theo quy định của nhà nước để xử lí

Cái khác :

Tránh đập làm rò rỉ, trộn trực.

7 TÁC NGHIỆP VÀ BẢO LƯU

Tác nghiệp thông thường:

Tránh tiếp xúc vào mắt, da hoặc quần áo;

Không được uống;

Sử dụng nơi có không khí thoáng mát

Sau khi sử dụng phải vệ sinh sạch sẽ .

Bảo lưu:

Bảo lưu ở nhiệt độ từ 5-40 độ ; khi không sử dụng cần đậy kín,

8 Bảo hộ cơ thể và ngăn ngừa tiếp xúc

Bảo hộ tay : găng tay bảo hộ

Bảo hộ mắt: Đeo kính bảo hộ

Tránh tiếp xúc trực tiếp với mắt và da .

9 TÍNH CHẤT HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ

Vật thể: dạng kem

Màu sắc: màu trắng sữa

Mùi vị : có mùi chua

Độ PH: 4-6

Nhiệt Độ sôi : 100°C ,

Tỉ trọng : 1.11-1.15

Độ dính : 13000-18000cps

Tan chảy trong nước

10 TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Điều kiện cần tránh :

Phân hủy nhiệt : nếu sử dụng đúng , sẽ không phân hủy

Chất phân hủy nguy hiểm: nếu sử dụng đúng ,sẽ không phân hủy

Chất cấm: không sát ăn mòn (ví dụ axit sulfuric, axit photphoric) 'ăn da, chất oxi hóa mạnh (ví dụ hydrogen peroxide, thuốc tím),

11 ĐỘC HẠI

Nếu dựa theo hướng dẫn để sử dụng và xử lí , căn cứ theo tài liệu hiện tại và kinh nghiệm của chúng tôi thì sản phẩm này không ảnh hưởng đến sức khỏe.

12 SINH THÁI HỌC

Tính phân hủy: không phân hủy trong môi trường tự nhiên.

Tính độc hại : không gây hại .

Cải khác: không có tác dụng ngăn chặn vi khuẩn trong hệ thống xử lí nước thải .

Không thể thải ra nguồn nước thải, môi trường đất cát.

13 XỬ LÝ CHẤT THẢI

Dựa theo quy định của nhà nước và địa phương tiến hành thu hồi , đốt hoặc chôn xử lí đúng nơi quy định

14 VẬN CHUYỂN

Dựa theo quy định vận chuyển thì hàng này không phải là hàng nguy hiểm

15 QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Nếu rò rỉ số lượng lớn sẽ dẫn đến ô nhiễm mức độ nhẹ. Hàng này không phải là hàng nguy hiểm nên dựa theo chính sách hàng hóa học bình thường .

16 CÁI KHÁC

Các thông tin trên là tài liệu cơ bản hiện tại mà chúng tôi thu thập được .

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN

MSDS 2025

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Keo vàngMã sản phẩm: **KS-2365****Tên nhà sản xuất/ Nhà cung ứng:** CÔNG TY TNHH VIỆT KHANG THÂM

Địa chỉ : Lô A1-3 (khu A4), Đường D9, Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, P An Tây, TP Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Tel: (0274) 3886288 Fax: (0274) 3886289

2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT TRONG HỖN HỢP

Polyvinyl alcohol solution: 30%~40%

Polyvinyl acetate polymer: 40% to 45%

Filler: 15%~20%

Deionized water: 10% to 15%

color powder : 0.01%~0.05%

3. THÔNG TIN VỀ CHẤT NGUY HIỂM

Nguy hiểm đối với người và môi trường:

Dùng theo chỉ định là không ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Lời khuyên chung: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và đi khám càng sớm càng tốt nếu có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe

Hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí và thăm khám bác sĩ nếu thấy biểu hiện không khỏe

Tiếp xúc với da: Rửa ngay vùng bị ảnh hưởng bằng nước và xà phòng.

Vô tình nuốt phải: Nếu nuốt phải, súc miệng ngay lập tức, uống nhiều nước và đến cơ sở y tế.

5. BIỆN PHÁP PHÒNG CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy: Tất cả các vật liệu chữa cháy thông thường đều phù hợp

Quy trình chữa cháy đặc biệt: Không yêu cầu quy trình chữa cháy đặc biệt

Phương tiện bảo hộ chữa cháy: mặt nạ phòng độc, bình dưỡng khí

Nguy hại từ sản phẩm tự phát sinh : khi ở nhiệt độ cao, sản phẩm sẽ không tự phát cháy, nhưng sẽ bị bốc hơi keo , sau khi bốc hơi hết, chất rắn sẽ phát cháy sản sinh cacbon dioxit.

6. XỬ LÝ RÒ RỈ

Phòng hộ cá nhân: tránh tiếp xúc với da và mắt .

Các bước vệ sinh: rò rỉ số lượng lớn cần tập trung lại để báo phé ,không được đổ xuống ống thoát nước .cần dựa theo quy định của nhà nước để xử lí

Cải khác :

Tránh đập làm rò rỉ, trơn trượt.

7 TÁC NGHIỆP VÀ BẢO LƯU

Tác nghiệp thông thường:

Tránh tiếp xúc vào mắt, da hoặc quần áo;

Không được uống;
Sử dụng nơi có không khí thoáng mát
Sau khi sử dụng phải vệ sinh sạch sẽ .

Bảo lưu:

Bảo lưu ở nhiệt độ từ 5-40 độ ; khi không sử dụng cần đậy kín.

8 Bảo hộ cơ thể và ngăn ngừa tiếp xúc

Bảo hộ tay : găng tay bảo hộ
Bảo hộ mắt: Đeo kính bảo hộ
Tránh tiếp xúc trực tiếp với mắt và da .

9 TÍNH CHẤT HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ

Vật thể: dạng kem
Màu sắc: màu ngà vàng
Mùi vị : có mùi chua
Độ PH: 5-7
Nhiệt Độ sôi : 100°C ,
Tỉ trọng : 1.05-1.1
Độ dính : 13000-17000cps
Tan chảy trong nước

10 TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Điều kiện cần tránh :
Phân hủy nhiệt : nếu sử dụng đúng , sẽ không phân hủy
Chất phân hủy nguy hiểm: nếu sử dụng đúng ,sẽ không phân hủy
Chất cấm: không sát ăn mòn (ví dụ axit sulfuric, axit photphoric) 'ăn da, chất oxi hóa mạnh (ví dụ hydrogen peroxide, thuốc tím), Borax hoặc axit boric một trong những thành phần này có thể tạo gel.

11 ĐỘC HẠI

Nếu dựa theo hướng dẫn để sử dụng và xử lý , căn cứ theo tài liệu hiện tại và kinh nghiệm của chúng tôi thì sản phẩm này không ảnh hưởng đến sức khỏe.

Độc tính cấp tính: Độc tính cấp tính của các chất tương tự là rất thấp

12 SINH THÁI HỌC

Tính phân hủy: không phân hủy trong môi trường tự nhiên.
Tính độc hại : không gây hại .
Cải khác: không có tác dụng ngăn chặn vi khuẩn trong hệ thống xử lý nước thải .
Không thể thải ra nguồn nước thải, môi trường đất cát.

13 XỬ LÝ CHẤT THẢI

Dựa theo quy định của nhà nước và địa phương tiến hành thu hồi , đốt hoặc chôn xử lý đúng nơi quy định

14 VẬN CHUYỂN

Dựa theo quy định vận chuyển thì hàng này không phải là hàng nguy hiểm

15 QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Nếu rò rỉ số lượng lớn sẽ dẫn đến ô nhiễm mức độ nhẹ. Hàng này không phải là hàng nguy hiểm nên dựa theo chính sách hàng hóa học bình thường .

16 CÁI KHÁC

Các thông tin trên là tài liệu cơ bản hiện tại mà chúng tôi thu thập được .

Phụ lục 5. Kết quả quan trắc

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 260156 – 260158

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: Lô F1, F3 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai.

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn**3. Ngày lấy mẫu : 24/12/2025****4. Ngày trả kết quả : 05/01/2026**

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thải số 1 của hệ thống xử lý bụi MHM: 2528220		30.117	35
E3: Bên trong ống thải số 2 của hệ thống xử lý bụi MHM: 2528221		26.284	24
E4: Bên trong ống thải số 3 của hệ thống xử lý bụi MHM: 2528222		26.971	28
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT; Giá trị C; Cột B		-	200

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy


Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện KCN: Khu công nghiệp
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Giá trị trên chưa tính đến hệ số K

Phụ lục 6. Bản vẽ

GHI CHÚ				
STT	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC		SỐ TẦNG
		ĐÀI	RỘNG	
1	NHÀ XƯỞNG + KHO	95	56.5	5367.5
2	NHÀ VĂN PHÒNG	95	56.5	5367.5
3	SÂN DỖ	20	15	300
4	BỂ MƯỚC NGÂM PCCC	5.2	5.1	26.52
5	NHÀ BẢO VỆ	30	6	180
6	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN	5	3.5	17.5
7	TRẠM ĐIỆN	14.1	3	42.3
8	NHÀ MÁY NÉN KHÍ	4	4	16
9	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI	18.7	3.4	63.58
10	KHU TẬP KẾT RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP	24.5	2.5	61.25
11	KHU TẬP KẾT RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP	30	2.5	75
12	KHU TẬP KẾT RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP	2.5	2.5	6.25
13	KHU TẬP KẾT RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP	6.5	2.5	16.25
TỔNG - TOTAL				59847.15 M2

MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ MÁY

ĐƯỜNG NB2

ĐƯỜNG D2B

GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR :	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE	
Địa chỉ: Lũy 1, F3 Khu B Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
YANG YOU PING	
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CONTRACTOR :	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME :	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAME :	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ MÁY	
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ: SCALE :	KÝ HIỆU: DRAWING No :
NGÀY: DATE :	Tháng 12 năm 2025 MBT-01

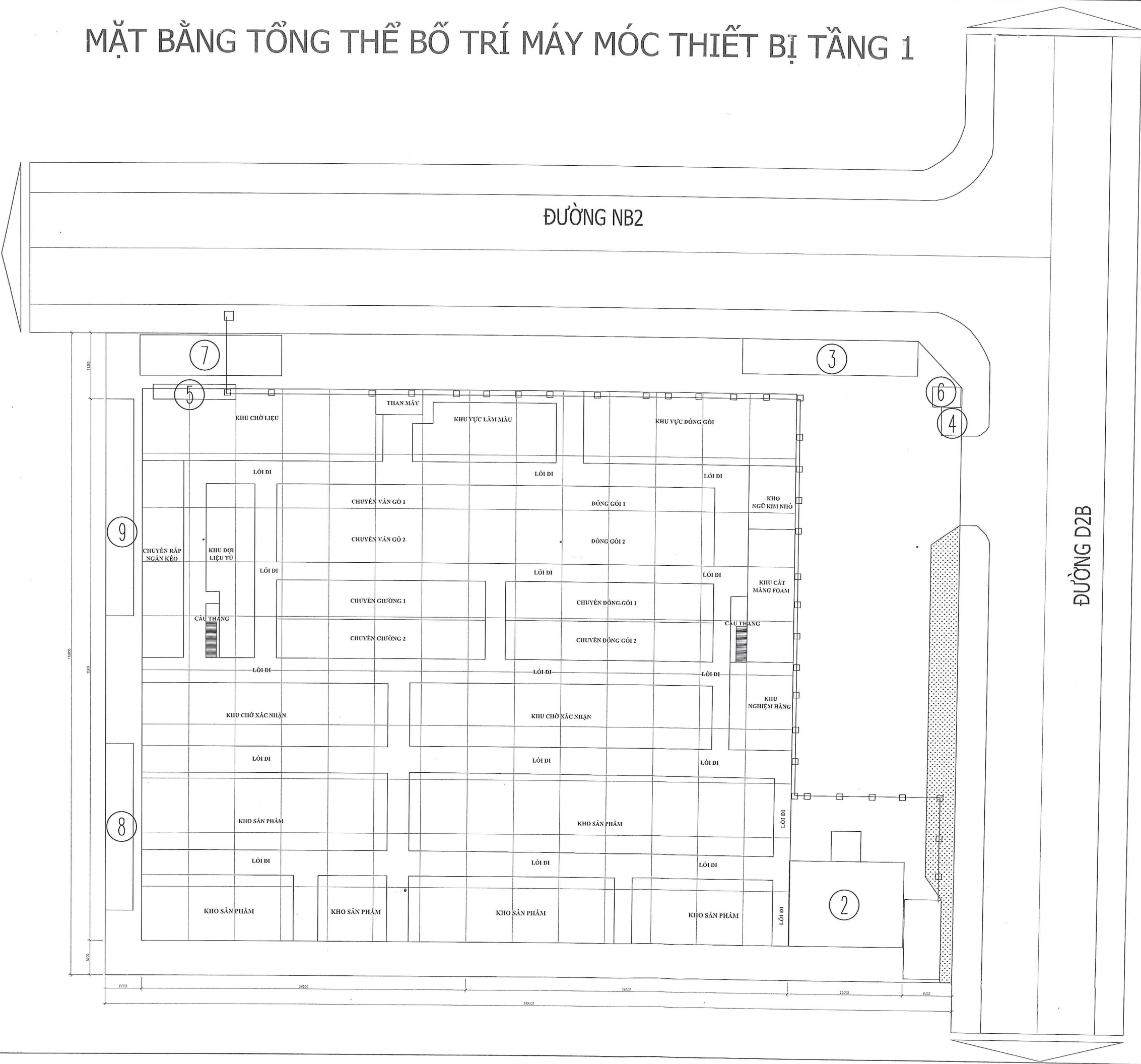
MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ TẦNG TRỆT

ĐƯỜNG NB2

ĐƯỜNG D2B

GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR :	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE	
Địa chỉ: 124/43 khu II, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
YANG YOU PING	
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CONTRACTOR :	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH : PROJECT NAME :	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ : DRAWING NAME :	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ TẦNG TRỆT	
☐ THIẾT KẾ SƠ ĐỒ	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HIỆN TRẠNG
KỶ LỆ: SCALE :	KỶ HIỆU: DRAWING No :
NGÀY: DATE :	MST-02
Tháng 12 năm 2025	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ TẦNG 1



GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR :	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE	
Địa chỉ: Lũy F. B3 Khu B, Khu Công Nghiệp Đặc Trưng Phố, Xã Bình Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
YANG YOU PING	
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CONTRACTOR :	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH : PROJECT NAME :	
TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ : DRAWING NAME :	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ TẦNG 1	
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ: SCALE :	KÝ HIỆU: DRAWING No :
NGÀY: DATE : Tháng 12 năm 2025	HBT-03

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

ĐƯỜNG NB2

HỒ ĐẤU NỮ
 中 NƯỚC THẢI

ĐƯỜNG D2B

GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ :
INVESTOR :

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: Lũ F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đông Phú, Xã Đông Phú,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

GIÁM ĐỐC: **M**
DIRECTOR: **EC FURNITURE**

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR :

GIÁM ĐỐC :
DIRECTOR :

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VĚ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH :
PROJECT NAME :

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ :
DRAWING NAME :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ SƠ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT☐ TRÌNH DUYỆT HIỆN TRANG

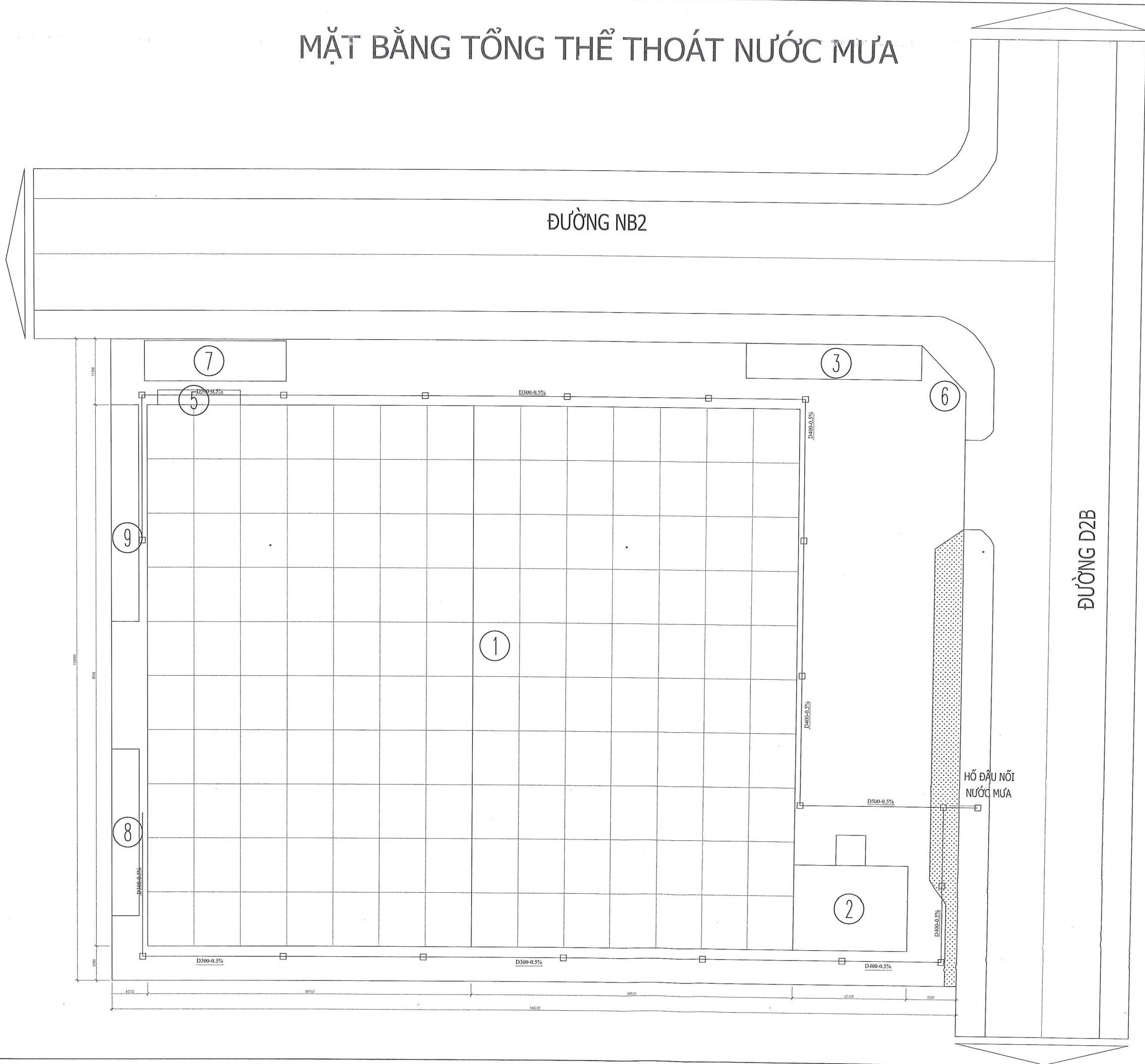
TỶ LỆ :

KỶ HIỆU -

NGÀY : Tháng 12 năm 2025

MBT-05

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA



GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR :

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 16/1 Khu B, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR :

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR :

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR :

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH :

PROJECT NAME :

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ :

DRAWING NAME :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ :

SCALE :

NGÀY :

DATE :

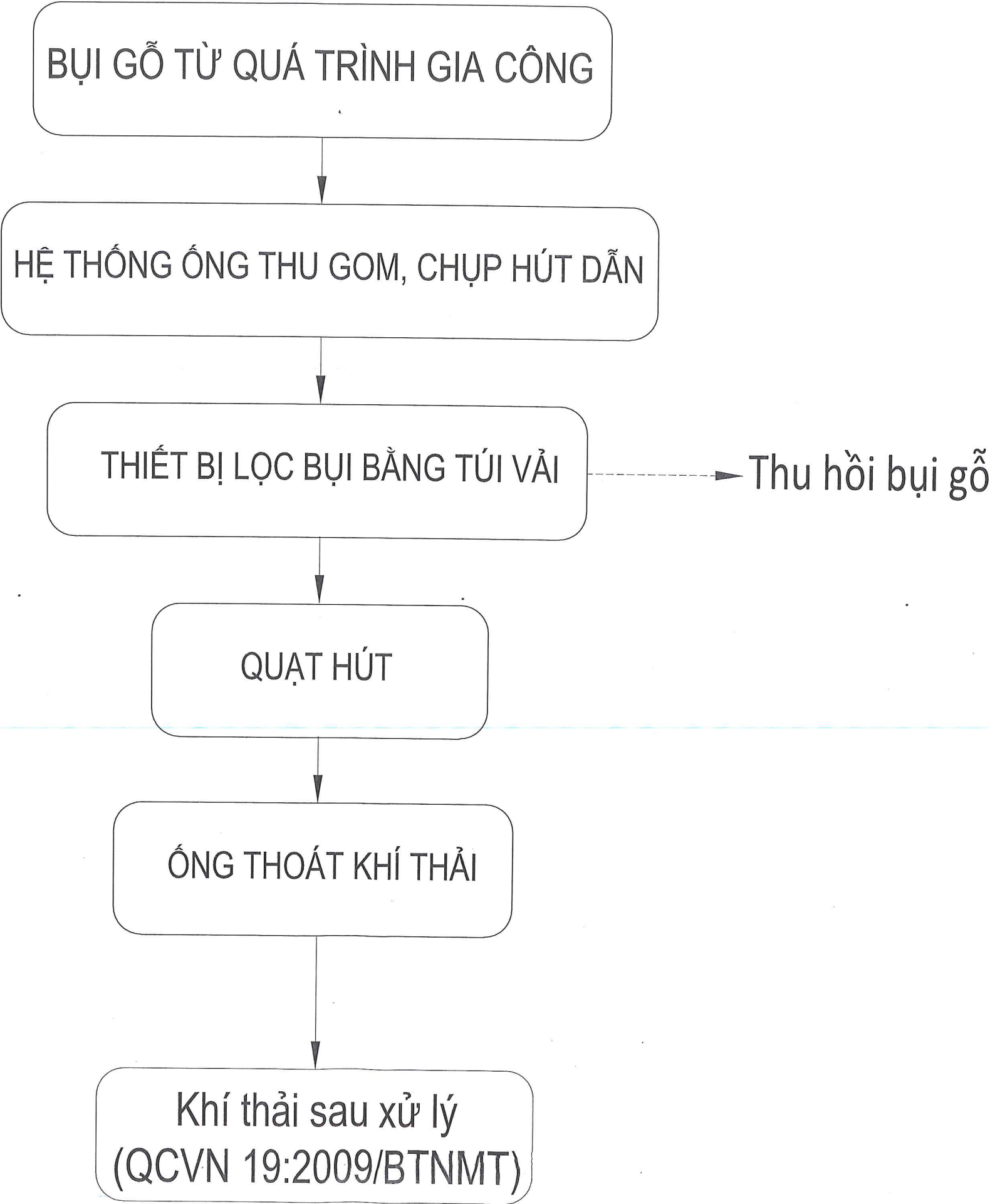
Tháng 12 năm 2025

KÝ HIỆU :

DRAWING No :

CNKT-04

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI CÔNG SUẤT =150.000 M³/GIỜ



GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR :	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE	
Địa chỉ: 19/13 Khu II, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
FC FURNITURE	
X. ĐỒNG PHÚ - T. ĐỒNG NAI	
YANG YOU PING	
ĐƠN VI THỰC HIỆN: CONTRACTOR :	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH : PROJECT NAME :	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI CÔNG SUẤT 150.000M ³ /H	
TÊN BẢN VẼ : DRAWING NAME :	
SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI	
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ : SCALE :	KÝ HIỆU : DRAWING No :
NGÀY : DATE : Tháng 12 năm 2025	CHKT-01

BẢN VẼ HIỆN TRẠNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY FC FURNITURE

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 150.000M3/H

ĐỊA CHỈ: Lô F1, F3 khu B, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Đồng Nai

THÁNG 12, 2025

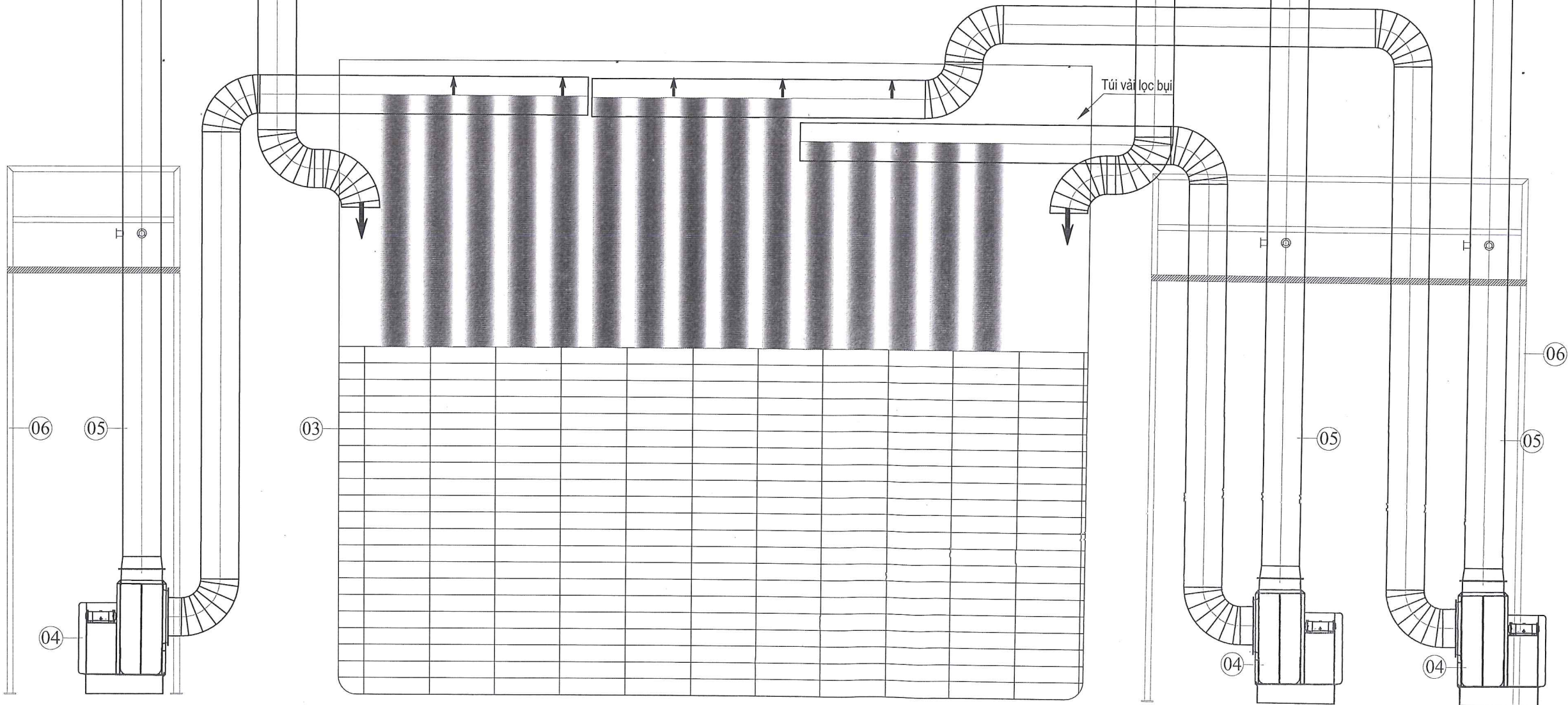


SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ

DANH MỤC THIẾT BỊ HỆ THỐNG				
STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG
1	Đường ống nhánh	01	- Vật liệu: Nhựa mềm và kẽm - Kích thước: + Ống nhựa mềm ruột gà Ø90-120, L=560m + Ống kẽm Ø150-300mm, L=350m	01 Hệ
2	Đường ống chính	02	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: + Ống Ø300mm, L=23m + Ống Ø500mm, L=43m + Ống Ø600mm, L=71m + Ống Ø900mm, L=21m + Ống Ø1000mm, L=45m	01 Hệ
3	Thiết bị lọc túi vải	03	- Kích thước thiết bị: DxRxH=11.76x2.56x9,95m - Chất liệu: Thép - Xuất xứ: Việt Nam	01 bộ
4	Quạt hút	04	- Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 75HP (55KW) - Vòng tua: 1.400 v/phút - Lưu lượng: 50.000 m ³ /h - Cột áp: 2.200Pa	03 bộ
5	Ống thoát khí sau xử lý	05	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: Ø800mm, L=8m	03 ống
6	Sàn thao tác lấy mẫu	06	- Kích thước: DxRxH = 4,7x2,7x3,5m - Vật liệu: Thép Hộp 40x80, 50x50, 40x40, 30x30mm	02 Hệ

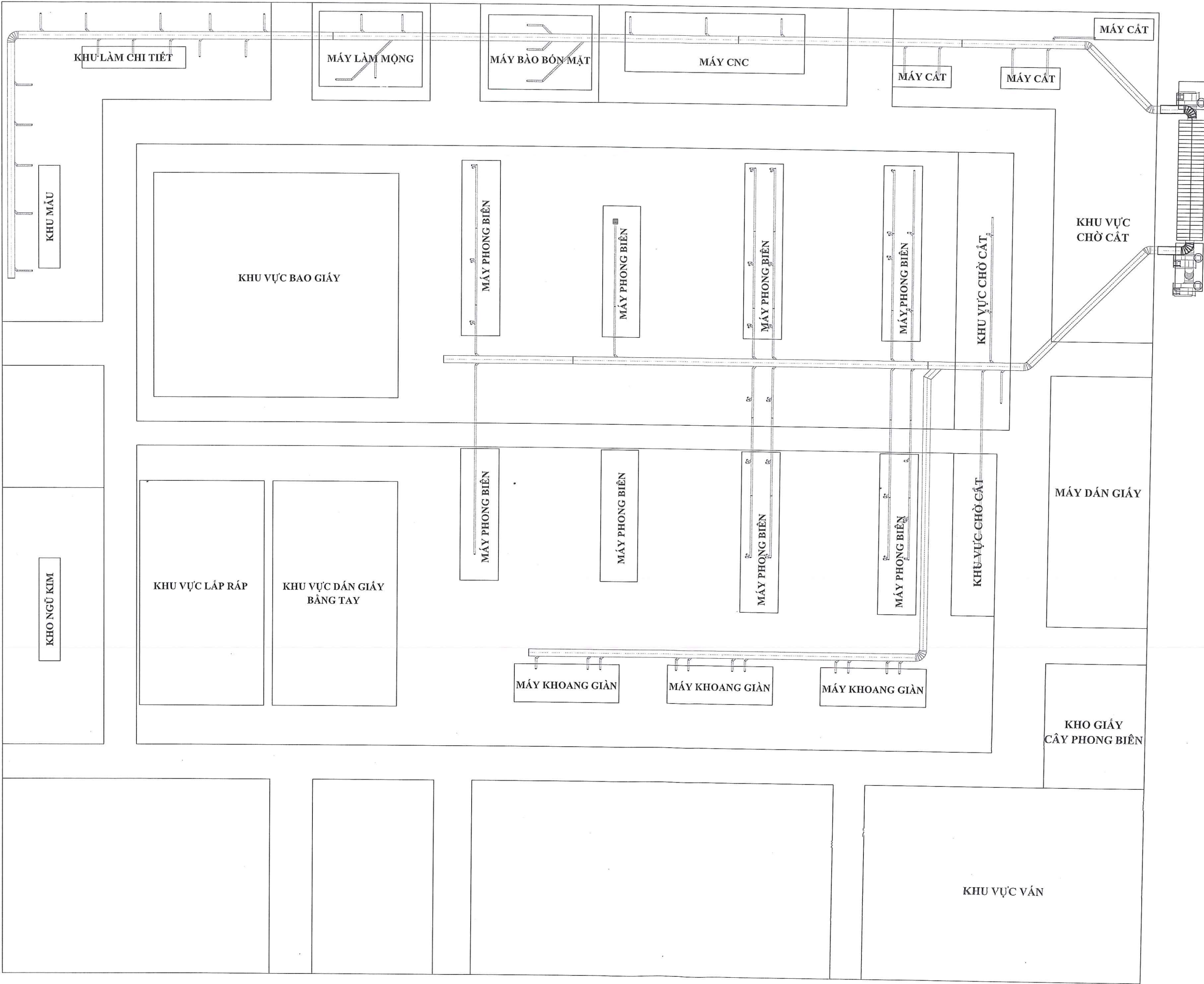
Khí thải sau xử lý
(QCVN 19:2009/BTNMT)

Khí thải sau xử lý
(QCVN 19:2009/BTNMT)



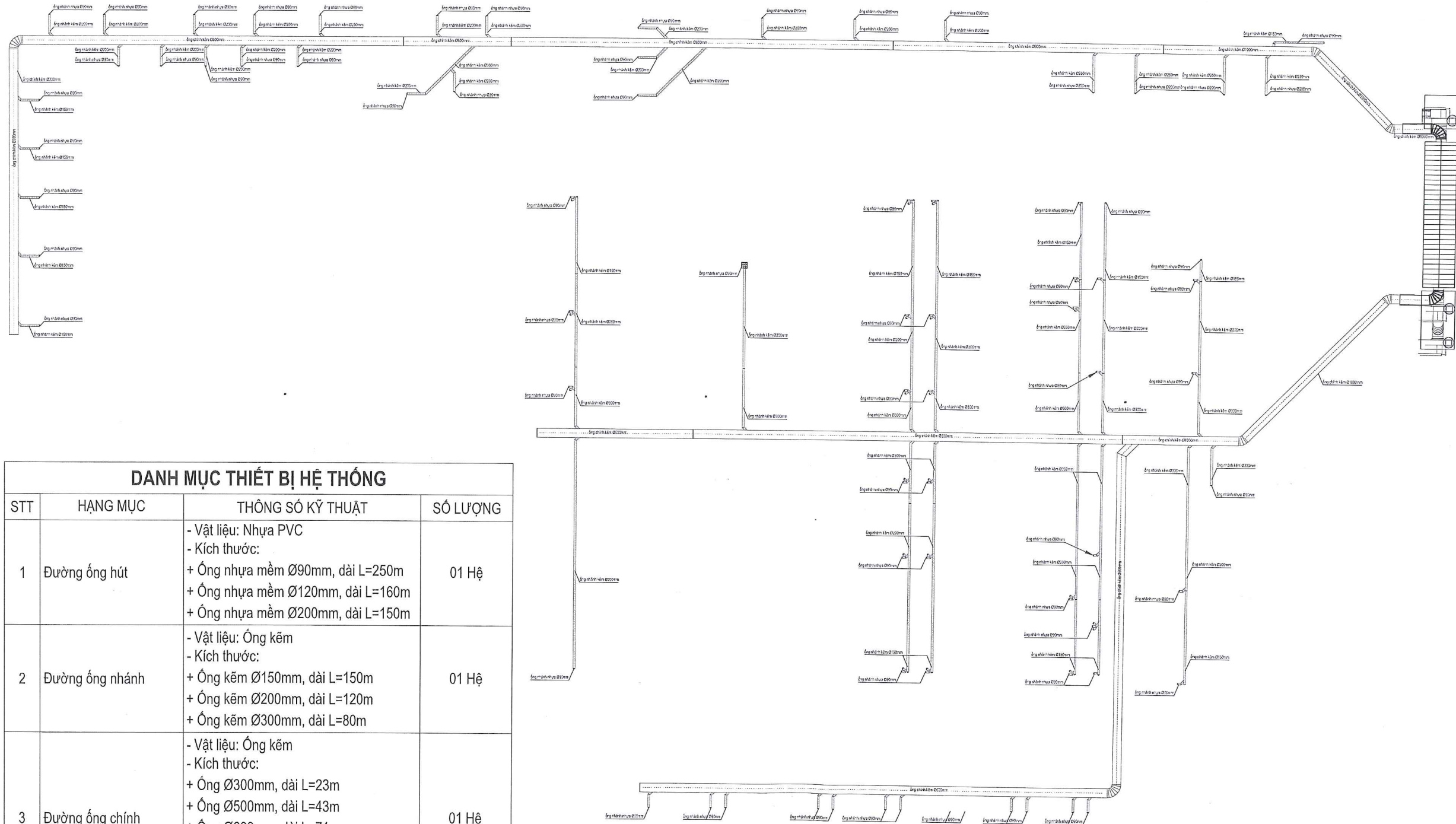
GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR:	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE Địa chỉ: 17/16, 13 Khu D, Số 1, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam GIÁM ĐỐC: DIRECTOR	
BỘ VI THỰC HIỆN: CONTRACTOR:	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI CÔNG SUẤT 150.000M³/H	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAME: SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI	
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ TRÌNH DUYỆT	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT ☒ HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ: SCALE:	KÝ HIỆU: DRAWING No:
NGÀY: DATE:	Tháng 12 năm 2025 CHKT-02

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT =150.000 M³/GIỜ



GHI CHÚ NOTES	
ĐIỀU CHỈNH: DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH: REVISED BY:
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR :	
CÔNG TY TNHH FC FURNITURE Địa chỉ: 15/14, Khu II, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
YANG YOU PING	
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CONTRACTOR :	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR :	
QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWN BY:	
KIỂM / CHECKED BY:	
TÊN CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME :	
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI CÔNG SUẤT 150.000M ³ /H	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING NAME :	
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI	
☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ: SCALE :	KÝ HIỆU: DRAWING No :
NGÀY: DATE :	Tháng 12 năm 2025 CNKT-03

MẶT BẰNG ỐNG DẪN HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ



DANH MỤC THIẾT BỊ HỆ THỐNG

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG
1	Đường ống hút	- Vật liệu: Nhựa PVC - Kích thước: + Ống nhựa mềm Ø90mm, dài L=250m + Ống nhựa mềm Ø120mm, dài L=160m + Ống nhựa mềm Ø200mm, dài L=150m	01 Hệ
2	Đường ống nhánh	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: + Ống kẽm Ø150mm, dài L=150m + Ống kẽm Ø200mm, dài L=120m + Ống kẽm Ø300mm, dài L=80m	01 Hệ
3	Đường ống chính	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: + Ống Ø300mm, dài L=23m + Ống Ø500mm, dài L=43m + Ống Ø600mm, dài L=71m + Ống Ø800mm, dài L=65m + Ống Ø900mm, dài L=21m + Ống Ø1000mm, dài L=45m	01 Hệ
4	Ống thoát khí sau xử lý	- Vật liệu: Ống kẽm - Kích thước: Ø800mm, dài L=8m - Số lượng 03 ống	01 Hệ

GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 10 Đường Khu D, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH:

PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI
CÔNG SUẤT 150.000M³/H

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAME:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI

☐ THIẾT KẾ SỐ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ:

SCALE:

NGÀY:

DATE:

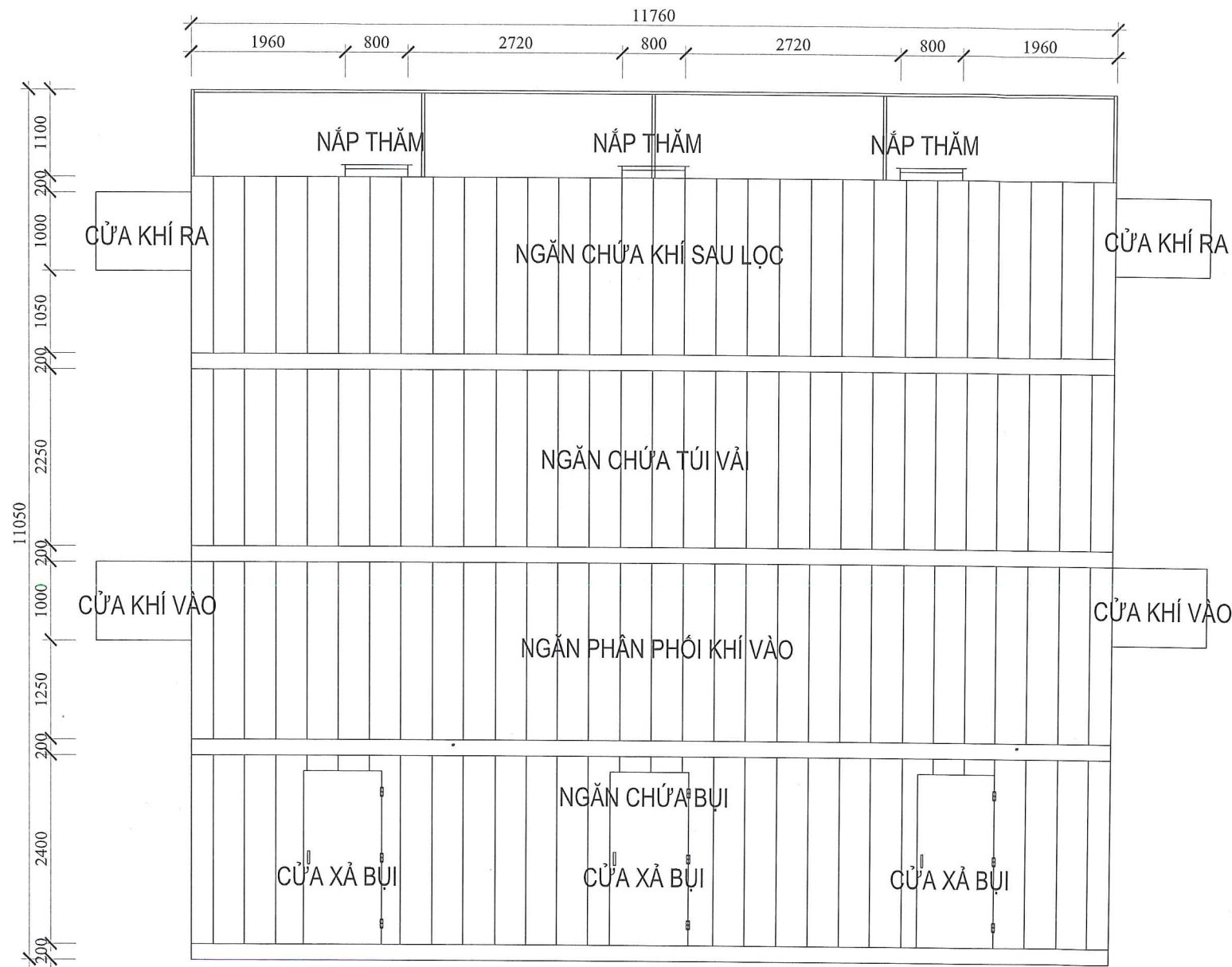
Tháng 12 năm 2025

KÝ HIỆU:

DRAWING No:

CKKT-04

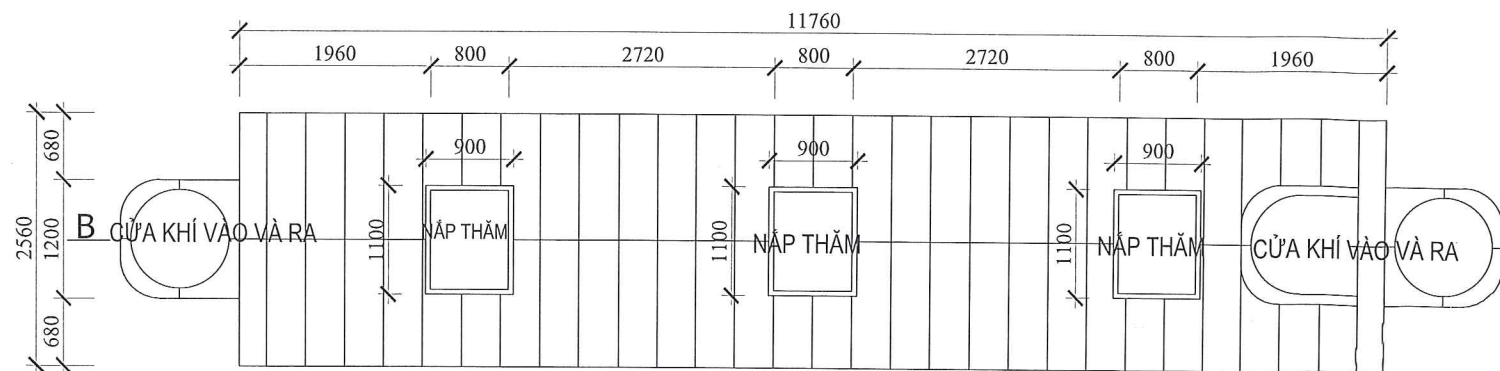
CHI TIẾT BÊN NGOÀI THIẾT BỊ LỌC TÚI VÀI HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ



MẶT CẠNH A



MẶT CẠNH B



MẶT BẰNG

GHI CHÚ:

THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI TÚI VÀI

- Kích thước: DxRxH = 11760x2560x9950mm
- Vật liệu: Thép SS400
- Cửa khí vào Ø1000mm, 02 cửa
- Cửa khí ra Ø800mm, 03 cửa
- Cửa xả bụi: HxR = 2200x1000mm, 03 cửa
- Nắp thăm: DxR = 1000x800mm, 03 nắp

GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR :

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 1/11, Khu B, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR :

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR :

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH :

PROJECT NAME :

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI
CÔNG SUẤT 150.000M³/H

TÊN BẢN VẼ :

DRAWING NAME :

CHI TIẾT BÊN NGOÀI THIẾT BỊ LỌC TÚI VÀI HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI

☐ THIẾT KẾ SỐ BỐ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ:

SCALE :

NGÀY:

DATE :

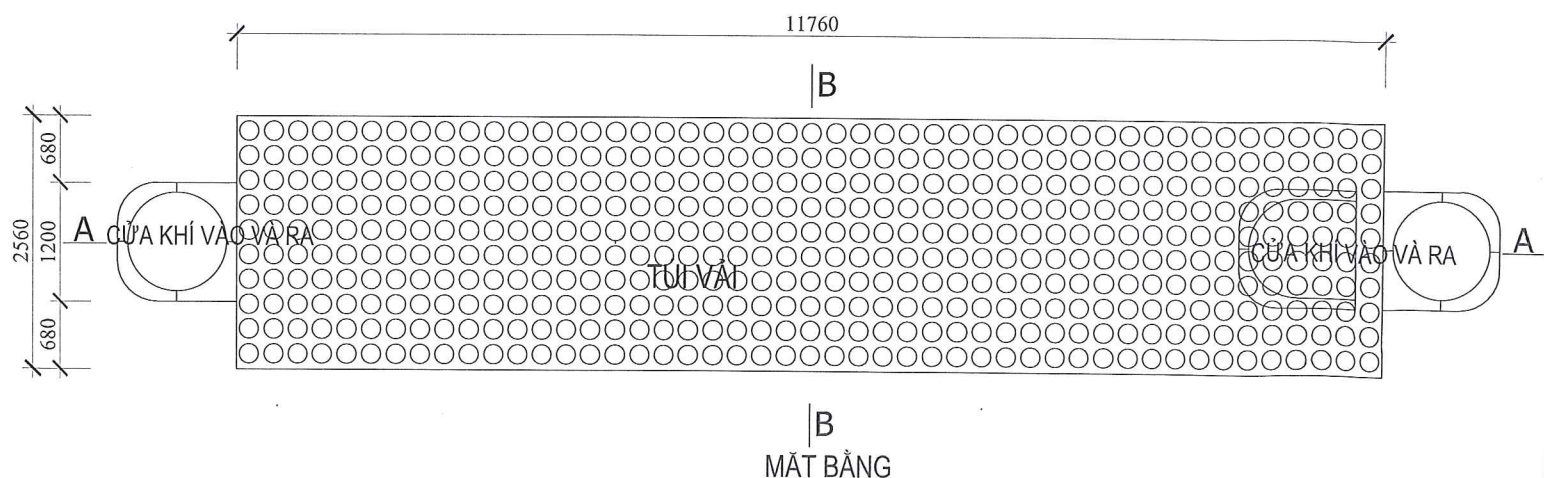
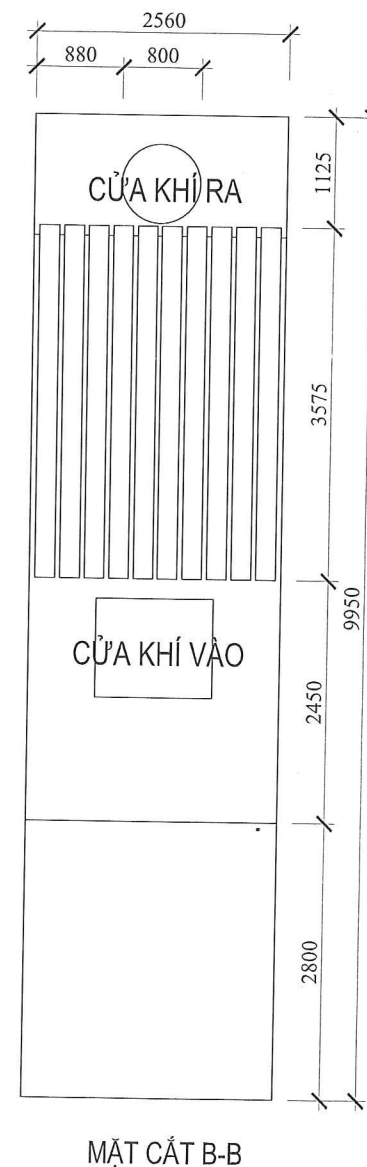
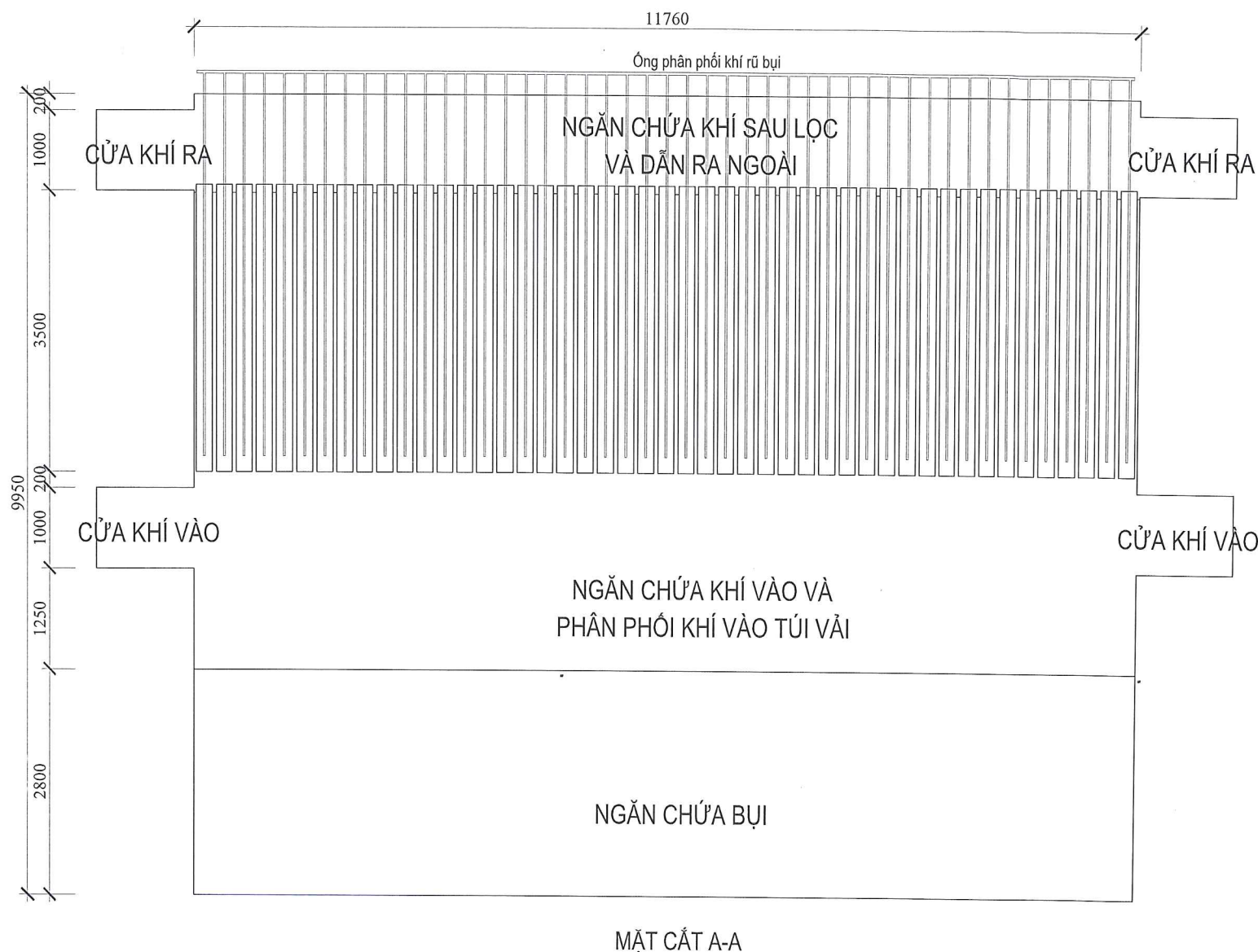
KÝ HIỆU:

DRAWING No :

Tháng 12 năm 2025

CHKT-05

CHI TIẾT BÊN TRONG THIẾT BỊ LỌC TÚI VÀI HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ



GHI CHÚ:

BÊN TRONG THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI TÚI VÀI

- Túi vải:
 - + Kích thước: D x H = 200 x 3575mm
 - + Vật liệu: Vải poly
 - + Số lượng: 470 cái
- Ống phân phối khí
 - + Ống chính: Ø34mm
 - + Ống nhánh: Ø21mm
 - + Vật liệu: thép

GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR :

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 10/11, K5 khu A, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Phú, Việt Nam

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR :

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
CONTRACTOR :

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR :

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME :

**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI
CÔNG SUẤT 150.000M³/H**

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAME :

CHI TIẾT BÊN TRONG THIẾT BỊ LỌC TÚI VÀI HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI

☐ THIẾT KẾ SỐ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ:

SCALE :

NGÀY:

DATE :

KÝ HIỆU:

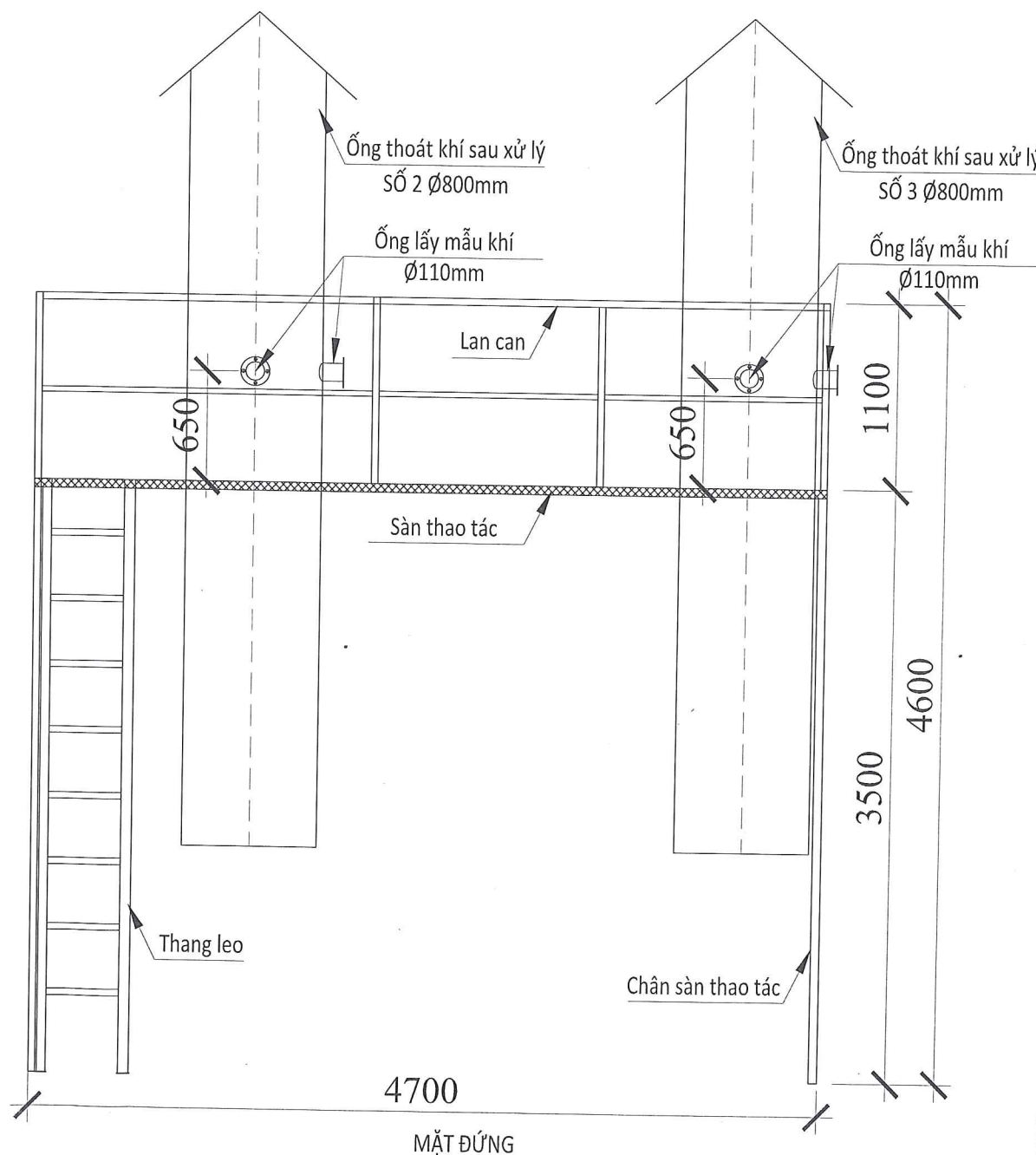
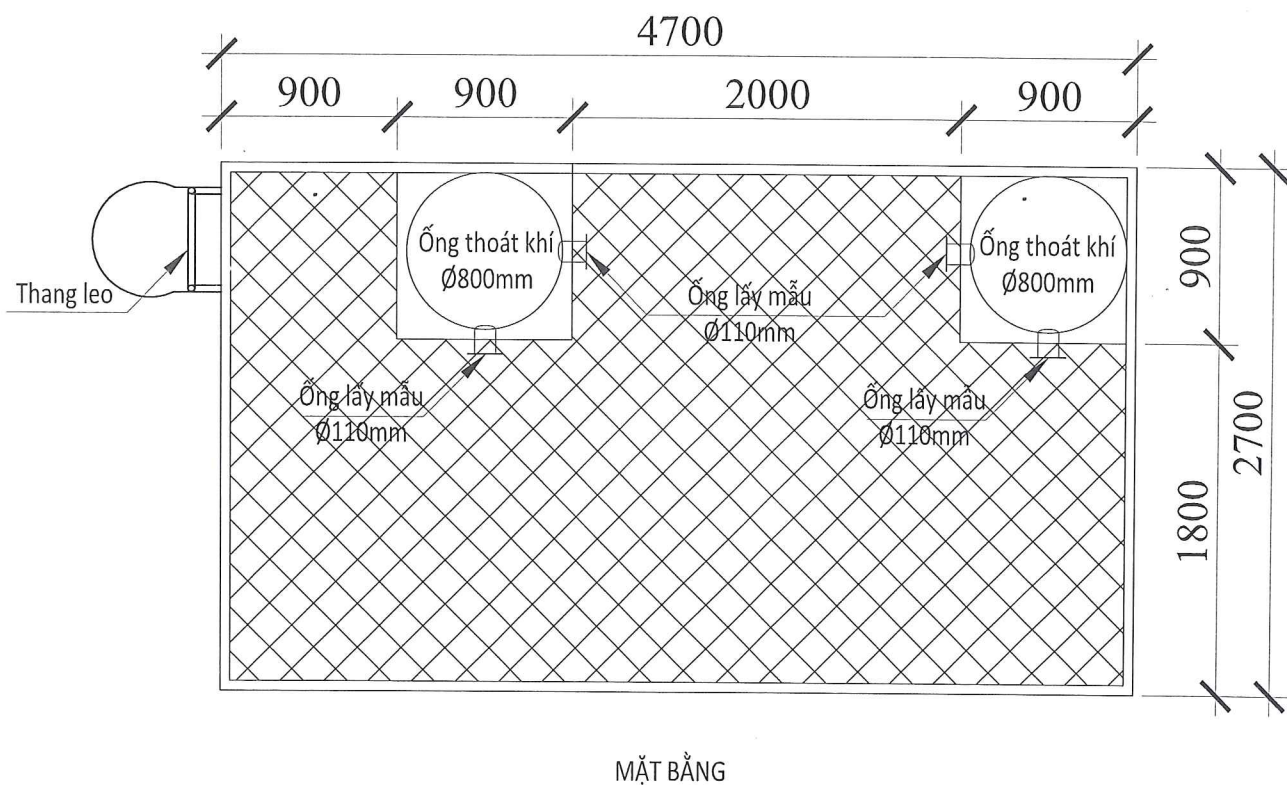
DRAWING No :

CHKT-06

SÀN THAO TÁC LẤY MẪU SỐ 2 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ

GHI CHÚ:

- Sàn thao tác số 2 được gia công bằng thép SS400 dạng U, V, hộp dày 1.2-2.5mm
- Kích thước: DxRxC = 4,7x2,7x3,5m
- Lan can cao 1.1m
- Ống lấy mẫu Ø110mm, cách sàn thao tác: H=650mm, cách



GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 380/4 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

FC FURNITURE

X. ĐỒNG PHÚ - T. ĐỒNG NAI

YANG YOU PING

ĐƠN VI THỰC HIỆN:
CONTRACTOR:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH:

PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI
CÔNG SUẤT 150.000M³/H

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAME:

SÀN THAO TÁC LẤY MẪU SỐ 2

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ:

SCALE:

NGÀY:

DATE:

Tháng 12 năm 2023

KÝ HIỆU:

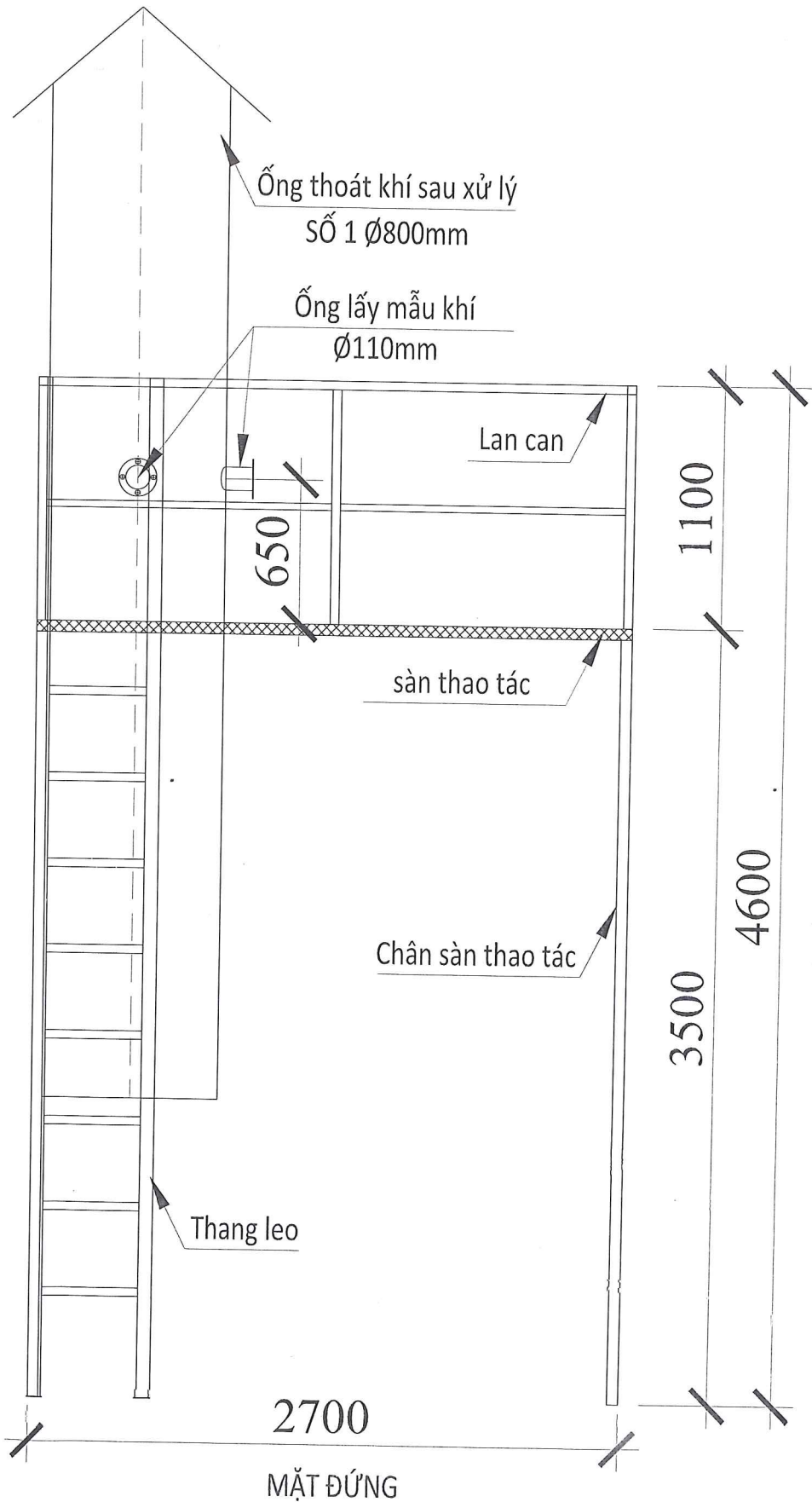
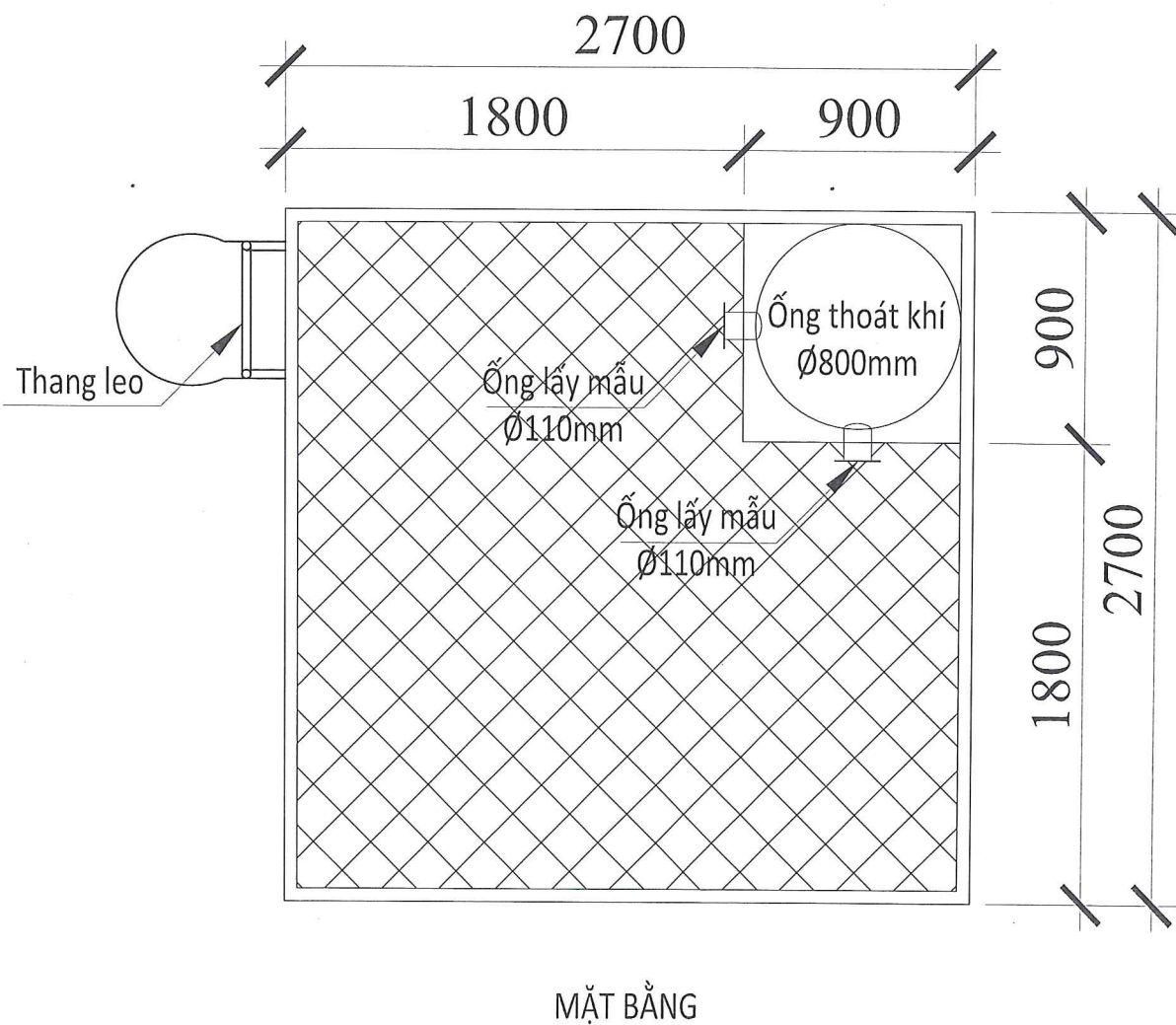
DRAWING No:

CNKT-08

SÀN THAO TÁC LẤY MẪU SỐ 1 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI - CÔNG SUẤT 150.000 M³/GIỜ

GHI CHÚ:

- Sàn thao tác được gia công bằng thép SS400 dạng U, V, hộp dày 1.2-2.5mm
- Kích thước: DxRxH = 2,7x2,7x3,5m
- Lan can cao 1.1m
- Ống lấy mẫu Ø110mm, cách sàn thao tác: H=650mm, cách



GHI CHÚ
NOTES

ĐIỀU CHỈNH:
DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH:
REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ:

INVESTOR:

CÔNG TY TNHH FC FURNITURE

Địa chỉ: 10/17 Khu B, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, Xã Đồng Phú,
Tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC:

DIRECTOR

YANG YOU PING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

CONTRACTOR:

GIÁM ĐỐC:

DIRECTOR

QUẢN LÝ KT / MANAGED BY:

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:

VẼ / DRAWN BY:

KIỂM / CHECKED BY:

TÊN CÔNG TRÌNH:

PROJECT NAME:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỤI
CÔNG SUẤT 150.000M³/H

TÊN BẢN VẼ:

DRAWING NAME:

SÀN THAO TÁC LẤY MẪU SỐ 1

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT

☐ TRÌNH DUYỆT

☒ HIỆN TRẠNG

TỶ LỆ:

SCALE:

KÝ HIỆU:

DRAWING No:

NGÀY:

DATE:

Tháng 12 năm 2025

CNKT-07